



Người dịch: Đỗ Tử Trình

BAO NGƯỜI CHỜ ĐỢI

ROMAIN GARY



Bookaholic

BAO NGƯỜI CHỜ ĐỢI



Tác giả: Romain Gary

Người dịch: Đỗ Tử Trình

Nhà Xuất Bản Thuận Hóa 1988

Dịch từ nguyên bản tiếng Pháp “*Éducation européenne*”
do Nhà xuất bản Penguin (London) xuất bản năm 1946
Bản sách điện tử đã được Bookaholic chuyển các tên riêng
của bản dịch từ NXB Thuận Hóa năm 1988 sang tên riêng
như trong bản gốc tiếng Pháp.

Thiết kế bìa: Hanki

Twenty©Bookaholic

*Để tưởng nhớ bạn tôi,
một người Pháp tự do ROBE CONCANAP*

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Tác phẩm này vốn có tên là “NỀN GIÁO DỤC CHÂU ÂU” vì nhiều lý do trong đó có một lý do là đề dễ lưu hành trong các nước bị phát-xít Đức chiếm đóng, vì nội dung sách nói về cuộc đấu tranh du kích của nhân dân Ba Lan (nhưng không phải chỉ có người Ba Lan tham gia) chống bọn chiếm đóng phát-xít. Sách in ở Anh năm 1943. Chúng tôi chọn dịch, xuất bản cuốn sách này và đặt tên là BAO NGƯỜI CHỜ ĐỢI..., lấy ý từ một bài thơ trong tác phẩm:

Trong gian phòng xưa tôi chờ đợi

Bao người đã chờ đợi như vậy?

...

Tôi chờ cho nền Đế chế cuối cùng

Sụp đổ trước những trận đánh của

những người yêu nước châu Âu.

...

Tôi chờ cho châu Âu cuối cùng

vùng dậy và bước đi

Biết bao người khác cũng chờ đợi như tôi?

Tác phẩm này khá độc đáo về bút pháp thể hiện, về bố cục, mỗi nhân vật, tình tiết, mỗi mẫu chuyện là một chương ngắn gọn, súc tích liên quan mật thiết với nhau, dẫn dắt người đọc

hình dung lại cả cuộc chiến đấu của nhân dân thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không khuất phục trước phát-xít bạo tàn. Các nhóm kháng chiến tiến hành đấu tranh phân tán rời rạc không có sự lãnh đạo chung, thậm chí đã bắn nhầm lẫn nhau. Nhưng có một điều rõ ràng là đều nhằm vào một kẻ thù: bọn phát-xít Đức, vào một mục đích: “Giải phóng” Tổ quốc và có mọi chỗ dựa để tin tưởng vào ngày mai chiến thắng: Đó là chiến tranh vệ quốc anh hùng của nhân dân Liên Xô với bước ngoặt lịch sử: chiến thắng ở Stalingrad. Cuộc du kích chiến diễn ra vào mùa đông ở trong rừng đầy tuyết phủ và trong những căn hầm dưới đất, với thức ăn duy nhất là khoai tây. Dân làng tiếp tế cho các nhóm du kích, vì đó là con cháu mình nhưng lại không muốn du kích hoạt động vì sợ bọn chiếm đóng khủng bố. Một bác sĩ cho con vào rừng nhưng ở lại thị trấn vì ở đây đang có dịch tả, có những bệnh nhân cần cứu chữa Một cô gái chơi đàn dương cầm tay, đã ở lại cùng người yêu là sinh viên đang tham gia du kích. Bố là phản động nhưng con lại đi kháng chiến. Có thể nói tác giả đã mô tả cuộc đấu tranh của toàn dân, của tất cả các tầng lớp, với các hình thức, các phương tiện của mình. Còn những phần tử cam tâm làm tay sai cho giặc đều phải chịu sự trừng phạt xứng đáng của lương tâm và của chính nghĩa.

Tác giả đã thành công trong việc khắc họa một cô gái trinh sát đã hy sinh sự trinh tiết để theo dõi các cuộc hành quân của giặc. Nhưng không một ai dám coi thường cô gái và cô cũng biết rõ giá trị của mình. Một ông già yêu quê hương làng xóm, đã lên án con mình là một thiếu tướng vì chiến thuật, chiến lược đã rút quân không ở lại giữ làng. Một anh sinh viên, gia đình thuộc tầng lớp trên, đã dứt khoát cắt đứt quan hệ với bố theo giặc, thà chết ở trong rừng chứ không về thành để đi chữa bệnh ở Thụy Sĩ v.v... và v.v...

Cuốn sách này, tuy ngắn gọn nhưng đã nêu lên được những nét điển hình của cuộc chiến tranh nhân dân, không khác gì những điều đã xảy ra qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ của chúng ta, nhất là về hoạt động trong lòng địch ở khu căn cứ và trong các làng mạc bị chiếm đóng.

Mặc dù tác giả không nói gì đến vai trò lãnh đạo của Đảng, của Mặt trận, của Quân đội, nhưng người đọc cũng thấy được cuộc chiến đấu của du kích Ba Lan, của nhân dân Ba Lan có thể giáo dục cho châu Âu, cho thanh niên châu Âu, cho nhân dân châu Âu đứng lên tiến hành đấu tranh để giải phóng châu Âu khỏi họa phát-xít dưới sự cổ vũ của cuộc kháng chiến vĩ đại của nhân dân Liên Xô.

Hiểm họa của bọn phát-xít mới, vấn đề hòa bình cùng tồn tại hay chiến tranh hạt nhân hủy diệt tất cả v.v... là những vấn đề đang làm cho con người trên trái đất này lo ngại, nhận thức như thế nào về cuộc sống tương lai v.v.... làm cho chúng ta khi đọc lại cuốn sách súc tích này không thì không suy nghĩ đến vai trò của nhân dân, đến cuộc đấu tranh đa dạng và phong phú cho cuộc sống của con người.

Huế, tháng 2-1988

NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA

I

Chỗ ẩn núp được dọn dẹp xong khi những tia sáng đầu tiên của bình minh xuất hiện. Đó là một buổi bình minh ảm đạm, dầm mưa của tháng chín: những cây thông bông bênh trong sương mù, mắt nhìn không thấu đến trời. Từ một tháng nay, họ bí mật làm việc ban đêm: bọn Đức không bao giờ dám mạo hiểm đi xa các đường lớn khi hoàng hôn đến, nhưng ban ngày thì bọn chúng thường lùng sục vào rừng, đi tìm những người du kích hiểm hoi mà đói rét và thất vọng chưa buộc được họ phải từ bỏ cuộc chiến đấu. Hàm ẩn núp sâu ba mét, rộng bốn mét. Trong một góc, họ trải nệm và chăn; mười bao khoai tây, mỗi bao năm chục kí lô, xếp dọc theo bờ tường đất. Sau bờ tường này, bên cạnh đồng chăn nệm, họ đào một bếp lò: ống khói kéo dài ra xa vài thước cách chỗ núp, trở ra một bụi cây. Mái hàm chắc chắn: họ đã dùng cánh cửa của một chiếc xe bọc sắt mà du kích đã làm nổ tung, cách đây một năm, trên đường sắt từ Wilno đến Molodeczno.

– Hằng ngày, con không được quên là phải thay các bụi cây đấy nhé, bác sĩ nói.

– Con không quên đâu.

– Phải chú ý đến khói đấy.

– Vâng ạ!

– Nhất là không được nói với ai.

– Con sẽ không nói. – Janek hứa.

Xềng cầm tay, hai cha con ngấm nhìn công trình của họ. Janek nghĩ, đây là một chỗ ẩn núp tốt, được giấu kín trong bụi bờ. Ngay cả Stefek Podhorski ở trường Wilno thường được gọi là “Winetoo, tù trưởng đáng kính của bộ lạc những người Apache”. Ngay cả Winetoo cũng không thể đánh hơi ra chỗ ẩn nấp này – còn trong giới những người Da Đỏ thì Janek mang cái tên vinh quang là “Ông già Shatterhand”.

– Con sẽ sống ở đây bao lâu nữa ba?

– Không lâu đâu. Bọn Đức sắp bị đánh bại rồi.

– Bao giờ?

– Không nên thất vọng.

– Con không thất vọng. Nhưng con muốn biết... Khi nào?

– Có lẽ vài tháng nữa.

Bác sĩ Twardowski nhìn con.

– Hãy núp kỹ.

– Vâng.

– Và không nên để cảm lạnh.

Bác sĩ lấy từ trong túi ra một khẩu súng lục.

– Con nhìn đây.

Bác sĩ giải thích cách sử dụng vũ khí.

– Con hãy giữ nó cẩn thận. Trong sắc cốt này, còn năm viên đạn.

– Cảm ơn ba.

Bây giờ ba đi đây. Mai ba trở lại. Con hãy núp kỹ. Hai anh của con đã bị giết... Bây giờ con là tất cả những gì còn lại của ba và

mẹ đây, “Ông già Shatterhand” ạ!

Bác sĩ mỉm cười.

– Con hãy cố chịu đựng. Sẽ đến ngày mà bọn Đức rời khỏi đây... Những người còn lại sẽ sống. Hãy nghĩ đến mẹ con. Con không được đi xa khỏi đây. Và nhất là phải tránh mọi người.

– Vâng.

Bác sĩ ra đi trong sương mù. Mặt trời đã lên nhưng mọi vật còn xám xịt và mờ ảo: những cây thông vẫn bông bênh trong mây mù, cành cây vươn ra như những chiếc cánh quá nặng nề mà không một làn gió nào đến lay động. Janek chui vào bụi cây, nhấc cánh cửa thép. Nó tụt theo thang xuống và nằm vật lên tấm nệm. Trong hầm tối om. Janek ngồi dậy, cố nhen lửa: củi ướt. Nhưng cuối cùng lửa cũng cháy, nó nằm dài ra và cầm lấy cuốn sách “Winetoo, người Da Đỏ hào hoa” to tướng. Nhưng nó không thể đọc được. Mắt nhúu lại, cơn mệt nhọc làm cho thân thể và tinh thần nó bải hoải. Janek ngủ say sưa.

II

Ngày hôm sau, Janek vẫn ở trong hầm. Nó đọc lại chương sách trong đó mô tả ông già Shatterhand, bị trói vào cột xử giảo, đã đánh lừa được những người Da Đỏ canh gác và trốn thoát. Đó là đoạn mà nó thích nhất. Nó nướng khoai dưới tro nóng và ăn khoai. Ống thông khói không hút hết nên khói tràn ngập căn hầm, làm mắt cay xè... Janek không dám ra khỏi hầm. Nó biết rằng ngoài kia nó cũng chỉ có một mình, nó sợ. Còn trong hầm này dù sao cũng tránh được mọi người.

Đến sáng tối thì bác sĩ Twardowski về.

– Chào con “Ông già Shatterhand”.

– Chào ba.

– Con không ra khỏi hầm chứ?

– Không ạ!

– Con không sợ sao?

– Con không bao giờ sợ.

Bác sĩ mỉm cười buồn bã. Trông ông có vẻ già đi và mệt nhọc.

– Mẹ con dọn phải cầu kính.

Janek nghĩ đến hai người anh... Mẹ đã đọc kinh cầu nguyện nhiều cho họ.

- Cầu nguyện mà làm gì?
- Không làm gì cả. Nhưng mẹ đã bảo thì con cứ làm.
- Vâng.

Bác sĩ ở lại với con cả đêm. Họ không ngủ nhiều. Họ cũng không nói chuyện nhiều với nhau. Janek chỉ hỏi:

- Tại sao ba lại không đi ăn núp?
- Có nhiều người bệnh ở Sucharki. Bệnh dịch tả, con biết không... Đói rét đã làm cho bệnh dịch phát triển. Ba cần phải ở lại với họ, “Ông già Shatterhand” ạ! Con hiểu điều đó, phải không?

– Vâng.

Cả đêm, bác sĩ giữ cho lửa không tắt. Janek, hai mắt mở to, nhìn cảnh củi đỏ lên rồi đen lại.

- Con không ngủ sao, con trai của ba?
- Không, ba ạ.
- Thế à?
- Tình hình này còn kéo dài bao lâu nữa, Ba?
- Ba không biết. Không ai biết cả... Không một ai biết.

Rồi bất thần ông nói:

— Một trận đánh lớn hiện nay đang diễn ra trên bờ sông Volga...

- Đây là đâu?
- Trên bờ sông Volga. Ở Stalingrad... Có những người đang chiến đấu cho chúng ta.
- Cho chúng ta?
- Phải. Cho con, cho ba và cho hàng triệu người khác.

Củi cháy, nổ tanh tách và biến thành tro...

– Trận này tên là gì?

– Trận Stalingrad... Đã kéo dài nhiều tháng nay. Không ai biết sẽ còn kéo dài đến bao giờ và ai sẽ thắng...

Bác sĩ ra đi lúc bình minh và nói:

– Nếu có chuyện gì xảy ra với mẹ và ba thì con không được trở về Sucharki. Con có thực phẩm dự trữ cho nhiều tháng. Nếu con không còn gì ăn hoặc cảnh cô đơn quá nặng nề thì con tìm đến với những người du kích.

– Họ ở đâu?

– Ba cũng không biết. Họ cũng không còn nhiều đâu. Họ ẩn núp trong rừng. Con hãy đi tìm họ nhưng đừng chỉ cho họ biết chỗ ẩn núp của con. Nếu tình hình xấu đi thì con hãy trở về ẩn náu tại đây.

– Vâng.

– Nhưng không nên lo sợ. Không có việc gì xảy ra với ba đâu.

Ngày hôm sau bác sĩ trở lại. Nhưng ông không ở lâu.

– Ba không dám để mẹ con ở một mình.

– Tại sao?

– Người ta đã giết một tên hạ sĩ quan Đức ở Sucharki. Chúng đang bắt con tin.

– Giống như những người Da đỏ, Janek nói.

– Ủ. Giống những người Da Đỏ.

Bác sĩ đứng dậy.

– Con đừng đi xa... Giữ gìn sạch sẽ. Làm như mẹ đã dạy.

– Vâng.

– Đừng lãng phí diêm. Để diêm cạnh bếp lửa, nơi khô ráo.
Không có diêm, con sẽ chết rét đây.

– Con sẽ chú ý cẩn thận, Ba...

– Cái gì con?

– Trận ấy thế nào rồi?

Ba không được tin tức. Cũng khó mà biết rõ việc gì đang xảy ra ở đây... Can đảm lên, “Ông già Shatterhand”. Hẹn sẽ gặp lại.

– Con sẽ gặp lại ba.

Bác sĩ ra đi. Ngày hôm sau. Ông không trở lại nữa.

III

Janek kiên nhẫn chờ đợi nhiều ngày. Thỉnh thoảng nó ra khỏi chỗ trú ẩn và lắng nghe: nó rình nghe tiếng chân của ba nó qua tất cả những tiếng rì rào của rừng cây. Theo mỗi tiếng cành cây chuyển mình, theo mỗi tiếng thì thầm của tán lá, thất vọng lớn lên dần, ròng rã tám ngày, nó sống trong hy vọng và chờ đợi. Trong tám ngày nó đấu tranh dữ dội chống lại sự sợ hãi cứ lớn dần, chống lại cô đơn và im lặng, chống lại sự tin chắc đang len dần vào tâm trí của nó, chống lại sự thật bắt đầu làm cho tim nó trở nên giá lạnh. Ngày thứ chín, nó thức dậy với tâm trạng thất bại. Nó mở mắt và lập tức lặng lẽ khóc. Nó không thèm ngồi dậy nữa. Suốt cả ngày nó nằm trên nệm, cuộn tròn lại trong chăn, hai tay nắm chặt và run rẩy. Đến nửa đêm, nó ra khỏi hầm ẩn núp và đi về phía Sucharki. Nó đi băng rừng trong đêm tối bịt bùng. Những cành thông quất vào mặt, gai rừng xé rách áo quần và da thịt. Nhiều lần nó mất phương hướng. Nó lang thang như vậy cả đêm và đến rạng sáng thì ra đến đường cái. Nó nhận ra con đường đi từ Wilno. Nó đi theo con đường đó đến Sucharki... Sương mù dày đặc bao trùm lấy làng xóm. Nhưng sương mù này làm cho đôi mắt nó xốn xang, giống như trong hầm ẩn núp khi ống thông khói không hút khói. Đây chính là khói. Làng đã bị đốt. Không còn ngọn lửa nữa mà chỉ còn một làn khói dày đặc, bất động trong không khí im lặng và một mùi vị chẹn ngang

cuồng hòng. Xa hơn chút nữa, trên đường cái có hai xe ô tô bọc sắt. Những chiếc xe cũng bất động, giống như những vỏ xe đã bị vứt bỏ. Chỉ có ở phía đầu chiếc ô tô, súng liên thanh chuyển động chậm chậm, giống như những mũi lao. Một trong những mũi lao đó, xoay về phía Janek, chĩa thẳng vào người nó. Bất ngờ, cái cửa vỏ thép bật ra, một tên lính Đức tóc nâu, hai má hồng hồng như mà con gái, chui nửa người ra khỏi cái lỗ trên nóc xe và kêu lên, bằng tiếng Ba Lan hỏi:

– Poszedl, poszedl... Wzbronione, verboten!*

Đi chỗ khác ... ở đây cấm!

Janek quay lưng lại phía tên lính. Lúc đầu nó đi, sau thì chạy. Không phải nó chạy trốn mà nó cần phải về gấp. Nó muốn chui xuống đất, co lại trong hầm không ra nữa. Nó tụt xuống hầm nằm vạt ra trên nệm. Nó không thấy mệt mỏi, không sợ, không khát, không đói, không muốn ngủ. Nó không cảm thấy gì cả, không nghĩ đến gì cả. Nó nằm ngửa, mắt ngơ ngác, trong giá rét, tối tăm. Chỉ đến nửa đêm, nó mới nghĩ rằng nó sắp chết đến nơi. Nó cũng không hiểu người ta chết như thế nào. Có lẽ một người sẽ chết nếu như người đó sẵn sàng chết và bây giờ thì nó đã sẵn sàng vì nó hết sức khổ sở. Hoặc là, có lẽ một người sẽ chết khi người đó không còn việc gì để làm nữa. Đó là con đường mà người ta sẽ chọn khi người ta không biết đi đâu nữa... Nhưng nó không chết đâu. Tim nó vẫn đập, vẫn còn đập... Chết cũng không dễ như sống.

IV

Hôm sau, nó cầm lấy khẩu súng lục, vài củ khoai, ít muối và cuốn sách “Winetoo, người Da Đỏ hào hoa” rồi ra khỏi hầm. Nó đi tìm những người du kích như ba nó đã dặn. Nó không biết đi đâu. Hơn nữa nó cũng không biết người du kích) là thế nào. Làm sao nhận ra họ? Họ có mặc đồng phục không? Phải ăn nói với họ như thế nào? Phải tìm họ ở đâu? Nó lang thang trong rừng chờ may rủi và buổi chiều lại quay về chỗ ẩn núp. Đã nhiều ngày nó không gặp ai cả. Nhưng một buổi sáng, trong khi nó đang đi qua một cái trảng thì hai người từ trong bụi nhảy ra và quây lấy nó. Nó dừng lại, không sợ. Hai người trông khôn khổ nhưng không có vẻ nguy hiểm. Người trẻ hơn, đầu quấn một cái khăn san, giống như một nữ nông dân. Một con mắt cứ nhảy liên hồi. Người lớn tuổi hơn có bộ ria dày và xám trông có vẻ dữ tợn hơn người trẻ. Ông bước đến gần Janek lục soát và tìm thấy ngay khẩu súng lục.

– Ở đâu mà mày có khẩu súng này?

Janek không hiểu ngay lập tức. Nó phải cố gắng để hiểu. Không phải tiếng Ba Lan, cũng không phải tiếng Nga. Janek không hiểu ông ta muốn gì.

– Anh ấy hỏi em... – Người trẻ hơn nói.

– Để tao hỏi nó! – Người lớn tuổi gầm lên. – Nhưng nó không hiểu tiếng Ukraine. Tao sẽ nói tiếng Ba Lan. – Người già đáp lại, vẻ giận dữ.

Ông ta quay về phía Janek:

– Ở đâu mà mày có khẩu súng này?

– Cha tôi cho.

– Cha mày ở đâu?

– Tôi không biết.

– Mày nghe không, Czerw? Người già đặc thắng nói. Ngay đến bố nó ở đâu nó cũng không biết.

– Tôi có nghe. Tôi không điếc.

– Nhưng có lẽ nó biết. Và có lẽ đơn giản là nó không muốn nói cho chúng ta biết, phải không

– Để cho thằng bé yên, Savieli Lvovitch! – Người đồng hành cãi lại, vẻ buồn bã. – Tôi biết em ấy. Đó là con trai bác sĩ Tovacopxki, ở Sucharki. Ông già nó đã chữa cho tôi.

– Sucharki ư? Sucharki... – Người già lặp lại. Ông ta nhìn thẳng vào Janek.

– Thế thì ta có thể nói cho em biết ông già của em ra sao rồi.

– Cha tôi làm sao?

– Câm mồm lại, Savieli Lvovitch! – Người đồng hành bất thần la lớn. – Câm cái mồm bẩn thỉu của anh lại.

– Sao? – Người già ngạc nhiên. – Nhưng tao có nói gì đâu. – Ông cầm lấy cuốn sách to tướng và nhìn đầu đề. Ông đánh vắn khó khăn.

“Winetoo... Người... Da Đỏ... hào hoa... A.”

Ông xếp sách, rồi nhìn Janek, và chửi thề, với vẻ thất vọng:

– *Kurwa ich mǎc ! Kurwa ich mǎc!**

Đồ đi! đồ đi!

— Đừng có chửi thề như thế, Savienli Lvovich! Tôi đã nói với anh: điều đó không đẹp tí nào, ở vào tuổi anh!

– Cha tôi ra sao rồi? – Janek nhắc lại.

– A? Ta không biết ông già em ra sao nữa. Chỉ có ôn dịch mới biết ông ấy thế nào! – Ông ta nói gần như nấc lên:

– Winetoo, người Da Đỏ hào hoa... ôi! ôi!

– Đừng xúc cảm như vậy, Savieli Lvovitch.

– Ta không xúc cảm. Ta không xúc cảm bao giờ. – Ông trả cuốn sách lại cho Janek.

– Chú bé mặt trắng, chú làm gì trong rừng?

– Em ở trong ấy.

– A?

– Thật mà, em ở trong rừng.

– Czerw, chú có nghe không? Cậu ta ở trong ấy!

– Em đi tìm du kích, – Janek nói vẻ ngượng ngùng.

– Sao? – Ông già nháy lên. – Lạy chúa... Chú có nghe không, Czerw? Cậu ta đi tìm du kích!

– Tôi có nghe.

– Du kích nào? – Đột nhiên ông già tỏ ra quan tâm.

– Em không biết.

– Cậu ta không biết! – Ông già đắc thắng. – Chú có nghe không, chú Czerw, cậu ta không..

– Câm cái mồm anh lại, Xavienli Lvovich. – Anh ta nhìn Janek một lát và với vẻ trịnh trọng nói:

- Em có thể đến với chúng tôi.
- Ở đây ai là người ra lệnh? – Ông già hỏi.
- Không ai cả. Ở đây không ai ra lệnh cả. Tôi biết ông già cậu này và cậu ta có thể đến với chúng ta. Thế thôi.
- Thì có bao giờ ta nói rằng cậu bé không thể đến với chúng ta đâu? Ta không có tim sao. Có lẽ, tất cả cái gì ta có, là cái mồm lắm chuyện, phải không?
- Chắc chắn là anh có cái mồm lớn quá, Savienli Lvovich.
- Ta biết, – ông già đáp lại, vẻ tự hào. – Chú có thể đến với chúng ta, chú mặt trắng! Chắc chắn chú sẽ được đón tiếp niềm nở trong “cộng đồng” chúng ta.
- Trong “bộ lạc” chứ, – Janek nói thầm.
- Thế à?
- Người Da Đỏ thì gọi là “bộ lạc”. Còn người Eskimo mới gọi là “cộng đồng”.
- Chỉ có ôn dịch mới biết ở đâu gọi là gì? – Ông già cần nhần. Ông quay lưng lại phía họ và bước nhanh. Họ đi theo.
- Ông ấy tên gì? – Janek hỏi.
- Krylenko. Một người Ukraine. Ông ấy hay sửa nhưng không cần bao giờ.
- Em biết, – Janek đáp.

V

Những người đói và yếu sống ẩn núp trong rừng. Ở thành phố, người ta gọi họ là “du kích”, ở nông thôn người ta gọi họ là “quân xanh”. Đã lâu nay, những người này chỉ còn chiến đấu chống đói, lạnh giá và thất vọng.

Nỗi lo lắng duy nhất của họ là mạng sống. Họ sống thành từng nhóm nhỏ sáu bảy người, trong những hầm trú ẩn đào dưới lòng đất, có bụi bờ che kín, giống như những con vật đang bị săn đuổi. Lương thực rất khó khăn thường thường không thể nhận được. Chỉ những quân xanh, có bà con hoặc bạn bè trong vùng mới sống nổi; những người khác thì chết đói hoặc ra khỏi rừng đã bị giết. Nhóm của Czerw và Krylenko là nhóm sống dai dẳng nhất, chịu đựng nhất. Nhóm này do một sĩ quan kỵ binh trẻ tuổi chỉ huy, trung úy Jablonski. Đó là một chàng trai cao to, tóc màu hạt dẻ, ho rất nhiều và khạc ra máu: anh ta bị một mảnh đạn đại bác ghim vào phổi trong chiến dịch Ba Lan. Anh ta còn giữ cái áo lính và mũ kê-pi vuông của kỵ kinh; cái lưỡi trai dài luôn luôn để một vệt bóng lên khuôn mặt anh ta. Khi người ta đưa Janek đến trình diện, anh hỏi:

- Em bao nhiêu tuổi?
- Mười bốn.

Chàng trung úy nhìn Janek hồi lâu với đôi mắt sẫm, đỏ ngầu vì sốt rét.

– Em có thể giúp anh một việc được không?

– Được.

– Em có biết Wilno?

– Có.

– Biết rõ chứ?

– Vâng.

Chàng trung úy ngáp ngừng, hình như đang đấu tranh với bản thân, nhìn chung quanh và nói:

– Chúng ta đi vào rừng.

Anh ta dẫn Janek vào một lùm cây.

– Em cầm bức thư này. Đưa thư đến địa chỉ đã ghi trên phong bì. Em biết đọc chứ?

– Dạ biết.

– Tốt. Nhưng đừng để bị bắt.

– Vâng.

– Em chờ trả lời?

– Vâng.

Chàng trung úy bất chợt nhìn sang phía bên. Anh ta nói với giọng trầm trầm:

– Em không được nói với ai ở đây về việc này.

– Em sẽ không nói.

Janek bỏ thư vào túi và đi ngay. Gần sẩm tối thì cậu đến Wilno. Đường đầy lính Đức, những chiếc xe tải ầm ầm chạy qua những phiến đá lớn lót đường, làm bùn bắn tung tóe lên vỉa hè

lát gỗ. Nó tìm ra địa chỉ không khó khăn lắm, trong khu Pohulanka, Janek đi qua một cái sân và leo lên cầu thang. Ở tầng một, nó dừng lại và đánh diêm. Có một danh thiếp cài ở cửa: “Jadwiga Malinowska. Dạy nhạc.” Bên trong có tiếng đàn dương cầm. Nó lắng nghe một lúc. Nó rất thích âm nhạc, nhưng ít khi được nghe. Cuối cùng, nó gõ cửa. Tiếng đàn im bật và có tiếng phụ nữ vọng ra:

– Ai đấy?

Janek ngập ngừng.

– Tôi, Janek đây. Cuối cùng nó đáp, lúng cúng. Nó ngạc nhiên thấy cánh cửa mở: Một người phụ nữ trẻ tuổi chăm chú quan sát nó. Chị ta cầm một cái đèn: trên chụp đèn vàng có vẽ đồng ruộng chùa chiền và chim chóc. Bóng các bức vẽ đó lay động trên trần nhà và trên tường. Người phụ nữ trẻ đó hình như rất đẹp đối với Janek. Nó lễ phép cất mũ và nói:

– Em đến đây để trao cho chị cái này.

Nó đưa bức thư ra. Người phụ nữ cầm lấy và mở thư ngay. Trong khi chị ta đọc thư thì Janek vẫn nhìn chị. Chị ta đẹp thật. Không trách mà chị ta chơi dương cầm hay thế... Thứ âm nhạc này rất thích hợp với chị, cũng giống chị ta. Người phụ nữ trẻ đọc xong.

– Mời em vào.

Chị đóng cửa.

– Chắc em phải đợi sau chặng đường đến này.

– Không.

– Em có muốn uống trà không?

– Không, cảm ơn chị.

Chị ta nhìn chú bé có bộ mặt hết sức nghiêm nghị.

– Tùy em. Chị sẽ trả lời... Không. Tốt hơn là không nên trả lời. Người ta sẽ bắt em...

– Chúng nó không bắt được em đâu.

Chị ta nhìn nó một lần nữa.

– Em bao nhiêu tuổi?

– Mười bốn.

– Em nói với anh ấy... Nói với anh ấy rằng như vậy là điên. Nói với anh ấy đừng đến đây. Nhà bị canh gác chặt chẽ. Nhưng nếu anh ấy đến, thì em nói hộ là chị sẽ đợi.

– Anh ấy sẽ đến, Janek nói.

– Nói với anh ấy đừng đến.

– Em sẽ nói.

Chị đi xuống bếp và quay trở lại với bánh mì và muối gói trong tờ báo. Chị nhét gói vào trong áo nó, phía trên ngực. Janek chưa đi mà nhìn lại chị ta... Chị chờ nó nói điều cần nói ra.

– Chị đánh đàn đi, bất ngờ Janek yêu cầu.

Chị không trả lời và đi về phía cây đàn. Chị tỏ ra không ngạc nhiên, không tò mò. Chị ngồi vào đàn và bắt đầu chơi... Janek không còn biết chị ấy đã chơi đàn bao lâu. Nó không biết. Chưa bao giờ nó cảm thấy có điều gì giống như vậy. Đến một chỗ, chị quay lại và nói:

– Đây là của Chopin. Một người Ba Lan. Chị thấy cậu khóc. Điều đó cũng không làm cho ch ngạc nhiên hay cảm động. Hình như chị cho rằng cậu khóc, khi nghe bản đàn này là một điều hết sức tự nhiên. Cuối cùng khi ngừng đánh đàn thì người phụ nữ trẻ tuổi mới biết là Janek đã đi rồi.

VI

Janek tìm thấy Jablonski và Krylenko ngồi gần bên đồng lửa. Ông già người Ukraine đang đọc sách, kính trên mũi. Cách đây vài bước, vài người đang ngáy, có người đang rên rĩ:

– Cả hai đứa! Cả hai đứa!

Janek rùng mình.

– Stanczyck đang mở đây, – anh trung úy nói. – Đừng để ý làm gì...

Trung úy đứng dậy, kéo cánh tay Janek và cùng đi ra bếp lửa...

– Sao?

– Chị ấy yêu cầu anh đừng đến. Chị sẽ chờ anh...

– Cám ơn chú em, – Jablonski nói.

Anh đến gần người Ukraine.

– Cho em bé ăn đi.

Krylenko tháo kính và để rơi cuốn sách. Janek nhận ra cuốn sách bìa đỏ to tướng đó: “Winetoo, người Da Đỏ hào hoa”.

– Ủ! – Ông già đáp. – Chào chú mặt trắng! Thuốc lá thì có, còn cái ăn thì... Ờ! Mà tôi đã nói.

– Đưa cho em ấy phần của tôi. Tôi không đói, Jablonski nói. Ông già trút cho Janek một ca men lỏng bông nước vàng vàng và lại cầm lấy cuốn sách.

– Bọn Đức cũng không phát minh ra được cái gì hơn, – ông già nói. – Chế độ con tin thì cũng đã được biết và được thực hiện trong bộ lạc những người Anhđiêng Sioux.

Ông nhìn theo viên trung úy đi xa, vừa đi vừa ho và khạc nhổ.

– Cô ấy sẽ chỉ còn nhận được tám da bọc xương của cậu ta thôi.

Ngày hôm sau, Janek làm quen với những người khác trong nhóm. Cả thấy bảy người. Trong đó có cả Stanczyck, người thợ hớt tóc ở Wilno. Hai đứa con gái của anh, mười bảy và mười lăm tuổi đã bị bọn Đức cưỡng hiếp. Để ém câu chuyện này, bọn cầm quyền chiếm đóng đã đưa hai cô đi lao động trong một xưởng may cho quân đội ở Poméranie. Stanczyck chỉ nhận được một lời báo tin đơn giản: “Hai đứa con gái của ông đi lao động ở Đức”. Thỉnh thoảng, người thợ hớt tóc nhỏ bé mảnh khảnh, có vẻ hiền lành lại có những cơn điên loạn. Anh ta đi lang thang trong rừng và la lên: “Cả hai đứa! Cả hai đứa!”. Sau đó, anh đi biệt tăm. Không ai biết anh ta đi đâu. Nhưng một hôm, Czerw tìm thấy trong áo quần của con người đau khổ đó những dấu vết kinh tởm. Mặt Czerw trở nên bạc phếch, lao ra khỏi hố và nôn mửa... Người ta nói rằng Stanczyck đã từng xẻo như vậy hơn một chục tên lính Đức. Ở đây người ta không tán thành anh ta làm thế, nhưng cũng không ai lên án. Mỗi khi tiếng kêu khóc thảm thiết “Cả hai đứa! Cả hai đứa!” vang lên trong rừng thì mọi người đều nhột nhột, khạc nhổ và nói: *Tfou, Sila nieczsta!** và tránh nhìn nhau... Còn có Cukier, người hàng thịt Do Thái ở Swieciany. Đó là một người sùng đạo, lực lưỡng như một đô vật.

Chiều thứ sáu, cùng với những người Do Thái khác trốn trong rừng, anh ta đi cầu nguyện ở Antokol, trên đồng đổ nát của kho thuốc súng đã bị phá hủy. Mỗi buổi chiều anh ta đội lên đầu tấm phướn, bằng lụa trắng, đen, đẫm ngực và khóc. Những người khác lặng lẽ nhìn anh, vẻ kính trọng. Còn có cả một luật sư ở Wilno. Anh em du kích bao giờ cũng gọi ông bằng “Ngài”, không ai mảy tao chi tở với ông ta cả. Đó là một người đứng tuổi, phốp pháp, với đôi lông mày của chàng Pierrot buồn bã, khó mà thích ứng với hoàn cảnh sống trong rừng. Một lần, ông ta than vãn về lạnh và đói. Janek đã nghe Jablonski nói với ông ta:

Sức mạnh ma quỷ.

– Thôi đừng kêu ca nữa. Không ai giữ ông ở lại đây cả.

Ngài luật sư hát đầu buồn bã nói:

– Jablonski, anh không hiểu điều ấy là thế nào cả. Khi người ta yêu một phụ nữ trẻ hơn mình đến ba mươi tuổi...

Sau này Janek mới biết rằng ngài luật sư vừa cưới một phụ nữ rất trẻ mà người anh trai bà ta hình như đã bị những người Đức giết: “Ở đây không ai nhớ điều đó cả mà nói cho cùng thì người ta cũng không thể biết hết mọi người ở trong rừng...”. Ngài luật sư đã vào rừng chỉ để trả thù cho người anh vợ. Nhìn con người khốn khổ run lẩy bẩy trong tấm áo choàng rách, Janek như muốn nói với ông ta: “Hãy can đảm lên...”. Còn có Machorka, một nông dân Hy Lạp theo đạo chính thống ở Baranowicze. Anh ta so sánh rừng với hầm mộ và những người du kích với những người Kitô đầu tiên. Anh chờ đợi ngày Phục sinh. “Thời điểm đó đang đến gần”, anh nói. Anh sống trong chờ đợi. Mỗi khi có một nữ nông dân nào trong vùng sinh đẻ, thì anh đi quanh trang trại và lầm rầm cầu nguyện. Sau đó anh trở về, lưng còng xuống buồn bã hát đầu và nói:

– Chưa thấy có dấu hiệu gì.

Không ai biết anh đang hy vọng dấu hiệu gì. Có lẽ bản thân anh ta, anh ta cũng không biết. Nhưng anh không nản lòng bao giờ. Anh có bài ăn trộm những con gà giò hiếm hoi mà nông dân quanh vùng còn cất giấu trong chuồng. Một hôm anh hỏi Janek.

– Chú có tin ở Đức Chúa Trời không?

– Không.

– Thế chú không có mẹ sao? – Machorka nói.

Cuối cùng là ba anh em Zborowski. Họ ít nói, kiên quyết và kém tin tưởng. Họ không bao giờ rời nhau, ăn ngủ và cùng đi chiến đấu. Họ chịu trách nhiệm liên lạc của nhóm với thế giới bên ngoài. Cha mẹ họ có một trang trại ở làng gần Piaski. Thỉnh thoảng cả ba anh em đi vắng ban đêm, nói là về thăm cha mẹ... Sau đó trở về càng ít nói hơn, càng kiên quyết hơn và càng kém tin tưởng hơn.

VII

Thường thường Jablonski bảo Janek đi Wilno, hẹn gặp người yêu. Janek vui lòng đi đến đấy. Mỗi khi Janek đến, tiểu thư Jadwiga lại cho ăn uống và chơi đàn dương cầm. Cốc nước trà trên bàn đã nguội, Janek ngồi bất động, tay để lên miếng bánh mì mà cậu chưa đụng đến. Người phụ nữ trẻ cũng không nói gì với cậu. Nàng đánh đàn. Thỉnh thoảng nàng quay lại và mới biết Janek đã đi rồi. Đôi khi, trái lại, cậu ta còn ngồi lâu hơn mặc dù nàng đã chơi đàn xong, ngồi yên lặng mắt như chìm trong sương mù... Jablonski càng hay đến thăm người yêu hơn. Sức khỏe của anh ta xấu đi. Đôi má sâu hõm nhuộm một màu đỏ yếu ớt và ban đêm, trong hàm trú ẩn, tiếng ho của anh ta đã làm cho những người du kích không ngủ được. Anh ta biết rằng mình không còn sống lâu và đã lặng lẽ bàn bạc với những người khác về việc chọn người thay thế.

– Czerw, anh nói, cậu sẽ thay mình.

Czerw nháy mắt, lúng túng.

– Để xem đã.

Một buổi chiều, Jablonski đi gặp tiểu thư Jadwiga và không trở về nữa. Cả ngày mọi người lo lắng chờ anh ta. Hôm sau Czerw kéo riêng Janek ra và hỏi:

– Em biết nhà chứ?

– Biết.

– Đi thử xem.

Đến trưa thì Janek đến Wilno. Trời mưa. Trước nhà tiểu thư Jadwiga, hai giá treo cổ đã dựng lên: người qua đây, đi nhanh, không nhìn; vài người làm dấu thánh. Jablonski và người yêu của mình bị treo lủng lẳng. Hai tên lính Đức đứng gác; chúng cãi nhau, cười đùa, một tên lấy từ túi ra một phong bì và chìa cho tên kia xem những tấm ảnh.

VIII

Với những cơn lạnh và mưa tháng mười, tình cảnh của nhóm du kích càng trở nên khó khăn. Nông dân bị bọn Đức khủng bố từ chối không dám giúp đỡ du kích nữa. Lại thêm vài “quân xanh” hoảng sợ vì mùa đông sắp đến, tấn công và cướp bóc các trang trại... Ba anh em Zborowski lại bắt bọn tội phạm và treo cổ chúng lên trong sân các trang trại bị cướp bóc, nhưng nông dân vẫn nhìn họ với con mắt nghi ngờ. Khó khăn lắm thì anh em Zborowski mới nhận được vài bao khoai tây... Nhưng một sự kiện đã xảy ra cho phép họ nhìn mùa đông sắp đến với vẻ tin tưởng hơn. Một buổi sáng nhóm Czerw tiếp một đoàn đại biểu nông dân Piaski. Chiếc xe do một con ngựa to lớn kéo đến rừng: đằng sau người đánh xe là sáu nông dân. Họ mặc quần áo ngày chủ nhật, bột và tóc láng bóng, ria mép vênh lên và được thoa phấn cẩn thận. Họ có vẻ trịnh trọng. Người ta biết ngay đó là những nhân vật có tầm cỡ đến để giải quyết những công việc quan trọng. Cầm đầu đoàn đại biểu là ngài Jozef Konieczny. Ngài Konieczny có một quán rượu ở Piaski, do ngài điều khiển; ngoài ra khắp các làng trong vùng đều có quán của ngài. Những “quán rượu” này là những căn hầm đầy khói và tối tăm được trang trí tạp nham với những chiếc ghế đầu, những cái bàn long chân và những cô đầy tớ bản thủ. Ở đây, nông dân đến uống rượu vào những ngày phiên chợ hoặc đến vay tiền lãi và cầm cố:

Ngài Jozef ăn nên làm nổi. Đó là một người nông dân luống tuổi, vẻ ngây ngô, với đôi mắt to hơi lác và một túm tóc xoăn rất khéo ở giữa trán. Ngài là người cuối cùng xuống xe. Những người đồng hành kính cẩn chờ ngài, mũ cầm tay, thỉnh thoảng lại khạc nhổ để làm ra vẻ chịu đựng.

– Họ đều vay tiền ông ta cả, – người trẻ nhất trong ba anh em Zborowski giải thích cho Janek.

Ngài Jozef bước lên và nhìn thẳng vào mắt mỗi người du kích với cái nhìn lâu và chân thành.

– Thế nghĩa là thế nào, các bạn trẻ? – Ông ta kêu lên. – Không còn máu trong huyết quản nữa sao? Ngủ im rồi sao? Đã ba năm nay bọn Đức chiếm đóng làng mạc quê ta mà các bạn không làm gì hết để đuổi chúng đi sao? Vậy ai là người bảo vệ đàn bà và trẻ em chúng ta?

– Ông ấy nói đúng. – Một người nông dân nhận xét và khạc nhổ với vẻ vừa ý.

– Vậy ai là người bảo vệ những người vợ chưa cưới, những bà mẹ của chúng ta?

Người đánh xe, ngồi trên ghế xe, vung vẩy chiếc roi. Ông có vẻ buồn. Ông không mắc nợ ngài Jozef; nói đúng hơn, ông chủ quán còn nợ ông một tháng lương. Ông nhìn tấm lưng của ngài Jozef và quát chiếc roi đen đét.

– Nếu tôi trẻ hơn, – ông chủ quán nói, – nếu tôi bớt đi được hai chục tuổi... thì tôi sẽ cho các anh thấy người ta bảo vệ quê hương mình như thế nào!

Ông dang tay.

– Các bạn trẻ! Hãy trả thù cho danh dự con gái của chúng ta bị cưỡng hiếp, cho con trai của chúng ta bị tù đầy hoặc chém giết.

Giọng ông hơi đầm nước mắt. Ông lấy nắm tay lau mắt và nói tiếp:

– Chúng tôi sẽ mang thực phẩm đến cho các anh.

Czerw nháy mắt.

– Tin tức chiến sự gần đây tốt chứ?

Ngài Jozef liếc nhìn.

– Rất tốt, ông ta buồn bã thừa nhận. Người Nga có vẻ giữ vững ở Stalingrad...

– Thế thì có lẽ họ sẽ lần tới...?

– Có lẽ đúng như thế, ông chủ quán đáp lại.

Một người nông dân thú nhận với vẻ thất vọng:

– Người ta hoàn toàn không hay biết xoay chuyển ra sao!

Ngài Jozef quắc mắt nhìn anh ta.

– Có lẽ đúng thế, – Czerw nói tiếp, một ngày kia họ sẽ tiến cả đến đây?

– Rất có thể, – ông chủ quán đáp.

– Và sau khi đã quét sạch bọn Đức ra khỏi...

– Tất cả chúng ta cũng đều mong như vậy, ngài Jozef đáp lại nhanh chóng.

– Và sau khi quét sạch bọn Đức, có lẽ họ sẽ giúp chúng ta một tay để treo cổ bọn cộng tác với Đức, bọn trục lợi và bọn sâu bọ khác...?

Ngài Jozef làm ra vẻ hết sức tự nhiên:

– Nếu các anh cần gì thì cho chúng tôi biết.

– Chắc chắn như vậy, chắc chắn như vậy! Những người nông dân rống lên.

Czerw không nói gì nữa và cho dỡ đồ trên xe xuống. Ngài Jozef đã khéo lo liệu: có đủ lương thực để nuôi sống du kích ít nhất cũng một tháng... Đoàn đại biểu trèo lên xe, người đánh xe ra lệnh cho ngựa và cả đoàn chuyển động. Những người nông dân không nói chuyện với nhau, tránh cả nhìn nhau. Vì ngài Jozef đang khó chịu. Cái tên Czerw này không nói với ngài cái gì cho đáng giá cả. Rõ ràng hắn chỉ là đồng hào giả, một tên đạo đức giả. Hoàn toàn người ta không thể tin cậy và đoán cho ra những ý nghĩ thâm kín của hắn được. Ngài Jozef âu sầu nghĩ ngợi: “Cái loại người, nó siết chặt tay anh, nhìn thẳng vào mắt anh và ngày hôm sau lại cho du kích đến giết anh ở một góc đường nào đó”. Ngài rùng mình. Cuộc sống trở nên khó khăn. Không ai trả nợ nữa, mọi công việc đều trở nên nguy hiểm, kẻ chiến thắng hôm nay có thể ngày mai là kẻ chiến bại. Người ta không còn biết tin vào vị thánh nào nữa. Tuy vậy đã mấy thế hệ nay, tổ tiên của ngài đều đã biết giữ mạng sống và quán rượu của mình, chống lại mọi bão táp và sóng gió, chống lại người Tatars và người Thụy Điển, người Nga và người Đức. Cha ông của ngài không coi họ là kẻ xấu xâm lược mà là khách hàng. Tất cả mọi người đều là khách quý trong quán rượu: đó là phương châm của họ. Vấn đề là phải bình tĩnh, phải đánh hơi cho thính, phải lựa chiều gió mà xoay cho đúng lúc... Ngài Jozef thở dài. Trong thông cáo của chúng, bọn Đức đã chiếm được ngoại ô Stalingrad: như vậy có nghĩa là thành phố vẫn giữ vững. Càng ngày càng khó mà dự đoán tương lai... Những người khác cùng đi xe thì không nghĩ gì hết. Họ không có ý kiến vì họ đang mắc nợ. Họ nhún nhục đi theo ngài Jozef.

IX

Chiếc xe đã đến gần làng.

– Quay lại! – Ngài Jozef ra lệnh cho người đánh xe. – Tôi không muốn người ta thấy chúng ta từ rừng về.

Họ đi vào Piaski theo đường Wilno. Chiếc xe dừng trước tòa đốc lý cũ, ở đây bây giờ đã treo cờ chữ thập ngoặc và làm bằng “ban chỉ huy”, bằng chữ gothic to tướng.

Có một người trẻ tuổi tóc nâu lơ thơ, lưng gập xuống đón họ ở bậc thềm. Hắn ta luôn luôn để hở răng trong cái cười hấp tấp. Đó là một người Ba Lan làm chỉ điểm cho nhà cầm quyền Đức, vì vậy hắn ta ít đi ra đường một mình sau khi mặt trời lặn. Hắn cúi chào, hai tay xoa vào nhau.

– Chúng tôi đang đợi ngài, ngài Jozef ạ, chúng tôi đang đợi ngài.

Hắn đưa tay. Ngài Jozef lên nhìn chung quanh và không bắt tay. Ông đi theo người trẻ tuổi tóc nâu vào phòng đợi. Ở đây, tránh được những con mắt tò mò, ông ta mới ngượng ngùng bắt tay người trẻ tuổi.

– Xin lỗi Ngài Romuald, vì tôi đã không bắt tay ngài nước mặt công chúng.

– Không can chi, ngài Jozef, tôi rất hiểu!

– Vì không phải chỉ có chúng ta và như ngài biết, trong tình hình hiện nay...

Họ đứng ở giữa phòng, nồng nàn siết chặt tay nhau và nhìn thẳng vào mắt nhau một cách chân thành.

– Tôi hiểu, tôi hiểu, – Ngài Romuald lặp lại, vừa nói vừa để hở răng.

Họ tiếp tục nắm tay nhau và nhìn vào mắt nhau.

– Tôi không hề ngại một chút nào khi bắt tay ngài, – ông Jozef khẳng định. – Trái lại tôi lấy làm vinh dự, rất vinh dự...

– Ôi, người bạn thân của tôi! – Ngài Romuald nói.

– Không một người nào hơn tôi đánh giá sự tể nhị của lập trường, sự cao quý và lòng can đảm của Ngài khi phải đóng trò... Khi nhận phải đóng trò...

Ông ta hơi lúng túng.

– Xin cảm ơn, rất cảm ơn! – Ngài Romuald vội đáp.

– Tôi muốn nói rằng Ngài đã đặt lên vai mình công việc phản phúc nhưng cần thiết này...

Ông ta ho.

– Sau này chúng ta sẽ biết Ngài đã cứu được bao nhiêu sinh mạng... Ai biết? Có thể cả sinh mạng của tôi cũng phải nhờ đến Ngài!

– Ngài cứ nghĩ thế chứ, Ngài cứ nghĩ thế chứ, – người trẻ tuổi khiêm tốn nói. – Thế bà Frania có khỏe không ạ?

Ông chủ quán đã cưới được một trong những người đàn bà đẹp nhất trong vùng: ông ta rất kiêu hãnh về điều đó.

– Rất khỏe! Ông ta đáp lại khô khan.

Ông ta quay lại phía những người nông dân.

– Ông Witku, cho dỡ cái bao thực phẩm xuống. cái bao mà chúng ta đã định mang cho Ngài Romuald đây.

– Ngài Gauleiter đang chờ các vị! Lúc bấy giờ người trẻ tuổi mới báo tin.

Đoàn đại biểu được dẫn vào. Ông Jozef để tay lên ngực phía quả tim và mở miệng...

– Biết rồi! Biết rồi! Người nhân viên Đức sốt ruột cắt lời. Bao giờ thì họ cũng nói có bấy nhiêu. Có phải chồng bà ta đây không?

– Vâng ạ.

– Họ mang gì đến vậy?

– Trứng, mỡ và pho mát trắng! Ngài Romuald đáp, hở cả răng.

X

Janek ngồi gần bên bếp lửa – trời đã hết mưa và họ lợi dụng dịp này để ra khỏi hầm. Janek suy nghĩ mông lung và nhìn mớ củ ươt đang reo và bốc khói trong ngọn lửa. Người trẻ nhất trong ba anh em Zborowski, ngồi chồm hồm theo lối Thổ Nhĩ Kỳ, đang thổi acmonica, vì thích thú hơn là vì nghệ thuật.

– Anh thổi dở lắm. – Janek nói. – Thật kinh!

Zborowski trẻ phật ý.

– Đây là một khúc nhạc thiêng, – anh ta cãi lại. – Chú mày không hiểu gì cả. Lời cũng rất hay. Và anh ta hát:

Bản tango ở Milonga,

Bản tango mơ mộng và run rẩy...

– Lời cũng dở! – Janek thở dài. – Anh biết chơi Chopin không?

Zborowski trẻ lắc đầu.

– Ai thế?

– Một người Ba Lan, – Janek nói. – Một nhạc sĩ...

Janek đưa tay.

– Đưa đây.

– Chú biết chơi à?

– Không.

Janek cầm lấy kèn acmonica và vút vào bụi vẽ kính tởm. Zborowski trẻ nổi xung chửi rửa, đi nhặt lại kèn và lại thổi.

– Hai ông anh đi đâu rồi?

– Đi Wilno.

Hai anh em Zborowski quá trưa mới trở về. Họ không về một mình; họ đem theo một cô gái trẻ. Có thể cô ta mới độ mười lăm tuổi. Mặt cô lấm tẩm lẩn tàn nhang; người ta nhìn rõ những nốt đen đen mặc dù cô ta đã đánh phấn cẩn thận. Cô mặc một chiếc áo mưa đàn ông quá rộng đối với cô và đội mũ nôi: cái mũ nôi không che nổi những sợi tóc bạch kim, mất trật tự. Janek lần đầu tiên trông thấy cô ta.

– Ai đấy?

Người trẻ nhất trong anh em Zborowski nhìn người con gái và đáp.

– Tránh xa cô ta ra, Cô ta sẽ mang bệnh lại cho chú mày đấy.

– Bệnh gì?

– Bệnh ấy. Chú biết đấy.

– Em có biết gì đâu, – Janek đáp.

Janek nhìn cô gái chăm chú. Cô ta không có vẻ bệnh hoạn. Cô gái trẻ chắc biết người ta đang nói đến mình. Cô buồn bã nhìn Janek với đôi mắt đen to. Và rồi cô mỉm cười.

– Ai đấy? – Janek tiếp tục câu hỏi.

– Zosia chứ ai. Xem kìa. Ở đây ai cũng biết cô ta. Cô làm việc cho chúng ta ở Wilno. Cô ngủ với lính Đức và chúng sẽ nói với cô chúng ở đâu đến, đi đâu, đoàn xe của chúng sẽ đi qua những nơi nào... Cô mang bệnh lại cho chúng.

Zborowski gọi:

– Zosia!

Cô bé đi đến. Cô luôn luôn nhìn Janek, luôn luôn mỉm cười. Chiếc áo mưa cô mặc xuống tận mắt cá. Janek không dám nhìn cô nữa. Mặt cậu nóng bừng. Cậu run run và cảm thấy trống rỗng trong dạ dày. Cậu tự thấy xấu hổ với mình, vì làn sóng nóng bỏng đang dâng lên trong lòng cậu, vì bất chợt cậu muốn ôm cô gái vào trong đôi bàn tay, siết chặt cô vào lòng... Zborowski trẻ, đứng lên, ôm ngay lưng cô gái, sờ ngực cô.

– Cô ấy có bệnh! – Anh ta giận dữ nói. – Tiếc thay! Ở đây không ai đụng đến cô ấy. Zosia cô đang mang bệnh, có phải thế không?

– Ừ, – cô gái đáp, vẻ lạnh nhạt.

– Người ta sẽ chết vì bệnh đó, – Zborowski trẻ nói một cách tin tưởng. – Người ta sẽ chết vì bệnh đó, phải không Zosia?

– Ừ.

Cô không rời đôi mắt khỏi Janek. Bất ngờ, cô ta cúi xuống và lấy ngón tay lướt qua mặt Janek.

– Một chút thôi, nhiều hơn nữa và say đắm.

– Để cho chú ấy yên. – Zborowski nói. – Chú ấy không biết điều ấy thế nào đâu. Chú ta không bao giờ làm điều đó cả. Có phải thế không, Twardowski, chú chưa hề làm bao giờ phải không?

– Làm cái gì? – Janek hỏi.

– Đấy cô xem, – Zborowski đắc thắng nói. – Chú ta không biết nó thế nào đâu?

– Một chút thôi, nhiều hơn, say đắm và không có gì cả... – Cô gái kết thúc.

Janek bật dậy và chạy vào rừng. Cậu nghe tiếng Zborowski trẻ nhất cười oang oang... Cậu đi một lúc rồi dừng lại sau cây thông; có gái đi theo cậu. Janek muốn nhúc nhích... nhưng đôi chân cậu đã mềm nhũn.

– Tại sao cậu sợ tôi?

– Tôi không sợ.

Cô ta cầm lấy tay cậu nhưng cậu vội rút tay lại.

– Cậu ngoan lắm. Cậu không giống như những người khác. Tôi rất yêu cậu.

– Về điều đó tôi không biết gì cả.

– Người ta không thể không biết gì cả... Tôi rất yêu cậu. Cậu không có bố mẹ sao?

– Có chứ. Nhưng hiện nay tôi không biết họ ở đâu.

– Cha mẹ tôi đã bị một quả bom giết chết cách đây ba năm. Cha tôi là kỹ sư.

– Thế bố cậu, ông ta làm gì?

– Ông ấy là bác sĩ.

Cô ta lại cầm lấy tay cậu.

– Bây giờ cậu đi đâu đấy?

– Tôi có chỗ ẩn núp của tôi.

– Có xa không?

– Không.

– Tôi đi theo được không?

Cậu ta trả lời, mặc dù không muốn, với giọng nói mà cậu ta cũng không nhận ra nữa.

– Được.

Họ yên lặng đi cạnh nhau. Cậu nghĩ đến bố, đến lời hứa với bố là không chỉ cho ai biết chỗ ẩn núp... Cô ta có lẽ đoán ra những ý nghĩ của cậu bởi vì cô nói dịu dàng:

– Đừng sợ. Tôi không nói lại với ai đâu.

— Tôi không sợ. Tôi không sợ gì cả.

Cô mỉm cười.

– Thế thì đưa tay đây.

– Cậu cảm thấy bàn tay nhỏ nhắn nằm trong bàn tay mình, bàn tay lạnh và mềm.

– Anh tên gì?

– Jan Twardowski.

– Janek, cô ta nói. Janek... Cái tên hay. Em có thể gọi anh như vậy được không?

– Được.

Họ đã đến nơi. Cậu vạch cành cây, giúp cô tụt xuống hầm. Cô ngồi trên tấm nệm và nhìn quanh.

– Một chỗ ẩn tốt. Tốt hơn nhiều so với chỗ của Czerw.

– Bố tôi và tôi đào đây.

Cậu ngồi gần cô. Cô xích sát lại gần cậu, không nói gì. Họ ngồi yên lặng như vậy khá lâu. Cuối cùng cô thở dài, cởi cúc áo và nói e dè:

– Anh muốn không?

– Không, không. Cứ ngồi như thế thôi.. Giống như lúc này.

Cô lại siết chặt cậu.

– Bởi vì, cô thì thầm, nếu anh muốn... Còn em thì đằng nào cũng thế. Em đã quen rồi.

– Tôi không muốn.

– Tùy anh. Em đã quen. Lúc đầu thì khó chịu lắm. Nhưng bây giờ thì đã quen, em không cảm thấy gì nữa.

XI

Đến rạng sáng, cô nhẹ nhàng thức cậu dậy.

– Em phải đi đây.

– Ở lại đây.

– Không, em đã hứa với Czerw. Em phải trở lại thành phố.

– Có thật cần không?

– Czerw cho rằng bọn Đức sẽ “càn quét” khu rừng.

– Thế thì sao?

– Vì vậy em phải đi gặp bọn lính.

– Chúng nó sẽ không nói gì.

– Nói chứ. Bọn đàn ông bao giờ cũng nói tuốt, miễn là để cho họ làm.

Giọng nói của cô dè dặt và buồn bã. Trong bóng tối, Janek không trông thấy nét mặt của cô.

– Em sẽ trở lại chứ?

– Ừ.

– Em tìm ra đường không?

– Chắc chắn tìm ra. Anh đừng lo...

Cô hôn cậu, nép mặt vào cổ cậu một hồi lâu.

- Anh ngủ đi.
- Em mau trở lại.
- Khi nào em xong việc.

Cô đi. Cậu cố ngủ, nhưng mỗi lần nhắm mắt thì cậu lại nghe tiếng Zosia trong bóng tối: “Khi nào em xong việc...”. Cậu mặc áo và chui ra khỏi hầm. Trời đẹp. Cậu đi vô định trong rừng thông. Gần chỗ cối xay gió già nua cậu nghe tiếng đàn ông ở trong bụi. Cậu dừng lại, ngạc nhiên. Đằng sau bụi cây, có tiếng đọc thơ:

*Trong gian phòng mưa tôi chờ đợi,
Bao người đã chờ đợi như vậy?
Chờ tờ truyền đơn cuối cùng in xong,
Chờ quả lựu đạn cuối cùng được cấm chốt và ném đi....*

Janek giả lên tiếng ho và lập tức có một bóng người to lớn xuất hiện đằng sau bụi cây và nhìn cậu với vẻ thiện cảm, Janek biết người này.

Người đó tên Dobranski, Adam Dobranski. Anh ta gia nhập một nhóm sinh viên trẻ, của trường Đại học tổng hợp Wilno, họ chiến đấu trong rừng đã hơn ba năm nay. Nhiều người trong số sinh viên đó đã bị bắt và bị bắn, những người khác đã tiến hành nhiều cuộc phá hoại và ám sát. Bọn Đức đang ra sức lùng bắt Dobranski. Hơn hai năm nay, Dobranski và vị giáo sư của anh ta về luật pháp La Mã, ông Kôréoxma đã cho in và phát hành một tờ báo bí mật “Nasza Walka”*. Giáo sư và con gái của ông bị bắt và bị bắn. Dobranski vào rừng với những người bạn khác.

“Cuộc chiến đấu của chúng ta”.

- Chào cậu. – Dobranski nói thân thiện.

- Chào anh.
- Ông bạn có thích thơ không?
- Em thích nhạc hơn, – Janek nói và đỏ mặt.
- Thì cũng thế cả.
- Em không biết gì nhiều về thơ.
- Thế còn nhạc?
- Cũng không nhiều.
- Ha!Ha! Ông bạn tỏ ra quá khiêm tốn. Thế ông bạn học đến đâu rồi?
- Đệ tam.
- Ra thế. Sloviczki và Miskiêvich... Không, quên, Kosanôpxki và Vixangi Pôn chứ? Rõ ràng là mới tiểu học, tiểu học thôi.
- Nếu ông bạn muốn có dịp nhăm nháp thơ ca chân chính, thơ ca vĩ đại, tôi muốn nói nền thơ hiện đại mới ra lò thì xin mời! Ông bạn chỉ việc căng tai ra.

Và anh ta đọc:

*Trong gian phòng xưa tôi chờ đợi
Bao người đã chờ đợi như vậy?
Chờ tờ truyền đơn cuối cùng in xong
Chờ quả lựu đạn cuối cùng được bấm chốt và ném đi.*

*Tôi chờ cho nạn nhân cuối cùng ngã xuống
Sau khi đã hô to “Tự do muôn năm”
Tôi chờ cho nền Đế chế cuối cùng
Sụp đổ trước những trận đánh của những người yêu nước châu Âu.*

*Tôi chờ cho tất cả những thủ đô
Đều trở thành những tỉnh lỵ*

*Tôi chờ cho tiếng vang của quốc ca cuối cùng
Sẽ tắt ngấm trên toàn thế giới.*

*Tôi chờ cho châu Âu cuối cùng vùng dậy và bước đi
Đây là người yêu của tôi bị đánh gục và bị chà đạp...
Trong gian phòng xưa của tôi, tôi chờ đợi
Biết bao người khác cũng chờ đợi như tôi?*

Anh ta ngừng lại và đắc thắng nhìn Janek.

– Thế nào?

– Tôi thích nhạc hơn, – Janek đáp một cách lịch sự. Chàng trai cất tiếng cười.

– Ông bạn là một nhà ngoại giao. Sự thật thì thơ cũng chẳng phải là chỗ mạnh của tôi. Tôi chỉ là một người thợ thơ bẩm sinh. Hơn nữa tôi là Adam Dobranski. Thế ông bạn?

– Jan Twardowski.

– Chúng mình cứ gọi nhau bằng cậu tớ chứ?

– Nếu anh cho phép...

– Nếu cậu cho phép, – Dobranski chữa lại.

– Nếu cậu cho phép, – Janek lặp lại, mặt đỏ lên.

– Cậu ở nhóm Czerw phải không? Krylenko đã nói với tớ về cậu.

– Anh ấy đã nói gì? – Janek cảnh giác hỏi.

– Cậu ấy nói cậu ta đã nhận nuôi một người Da Đỏ!

Janek cười. Nó nghĩ đến Winetoo... Hình như tất cả những chuyện đó đã trở nên xa lắc xa lơ!

– Nếu tối nay cậu rảnh, – Dobranski đề nghị, – đến thăm chúng tớ tại chỗ ẩn núp. Chúng ta sẽ đọc, sẽ tranh luận về tin tức... À mà cậu biết không, Stalingrad vẫn giữ vững!

- Ông già tớ đã nói với tớ về Stalingrad cách đây hai tháng...
- Họ vẫn giữ vững. Thế ông già cậu bây giờ ở đâu?
- Tớ không biết. Ông ấy mất tích. Trước ông ấy ở Sucharki.
Dobranski liền thay đổi câu chuyện.
- Tối nay chúng tớ sẽ chờ cậu. Đồng ý chứ?
- Đồng ý. Nhưng ở đâu?
- Canh hồ gần “Cối xay gió già nua”. Ở đây bao giờ cũng có người canh gác.
- Tớ sẽ đến, Janek hứa.

XII

Tối đến, Janek ném mấy củ khoai vào cái túi trống rỗng, vác lên vai, và lên đường. Trăng sáng. Trời lạnh nhưng khô ráo, không khi trong lành. Cành lá làm thành tấm ren đen thẫm nổi bật trên nền trời sáng, những vì sao lấp lánh, chòm Đại hùng tinh đang đùa với các đám mây. Janek đi đến cạnh hồ và men theo một con đường nhỏ...

– Phía này này. – Giọng Dobranski vang lên. Janek giật mình.

– Ừ, đêm nay đẹp quá, – người sinh viên nói vẻ thân thiện. – Một đêm như vậy làm cho ai cũng muốn mơ mộng.

Janek hơi xấu hổ, đi theo cái bóng phía trước. Đi qua cái bụi cây được độ trăm bước, Dobranski cho hai ngón tay vào miệng huýt. Một ánh lửa xuyên qua bụi cây: chỗ núp ngay dưới chân họ. Họ tụt xuống.

– Cái gì thế này? – Một giọng the thé vang lên. – Một đứa bé con? Đồng chí Dobranski định biến nơi này thành một vườn trẻ sao?

– Đừng chú ý đến anh ta, – Dobranski khuyên. – Anh ta luôn luôn cần nhàn!

– Nếu đồng chí muốn tổ chức lớp học buổi tối cho trẻ em lạc hậu thì tôi phản đối! Tôi kiên quyết...

– Thì ngồi xuống đã, Pech!

– Tôi kiên quyết phản đối mọi âm mưu muốn biến căn phòng hầm kháng chiến này thành trường mẫu giáo! Tôi nói hết!

Người nói đó ngồi ngấp trong đồng chăn phía góc hầm. Anh ta mặc một cái áo lính Đức, đầy bùn và rách. Quanh cổ là một chiếc khăn quàng không màu sắc, vô cùng bẩn. Nói chung, cái đầu với chiếc mũ to tướng, giống như một vật vứt đi và bị bỏ quên trên một đồng đồ phế thải. Đầu hói, cái cổ dài và gầy, lại thêm cục hàu dưới cổ quá to làm cho cái cổ dị dạng; chàng sinh viên hình như luôn luôn đang nuốt một cái gì đó rất quan trọng cho cái điều của mình.

– Đó là Pech đấy! – Dobranski tuyên bố. – Ở đây không ai chú ý đến anh ta cả... Mọi người mặc kệ anh ta!

– Mọi người vì vậy sẽ nổ tung hết! – Pech đáp lại.

Người thứ ba ở trong hầm nằm dài bên cạnh đồng lửa. Anh ta độ hai mươi lăm tuổi và có lẽ là anh cả của cả nhóm. Ở gò má anh ta có hai nốt hồng hồng. Janek đã biết những nốt đó: nó đã trông thấy trên má Jablonski. Người trẻ đội mũ cát-két vuông của sinh viên Ba Lan mà bọn Đức bây giờ cấm đội. Cái mũ trước kia trắng bây giờ đã ngả màu đất.

– Chào ông bạn đồng nghiệp! – Anh ta lên tiếng thân thiện.

– Tadek Chmura, – Dobranski giới thiệu. Janek bắt cái tay đưa ra, bàn tay nóng và ẩm mồ hôi. Sau đó nó trút túi khoai ra đất.

– Tôi mang lại cho các anh một ít.

Ngay cả Pech cũng quan tâm. Anh ta gợi ý:

– Để những củ tốt ra một bên, cho ngày mai.

Và anh ta vùi khoai xuống dưới tro nóng. Dobranski ho và lấy từ dưới áo va-rơi ra một cuốn vở học trò to tướng:

– Tớ bắt đầu! – Anh ta tuyên bố.

Pech khoanh tay, hếch mũi lên trời và tuyên bố:

– Chúng mình sẽ nghiêm khắc nhưng công bằng!

Dobranski mở cuốn vở.

– Đây là cuốn: “Chuyện kể sơ lược của những quả đồi”.

– Của Kipling đấy! – Pech hét lên vẻ đắc thắng.

– Đây là chuyện kể cho các chú bé châu Âu... một câu chuyện thần thoại.

Anh ta bắt đầu đọc:

Con mèo meo meo, con chuột rúc rích, con dơi đập choảng... Mặt trăng leo lên trời. Năm quả đồi của châu Âu chậm chậm từ trong bóng tối bước ra, vươn vai, ngáp và chúc nhau buổi tối với giọng của những quả đồi.

– Nay Ông Nội — quả đồi trẻ nhất còn có biệt hiệu là Chàng Ngốc lấy làm ngạc nhiên hỏi — tại sao Mặt Trăng bao giờ cũng chọn cái lưng già của ông để leo lên trời mà không bao giờ chọn cái lưng của cháu?

– Là bởi vì, cháu ơi, nếu Mặt Trăng leo lên lưng cháu thì Trăng không lên được cao và sẽ không thấy được nhiều chuyện!

– Ha! Ha! Quả đồi rất già có tên là Bà Nội Gù cười giọng ngắt quãng. Người ta gọi như vậy vì đây là một quả đồi mà sườn đã bị bào mòn vì mưa, gió, đây là nỗi đau khổ lớn nhất của những quả đồi, nhắc lại hình dáng của một người đàn bà già ngồi đang đan len, Ha! Ha!

– Đồ dê già! Chàng Ngốc nổi cáu, vừa nói vừa thè lưỡi.

– Than ôi, Bà Nội Gù thở dài, việc gì cũng có một thời: có thời để yêu và có thời để được yêu, có thời để sống và có thời để chết...

– Thế nào, bà bạn thân, chị mà cùng nói đến chết ư? Ngài Wladyslaw già nhưng vẫn luôn luôn nịnh đầm, kêu lên với giọng còn trai tráng.

Đó là quả đồi đá và lùn, đứng cạnh Bà Nội Gù, nghiêng nhìn bà một cách tò mò, hình như cốt tìm hiểu bà ta đan cái gì vậy từ mấy ngàn năm nay. Sườn

đôi này nhắc lại bộ mặt nhìn nghiêng của một người nhăn nheo, buồn cười và những cái lười xấu trong số những quả đôi mà thủ đô thì ở đâu cũng có - đồn rằng quan hệ giữa Bà Nội Gù và Ngài Wladyslaw có tính chất ít bình thường như người ta thường nghĩ và có đem tháng năm thì khoảng cách giữa hai quả đôi... Ha! Ha!

– Làm thế nào mà chị có thể nói đến cái chết được? Chị là quả đôi vĩnh viễn trẻ mãi.

– Ha!Ha! Ha! Bà Nội Gù khắc khắc vì được nịnh khéo. Bất thành linh bà nói một tràng ho khùng khiếp, khạc ra bụi mà làm cho hai con quạ ngủ bên sườn đồi phải giật mình bay đi và cả cây sên cuối cùng mọc trên đỉnh đồi cũng cố hết sức bám chặt rễ vào đất để khỏi lay gốc và sợ hãi quay sang nói với quả đôi Nghìn Tiếng:

– Chị đôi ơi! Chị làm ơn khuyên bà ta bình tĩnh lại một chút – với giọng của cây cối, cũng là giọng nói của những quả đôi. Những cái rễ già của tôi chỉ còn bám như những sợi chỉ. Tôi không còn sức như hồi trai trẻ, khi những trận bão mạnh nhất của châu Âu là đến này độ sức với cành lá của tôi và đã phải quắp đuôi bỏ đi!

– Này Bà Nội ơi! Quả đôi Nghìn Tiếng can thiệp, hãy bình tĩnh lại và tiếp tục...

Nhưng đến đây, đột nhiên một chuyện lạ xảy ra. Không có lý do nào rõ ràng cả, quả đôi Nghìn Tiếng hình như mất dòng suy nghĩ và hét lên với giọng rục rủa:

– Nước Nga, cứu tôi với! Nước Anh, cứu tôi với! Hãy xông vào quân thù! Chúng ta sẽ thắng!

Một phút bối rối và quả đôi Nghìn Tiếng lại nói với nó bằng một giọng xa lạ:

– Im đi! Nó nói với giọng bình thường. Im! Mà muốn ta chết sao?

– Ta không im! Sau đó nó lại hét lên, giọng điên loạn. Ta là tiếng nói của các dân tộc châu Âu. Hãy xông vào quân thù! Tiến lên!

– Im đi! Mà không thấy những quả đôi già nua run lấy bầy vì sợ hãi khi nghe nhắc đến nước Nga sao? Mà muốn chúng biến thành tro bụi cả sao?

– Càng sớm càng tốt! Nó lập tức tự trả lời với một giọng hết sức bình thản.

– H... h... hừ... hừ hừ...! Ông Nội khổ sở nổi giận nói cả lăm vừa run rẩy vừa tung bụi ra đến nỗi Chàng Ngốc phải ba lần hắt hơi rất to. Bằng lực lượng nó đã làm cho ta trở thành quả đôi! Hắt.. hắt xì! Ông già cũng hắt hơi do chính bụi của mình.

– Hãy tha lỗi cho tôi, đôi Nghìn Tiếng vội vã nói. Tôi lấy làm phiền muộn.. Tiếng vang của tôi vẫn còn say rượu!

– Còn cái gì! Tiếng vang lập tức hét to và một mùi rượu mạnh pécnot lan khắp không gian Có một tên Đức để tiện sáng nay đã lặp đi lặp lại một trăm lần “Hit-le muôn năm!”. Tôi suýt cười vỡ bụng... Đó không phải là cuộc sống, đó là tiếng vang châu Âu... Hu! Hu! Hu! Nó nấc lên.

– Hu! Hu! Hu! Trước sự ngạc nhiên của mọi người, quả đồi Người Nông Dân cũng nấc lên.

Đó là một quả đồi kích thước vừa phải, dáng vẻ chung chung, lưng tròn, bụng rỗng, da cứng, thân mạnh nhưng giữ vẻ im lặng cảnh giác.

Nó luôn luôn đứng hơi xa các quả đồi khác.

– Hãy xông vào quân thù! Tiếng vang lập tức hét lên, cảm thấy được sự ủng hộ.

– Xông vào quân thù! Đồi Người Nông Dân cũng đề nghị nhưng rụt rè hơn. Nó nhìn chung quanh và lưng càng tròn hơn.

– Tôi xin lỗi chị! Nó nói.

Xưa nay, đồi Nghìn Tiếng rất lấy làm tự hào về tiếng vang của mình. Trong khắp đất đai châu Âu, người ta đến dưới chân quả đồi và nói với nó. Những người đang yêu nhưng chưa chắc được yêu, thì thầm: “Nàng yêu ta, nàng yêu ta!...”. Có một lần, trong cơn quá xúc cảm, Tiếng vang đã nói thêm: “Tôi biết nói thế nào, nàng yêu chàng, ông bạn ạ, và nàng sùng bái chàng!” và người đang yêu khiếp sợ đã vùng chạy trốn. Một hôm, có một chàng kỵ sĩ, đội ngũ lông, đi ngang qua đây và hô: “Hoàng đế vạn tuế”. Tiếng vang đã lặp lại tiếng hô và sau đó quả đồi cho biết đã có một vị hoàng đế ra đời. Sau này, có một người nhỏ thó ăn mặc ngây ngô, đến thăm quả đồi. Ta sẽ làm chủ thế giới”. Con người bé nhỏ đó kêu lên bằng tiếng Đức và giơ tay lên. Tiếng vang giữ im lặng “Ta sẽ làm chủ thế giới, con người bé nhỏ hét lên, dẫm chân ta sẽ là người chủ của cả thế giới, ta sẽ là...”. “Làm chủ thế giới, con tâu!”. Tiếng vang cuối cùng nổ bùng lên, hoàn toàn không kiểm chế được mình “Trước hết ai là tiếng vang ở đây? Mày hay tao?” Và chính tiếng vang đã giương cao ngọn cờ khởi nghĩa. Bây giờ, nó hét lên.

“Hãy rung lên, đất đai châu Âu! Hãy chôn vùi kẻ xâm lược! Gió ơi, hãy thổi lên...”.

Một tiếng thở dài lớn chạy qua các ngọn cây.

— Tôi đã làm hết sức, gió thâm thì. Vì thổi quá sức nên mặt mày tôi đã xây xẩm. Hãy đem lại cho tôi thêm một mùa đông... Để được việc, tôi cần thêm có bạn tuyết.

— Tiến lên, rừng rú châu Âu! Tiếng vang van nài. Hãy xông vào quân thù. Hãy nhắm phía quân thù, xông lên!

– Điều đó sẽ rất khó khăn! Rừng rú gầm lên. Nhưng cây cối của chúng tôi đòi hỏi có vinh dự. Mỗi cây treo cổ một tên lính Đức lên cành của nó!

Tiếng vang, đã hơi mệt, thở gấp một cách nặng nhọc. Ông Nội nhân cơ hội đó chen vào:

– Đừng có nghe những điều nó nói, Chàng Ngốc! Ông Già ra lệnh. Bịt tai lại. Chúng ta những quả đồi, chúng ta khác, hãy để cho những con người giải quyết cuộc tranh chấp giữa họ với nhau. Tốt hơn là hãy xem thử chú đã học bài chưa... Chúng ta hãy bắt đầu từ bài sinh ngữ. Chú đã học thuộc bài tiếng Anh chưa?

– Và thuộc như thế nào! – Chàng Ngốc đáp và bắt đầu đọc bằng tiếng Anh không cần phải để yêu cầu thêm. Chúng ta sẽ chiến đấu trên biển và trên đại dương. Chúng ta sẽ chiến đấu với lòng tin tưởng và sức mạnh ngày càng lớn trên vùng trời..

– Sao? Sao? Sao? – Ông Nội lấp bắp, chết đứng hơn là sống.

Mấy con ếch phải ngái ngủ đáp lại, tưởng như người ta lại đến mình.

– Chúng ta sẽ bảo vệ hòn đảo của chúng ta với bất cứ giá nào. Chàng Ngốc tiếp tục đọc. Chúng ta sẽ chiến đấu trên bãi biển, chúng ta sẽ .. chúng ta sẽ... Ha! Ha!

– Chúng ta sẽ chiến đấu trên đồng ruộng! Những cánh đồng nhắc lại.

– Chúng ta sẽ chiến đấu trên đồng ruộng và trên đường phố, chúng ta sẽ chiến đấu trên những quả đồi.

– Trên những quả đồi! Những quả đồi nhắc lại một cách sùng kính.

– Chúng ta sẽ không bao giờ đầu hàng.

Một phút yên lặng. Và rồi tiếng khóc nức lên – chỉ có tiếng vang châu Âu mới học được cách nức lên như vậy – và cất tiếng hát:

Đi lên đi, những đứa con của Tổ quốc,

Ngày vinh quang đã đến rồi

Tội ác đang chống lại chúng ta

Ngon cò đẫm máu đã giương lên...

Dobranski kết thúc câu chuyện. Anh xếp vở, cất nó vào trong áo va-rơ của mình.

Pech tuyên bố:

– Nếu ông bạn muốn biết ý kiến của mình thì đây, tôi phản đối! Anh trôi ra khỏi đồng chăn và bắt đầu cời tro để tìm những củ khoai vùi lúc này.

– Những đứa trẻ châu Âu một ngày kia sẽ học thuộc lòng câu chuyện này trong các trường học! Tadek Chmura nói một cách tin tưởng.

XIII

Đã khuya, trong đêm tối, Janek trở về. Dobranski đi theo cậu ta. Gió thổi trong rừng, những cành cây hát. Trời rét dữ, nhưng rét khô, cái rét của những đêm đông đầu tiên.

– Đã cảm thấy núi tuyết, – Janek nói.

– Có lẽ đúng. Thế cậu không buồn sao?

– Không.

Dobranski đi và giữ im lặng một lúc.

– Tổ đang viết một cuốn sách, cậu biết không.

– Điều đó chắc phải khó lắm.

– Ô! Bây giờ mọi việc đều khó cả. Nhưng còn ít khó khăn hơn là sống cho được, sưởi ấm và lo ăn.

– Đề tài gì?

– Những con người đang đau khổ, chiến đấu và gần gũi lại với nhau...

– Bọn Đức cũng thế à?

Dobranski không đáp.

– Cậu có thể đọc cho tớ nghe một số đoạn được không?

– Tất nhiên được. Thế cậu không hỏi tớ tên cuốn sách à?

– Cậu nói đi.

– Cuốn sách tên là: Ngoại ô Stalingrad.

– Điều đó xảy ra ở đó à?

– Không. Nhưng trái tim nhân loại, mùa đông này, đập ở ngoại ô Stalingrad, cũng như năm một chín bốn mươi, đập ở ngoại ô London. Trong mỗi nước châu Âu, cái gì còn lại của hy vọng nhân loại tìm cách rút vào trong những đồ nát của khu thợ thuyền; trong mỗi căn nhà bị vây, trong mỗi cái hầm, trong mỗi hố đạn đại bác đều đang ẩn núp và nín thở hy vọng của một tên nô lệ châu Âu. Mùa đông này, ngoại ô Stalingrad, không phải chỉ là của một mình nước Nga, mà là cả thế giới đang đau khổ và đấu tranh để tự giải phóng.

Một con sói bắt chợt hú lên phía bên kia hồ.

– Nó đang lạnh, – Janek nói.

Và nó hỏi dịu dàng:

– Có phải cuộc chiến đấu vẫn còn tiếp tục?

– Ừ.

Janek lặng im. Nó nghĩ đến Zosia. Khi nào cuộc chiến đấu thắng lợi, nó sẽ cưới Zosia và sẽ sống với cô ta trong một cái nhà ở thành phố.

– Chmura đang ho lao, – bắt chợt nó nói. – Anh ta sẽ chết, nếu ở đây...

Anh ta biết điều đó. Chúng tớ cũng thường thử thuyết phục để anh ta đi. Anh ta có thể sống ở Thụy Sĩ, trong một nhà an dưỡng... Anh ta có thể làm điều đó; bố anh ta có quan hệ tốt với bọn Đức. Chính vì vậy...

– Thì sao?

– Chính vì vậy mà anh ta ở lại với chúng tớ, chỉ vì có anh ta có quan hệ tốt với bọn Đức.

Nó ngập ngừng một giây và dừng lại.

– Lúc này cậu có hỏi tớ về bọn Đức...

– Có như vậy.

– Tớ sẽ kể cho cậu vài điều. Cách đây khoảng một năm bọn Đức đang khủng bố dữ dội. Làng xóm cháy lần lượt nơi này đến nơi khác và nhân dân... Thôi! Tốt hơn hết là không nói đến những gì xảy ra với nhân dân nữa.

– Tớ hiểu.

– Lúc bảy giờ tớ tự hỏi: Làm thế nào mà nhân dân Đức có thể chấp nhận được điều đó? Tại sao họ không vùng lên? Tại sao họ chịu lãnh vai trò đao phủ đó? Có thật lương tâm Đức bị tổn thương, bị chế giễu vì không có một chút gì nhân đạo, đã vùng lên và từ chối khuất phục chẳng? Khi nào thì chúng ta sẽ thấy những dấu hiệu của sự quật khởi đó? Thế mà đã có một người lính Đức trẻ đã đến đây, trong rừng này. Anh ta gia nhập vào hàng ngũ chúng ta đi với chúng ta một cách chân thành can đảm. Không một chút nghi ngờ gì về việc đó: đó là một người Đức chân chính. Đó không phải là một tên phát-xít: đó là một con người. Anh ta đã đi theo tiếng gọi của cái điều gọi là nhân đạo thường tình nhất trong con người anh ta, bằng cách vứt bỏ cái nhãn hiệu là lính Đức. Nhưng chúng tớ thì chúng tớ chỉ nhìn thấy cái ấy, cái nhãn hiệu ấy. Tất cả chúng tớ đều biết đây là một con người chân chính, trong sạch. Người ta cảm thấy sự trong sạch đó, khi người ta gặp nó. Nó làm cho anh lóa mắt trong suốt cả cái đêm đó... Chàng trai đó là người của chúng ta, nhưng mà còn cái nhãn hiệu.

– Rồi sao?

– Rồi chúng tớ đã bắn anh ta. Vì anh ta có cái nhãn hiệu đó trên lưng người Đức. Còn chúng tớ, chúng tớ có cái nhãn hiệu

khác: người Ba Lan. Và bởi vì lòng căm thù đã chiếm hết trái tim chúng tớ. Có người nào đó nói với anh ta để giải thích hoặc xin lỗi, tớ cũng không biết nữa: “Đã quá muộn rồi”. Nhưng người đó đã nói sai. Không phải đã quá trễ. Mà là quá sớm...

Dobranski nói:

– Bây giờ tớ phải từ giã cậu. Hẹn gặp lại.

Và anh ta xa dần trong đêm tối.

XIV

Chiều hôm sau, Zosia trở về. Cả ngày cô ta lang thang trong rừng và chỉ trở về gặp nhóm của cô sau khi mặt trời lặn. Janek gặp Zosia đang ở với Czerw. Có lẽ cô ta đã mang về những tin tức tốt đẹp. Czerw lo lắng mấy hôm nay, bây giờ hình như đã yên tâm.

– Tối nay, em đến chứ?

– Vâng. Chờ em.

Lát sau, cô ta đến tìm Janek trong chỗ ẩn núp. Cô ta cặp dưới nách một cái gói.

– Cái gì đấy?

Cô cười.

– Anh sẽ thấy.

Janek nhóm lửa rất khéo. Củi khô; lửa bắt ngay và nổ tanh tách vui vẻ. Zosia cởi áo chui vào trong chăn

– Em có đói không? Anh cho khoai vào luộc, sẽ chín ngay.

– Chúng đã cho em ăn, ở thành phố.

Janek thở dài. Cô để tay lên vai cậu.

– Đừng nghĩ gì đến... không nên nghĩ đến. Điều đó. Không có gì quan trọng.

- Anh căm thù chúng. Anh muốn giết hết chúng nó.
- Người ta không thể giết hết chúng nó.
- Anh sẽ thử. Để bắt đầu, anh sẽ giết một đứa.
- Không cần. Chúng nó cuối cùng rồi cũng sẽ chết hết.
- Ừ! Nhưng chúng nó sẽ không biết vì sao mà chết. Anh muốn chúng nó chết mà biết vì sao. Anh sẽ nói cho chúng biết vì sao chúng phải chết, trước khi giết chúng.
- Thôi đừng nghĩ đến điều đó nữa. Anh cởi áo ra. Lại gần em đây này. Thế. Được chưa?
- Được.
- Anh có nghĩ đến em không?
- Có.
- Nghĩ nhiều không?
- Nhiều.
- Tất cả thời gian?
- Tất cả.
- Em cũng nghĩ đến anh.
- Suốt cả thời gian.
- Không, khi em ngủ với chúng. Lúc bấy giờ, không nghĩ đến anh, em không nghĩ đến ai cả, không nghĩ đến điều gì cả.
- Sao thế được? Zosia?
- Thì cũng như đói, cũng như rét. Cũng như đi trong mưa và trong bùn, cũng như không biết đi đâu, khi người ta đói và rét... Lúc đầu, em khóc còn bây giờ thì cũng quen đi.
- Chúng nó có dữ tợn không?
- Chúng nó rất vội.

- Chúng có đánh em không?
- Ít lắm. Chỉ khi nào chúng say. Hoặc khi chúng quá khổ sở.
- Tại sao?
- Em không biết. Làm sao em biết được?
- Thôi đừng nghĩ đến nữa.
- Đừng nghĩ đến nữa, Janek...
- Thật không?
- Anh không ghê tởm em chứ?
- Ồ! Không.
- Xích lại gần em hơn.
- Thì đã gần rồi...
- Gần hơn nữa kia.
- Thì gần hơn nữa...
- Đây, thế.
- Zosia!
- Anh đừng sợ.
- Anh không sợ.
- Anh không muốn em sao?
- Có. Có chứ.
- Anh đừng run.
- Anh không thể không run.
- Để em ủ ấm cho. Thế...
- Anh không lạnh. Không phải vì lạnh.
- Thế thì vì sao?
- Anh không biết.

- Thế mà em biết đấy...
- Em nói cho anh biết đi.
- Không.
- Tại sao?
- Tại vì anh chưa đủ lớn.
- Anh lớn rồi.
- Khi nào anh lớn hơn nữa kia.
- Bây giờ anh đã đủ lớn để làm mọi việc.
- Chưa.
- Đã đủ lớn để đau khổ và để đánh em.
- Anh còn con nít.
- Anh không phải con nít. Anh đã là người lớn.
- Thật không? Anh đừng giận.
- Tại sao em cứ chế giễu anh?
- Em không chế anh. Anh là người lớn. Vì vậy mà anh run.
- Em giải thích rõ xem nào.
- Em không thể giải thích.
- Tại sao?
- Em xấu hổ. Chỉ vì những từ. Những từ nhơ bẩn.
- Không can gì. Em cứ nói đi.
- Em xấu hổ. Mà anh cũng hiểu đấy. Anh cứ nằm yên, một lát, nằm gần em. Gần em hơn nữa. Anh sẽ hiểu tại sao trước đây anh run.
- Thế sau này anh không run nữa à?
- Không. Anh sẽ bình tĩnh và sung sướng. Rất bình tĩnh và rất sung sướng.

– Anh đã sung sướng rồi.

– Nhưng anh còn run. Và tim anh đập rất mạnh. Cổ anh nghẹn lại: giọng nói không còn là của anh, Janek... Em tưởng em có thể nói điều đó với anh. Em tưởng anh đã đủ lớn. Em tưởng em có thể.

– Em nói ngay đi.

– Anh muốn...

– Không nên nói điều đó. Đó là một từ nhơ bẩn. Người ta dùng nó để chửi thề. Em đừng bao giờ nói điều đó.

– Nhưng không có từ khác.

– Có. Chắc chắn có từ khác. Anh sẽ đi hỏi. Ngày mai, anh sẽ đi hỏi anh Dobranski. Anh ấy chắc biết.

– Bây giờ anh lại nổi cáu rồi. Anh khổ sở. Anh không yêu em nữa.

– Anh yêu em. Anh yêu em. Đừng khóc Zosia. Không nên khóc. Chúng ta có thời gian để học. Chúng ta có thời gian để quên. Chúng ta sẽ học những từ đẹp đẽ, chúng ta sẽ quen hết những từ xấu xa.

– Đàn ông không có từ nào đẹp khi nói đến điều đó.

— Anh sẽ đặt ra một từ. Chúng ta cùng nhau đặt ra một từ. Em và anh. Chỉ có chúng ta biết từ đó. Chỉ có chúng ta hiểu từ đó. Chúng ta không nói cho ai biết từ đó cả. Chúng ta sẽ giữ bí mật đó cho chúng ta. Đừng khóc, Zosia. Một ngày kia sẽ không còn bọn Đức nữa. Một ngày kia sẽ cấm không được đói, không được rét. Em đừng khóc. Anh yêu em không kể xiết...

— Anh nói nữa đi.

— Bao nhiêu lần cũng được nếu em muốn. Anh thích nói điều đó. Anh yêu em. Anh yêu em. Đó là một từ đẹp.

– Nếu thế thì em đừng khóc nữa.
– Em không khóc nữa. Lửa tắt mất rồi.
— Cứ để cho nó tắt.
— Janek.
– Anh yêu em...
– Anh ngoan quá... Anh không giống như những kẻ khác.
– Giống kẻ khác thế nào?
— Khi anh đụng vào em, điều đó. Không làm cho em ghê tởm. Trái lại. Sờ em đi. Đặt tay anh vào đây này, lên ngực em. Cứ để tay anh như vậy.
— Anh sẽ để tay như vậy suốt đêm.
— Janek!
Anh sẽ để tay như vậy suốt đêm...
— Janek, Janek...
– Xích lại gần anh hơn nữa, Zosia.
— Đẩy rồi thôi.
– Gần hơn nữa. Gần hơn nữa kia. Đẩy như vậy, ừ, cứ như vậy!
— Janek!
— Em đừng khóc, đừng khóc...
— Ồ, không, em không khóc. Ồ! Không! Ồ! không.
– Em đừng run.
– Em không thể không run. Em không thể. Không...
— Zosia!
— Ôi, chú bé của em.. Ôi! Chú bé của em, nếu anh biết em yêu anh biết bao nhiêu...
— Zosia...

— Ôi! Đừng dịch xa em, ôi! Cứ nằm yên như vậy, đừng động đây... chú bé của em. Cứ như vậy, nằm yên, không nhúc nhích. Để cho con tim anh nó đập, nó sẽ sung sướng.

– Tim em cũng đập đấy.

– Nó cũng đang sung sướng.

— Hai quả tim cùng đập. Chúng nói chuyện với nhau.

— Chúng cùng sung sướng.

— Không phải, chúng không nói với nhau, chúng đang hát. Zosia, em biết không...

— Sao?

— Giống như âm nhạc.

— Còn đẹp hơn âm nhạc.

— Thì cũng đẹp như vậy.

– Em không biết có cái gì đẹp như thế nữa. Nếu anh biết em sung sướng đến bao nhiêu.

— Em vẫn còn run.

— Em tưởng rằng không khi nào em hết run. Còn anh, bây giờ anh bình tĩnh thoái mái.

— Anh sung sướng.

– Đừng bỏ em, Janek. Và tha lỗi cho em... thành phố.

– Anh tha lỗi cho em tất cả. Anh sẽ luôn luôn tha lỗi cho em tất cả.

– Em cũng không biết thế là thế nào nữa. Em không biết em đã làm điều gì, Janek.

— Em nói đi.

– Em không muốn làm điều đó với chúng nó nữa.

- Em sẽ không làm nữa.
- Em cũng không muốn làm đều có với ai nữa ngoài anh. Chỉ với anh mà thôi. Anh hứa với em đi!
- Anh hứa.
- Em chỉ biết có từ xấu xa và sự đau khổ. Anh sẽ không để em đi đến chỗ chúng nữa chứ?
- Anh không để em đi nữa.
- Anh sẽ nói với Czerw chứ?
- Mai anh nói.
- Czerw sẽ hiểu.
- Điều đó với anh không quan trọng lắm, dù cho Czerw có hiểu hoặc không hiểu.
- Anh ấy sẽ hiểu. Trước đây, anh ấy không dám nhìn vào mắt em nữa. Em có thể sống ở đây với anh được không?
- Được chứ, nếu em muốn. Sống ở đây với anh, Zosia.
- Và anh biết không, em không mang bệnh.
- Đối với anh, điều đó không cần.
- Bọn thầy thuốc Đức khám em luôn. Czerw đã bày ra điều đó, để cho người ta để em yên ở đây.
- Anh ấy làm đúng.
- Đáng lý ra phải gặp anh sớm hơn.
- Anh không ghét em đâu. Thì cũng như bị giết, bị đánh đập, bị chúng bỏ đói. Cũng không cần nhiều, xấu ít gì cả. Cũng là chuyện đó cả, chính là bọn Đức.
- Cũng không phải là tội lỗi của chúng. Không phải là lỗi của chúng, nếu chúng là đàn ông. Bàn tay của chúng tự nó giơ ra.
- Đó không phải là tội lỗi của đàn ông. Đó là tội lỗi của Chúa.

- Anh đừng nói vậy.
- Chúa nghiêm khắc với chúng ta.
- Anh đừng bao giờ nói như vậy nữa.
- Chúa đã sai bọn Đức đốt làng anh.
- Có lẽ đó không phải là lỗi của Chúa. Có lẽ Chúa không ngăn được.
- Chúa đã đem lại cho chúng ta đói và rét, bọn Đức và chiến tranh.
- Có lẽ Chúa cũng hết sức đau khổ. Có lẽ điều đó không còn tùy thuộc vào Chúa nữa. Có lẽ Chúa đã quá yếu, quá già, quá đau ốm. Em không biết nữa.
- Không ai biết cả.
- Có thể Chúa muốn giúp chúng ta nhưng ai đó ngăn cản. Có thể Chúa thử nghiệm. Có thể một ngày kia Chúa sẽ thành công nếu người ta giúp Chúa một tí thôi.
- Có thể. Tại sao em thở dài?
- Em có thở dài đâu. Em sung sướng đấy chứ.
- Gối đầu em vào đây này.
- Rồi.
- Em nhắm mắt lại đi.
- Rồi.
- Em ngủ đi.
- Em ngủ đây... Anh đoán thử em có cái trong gói giấy này.
- Một cuốn sách.
- Không phải.
- Cái gì đó ăn được.

– Cũng không phải. Anh xem đây này.

– Con gấu bông. Đẹp quá.

— Thật thế không?

– Lúc nhỏ. Anh cũng có một con. Anh gọi nó là Wladek.

– Con của em gọi là Michas. Em có nó từ lâu rồi. Khi em còn nhỏ, bao giờ em cũng ngủ với nó. Đó là tất cả những gì của cha mẹ em mà em còn giữ được. Bao giờ em cũng ngủ với nó... phải thế không, Michas?

Trong đêm tối, giọng gái ngủ của Zosia còn dịu dàng nói:

– Đó là người mang hạnh phúc đến cho em.

XV

Họ tụ tập lại trong hầm trú ẩn của sinh viên. Trên bếp lửa, ấm nước đã bắt đầu reo vui: Pech tự nguyện nấu trà cho họ. Anh ta đang sửa soạn, với những động tác của nhà ảo thuật, theo một công thức lạ lùng mà theo anh ta nói thì anh ta học được của một con dê già giàu kinh nghiệm sống trong rừng. Hơn nữa Pech rất vui lòng truyền bá công thức đó. “Hãy lấy một củ cà rốt, phơi khô, cạo sạch rồi nhúng vào nước sôi độ ba bốn phút...”. “Và thế là được phải không?”. Pech trả lời chân thật: “Không. Nhưng mà nóng. Và nước lại có màu trà!”. Dobranski đã hứa là sẽ đọc cho họ nghe một đoạn sách của mình. Janek sốt ruột chờ đợi, cái cà-men nóng bỏng đặt trên đầu gối. Anh em sinh viên đã đồng ý để cho Janek mời cả Czerw đến dự. Và giờ đây Czerw khiêm tốn ngồi vào trong một góc, co chân lại đặt cằm lên đầu gối. Lưng dựa vào bờ tường đất. Để nghe rõ hơn, anh ta đã cất cái khăn san: lần đầu tiên Janek thấy anh ta để đầu trần. Tóc anh ta đen, rất xoắn và bóng, tóc làm cho bộ mặt anh ta có vẻ man dại. Anh ta không nói gì, chỉ uống trà, trịnh trọng nheo mắt và tỏ ra bằng lòng là đã đến đây. Tadek Chmura thì nằm dài trên đồng chăn. Anh ta có đôi má hõm, hơi thở khò khè, những giọt mồ hôi lấm tấm hai bên thái dương. Anh ho rất nhiều: tiếng ho nhỏ, nhẹ, khan... Cứ mỗi lần như vậy thì anh lại lấy tay che mồm, có vẻ xin lỗi. Dobranski thường nhìn anh với vẻ lo lắng.

– Đọc đi! – Tadek nói.

Dobranski cho tay vào áo va-rơi và lôi ra một cuốn vở dày.

– Nếu các cậu thấy chán thì các cậu bảo tớ dừng lại.

Mọi người phản đối. Nhưng Pech hỏi giọng thô lỗ:

– Ông bạn có thể tin ở tớ.

– Xin cảm ơn. Đoạn tôi sắp đọc cho các nghe xảy ra ở Pháp. Đoạn này gọi là “Bọn tư sản Paris”.

– Bọn tư sản, – Pech nhận xét, – thì ở đâu cũng thế cả, ở Paris cũng như ở Berlin, cũng như Warsaw. – Anh ta tuyên bố như vậy và lấy tay bịt mũi.

– Chúng nó đều một mùi cả. Giống tất cả các nước trên thế giới.

– Câm cái mồm đi, Pech. – Mọi người vui vẻ yêu cầu.

– Tớ bắt đầu đây, – Dobranski nói

Anh ta bắt đầu đọc:

Ông Karl, bước vào nhà và chùi chân cẩn thận, với mọi ý nghĩ thành kính đối với bà gác cổng, bà Laitue. “Những sự quan tâm nho nhỏ sẽ đem lại những người bạn lớn...”. Về mặt chân thành, ông ta gõ cửa và vừa bước vào vừa nói: “Xin chào các ông các bà” giọng rất tây.

– À ông Karl! – Bà Laitue kêu lên. – Cuối cùng thì ông đã đến. Ông có thể làm phiên dịch cho tôi hiểu các ngài đây muốn nói gì?

Ông Karl trình trọng đặt đôi mục kính và quay nhìn hai chàng trai trẻ khoác áo mưa, đứng ở giữa nhà, vẻ lăm lăm: “Những đồng nghiệp!” Ông ta nhận ra ngay. Và một cái liếc mắt khác cũng đủ để ông xác minh rằng hai người khách đến thăm kia còn thua xa ông trong bậc thang Gestapo.

– Thưa ngài!

Tiếng dập gót chân. Có sự trao đổi lịch sự bằng giọng cổ ngắn gọn. “Lạy Chúa người Pháp. Hãy làm cho điều đó thành công!” Bà Laitue suy nghĩ.

“Hãy làm cho mọi việc êm đẹp”. Trái tim của bà ta chạy vòng vèo trong ngực, cũng giống như cách đây hai năm, khi bà nhận được tin đầu tiên về chồng bà. “Anh bị bắt làm tù binh. Anh nghĩ đến em. Đừng thất vọng”.

Lại có tiếng đập gót chân mới.

– Xin cứ tự nhiên! – Ông Karl mỉm cười.

Ông quay về phía bà Laitue, lên giọng người cha.

– Chỉ là một hình thức thôi, bà bạn thân ạ! Các ngài đây tưởng rằng có một tên địch nhảy dù đang trốn trong nhà.

Ông ta cầm lấy chiếc chìa khóa để trên bàn.

Ông ta nói, giọng khô khan. Tôi biết tất cả điều gì xảy ra trong nhà này. Xin cứ tự nhiên... Các anh làm nhiệm vụ của mình đi.

Ông ta đáp lại cái chào của họ và đi ra. Ông Karl đã được nhà đương sự Đức giao cho việc giữ gìn sự “yên tĩnh” ở trong khu vực này. Đó là một vị trí được tin nhiệm. Phương pháp của ông ta rất đơn giản. Vuốt ve, lịch thiệp, khôn khéo. Biết tất cả nhưng không hỏi điều gì. Tỏ ra là bạn thân, là đồng minh trung thành. Ông ta còn cố ý cho thêm dẹt vài câu chuyện nhỏ về mình. Nào là có một lần ông ta đã che giấu trong nhà ông một người sinh viên trẻ tuổi bị kết án là đã rải truyền đơn. Nào là một lần khác ông đã làm cho sĩ quan Đức phải bị phạt nặng vì tỏ ra quá miễn cưỡng. Những người tư sản Paris đều ngây thơ. Họ không có khái niệm gì về hoạt động bí mật, và làm cho họ tin chỉ là một trò trẻ con.

– Thưa ông Karl.

Bà Laitue leo thang gác bốn bậc một, mặc dù tim bà đã đập loạn xạ.

– Tôi hoàn toàn quên mất... về chỗ nước chảy trong phòng tắm của ngài... Tôi sẽ cho một người thợ hàn đến, hiện anh ta đang bận việc.

– Tôi vô cùng biết ơn bà! – Ông Karl nói và giờ mũ lên.

Nhưng bà Laitue đã chạy lên gác thượng. “Chỉ mong sao cho mọi sự êm đẹp...”.

Bà ta va phải một bóng người mảnh khảnh, người đó lúng túng xin lỗi.

– Tôi đến để vĩnh biệt bà, – ông Lévy thì thầm.

Ông ấy muốn gì ở mình? Bà Laitue cố sức suy nghĩ. À! Mà ông ta đi đây. Chiều qua, ông Karl đã ra lệnh cho ông ta phải ra khỏi nhà này trong vòng hai mươi bốn tiếng... Cũng phải nói với ông ta điều gì dễ chịu... Ông già đáng thương! Nhưng không phải bây giờ, không phải bây giờ.... Bà ta đẩy cửa phòng và nụ cười trên môi, tiến về phía hai người trai trẻ lẫm lẫm. Ông Karl gặp Grillet ở cầu thang. Grillet luôn luôn quanh quẩn đâu đó quanh ông Karl, đang đưa hai cánh tay của một võ sĩ quyền Anh, giống như một con vật trung

thành và ông Karl hết sức tự hào về tên đầy tớ cam đi bảo vệ này. Thường thường ông ta cho nó tiền, trà lá và thuốc hút. “Những sự quan tâm nho nhỏ sẽ đem lại những bạn lớn”. Grillet làm mọi việc trong nhà. Nó nhìn ông Karl với đôi mắt của một con chó trung thành. Ông Karl vỗ vai nó thân mật và tiếp tục đi lên cầu thang, vừa đi vừa huýt bài “Horst Wessel Lied”. Trong khắp cả khu thì ông ta thích nhà này hơn cả. Không bao giờ có chuyện phiền nhiễu, không bao giờ có chuyện rắc rối. Quan hệ với những người thuê nhà khác rất dễ chịu và thân thiện. Một sự tôn trọng lẫn nhau, một sự hiểu biết lẫn nhau. Lễ phép, thật thà hoàn toàn. Giúp đỡ lẫn nhau. Lịch sự. Nói tóm lại đó là sự hợp tác! Còn trong các chung cư khác thì phải dọa nạt, bỏ tù và đôi khi phải bắn bỏ. Đã có những chuyện rải truyền đơn, báo chí bí mật, cho mật vụ của Anh trốn tránh. Có cả những âm mưu ám sát. Nhưng cái nhà này là một cái nhà rất ngoan, biết vâng lời, một cái nhà của đứa con dễ dạy. Tất nhiên cũng có một hai trường hợp ngoại lệ. Có ông già Honoré, bảy mươi hai tuổi không bao giờ đáp lại lời chào của ông Karl. Không bao giờ nói chuyện với ông và hình như cũng không cảm thấy có sự tồn tại của ông ở đây. Còn có ông Brugnon, người bán pho mát. Mỗi lần gặp ông Karl, ông ta thô lỗ vỗ vào bụng ông Karl và hét lên giữa hai trận cười điều loạn: “Stalingrad, Stalingrad, cánh đồng quạnh hiu... ha! ha! ha!”. Ông Karl nghe tiếng chân bước và ông ngừng đầu lên: Ông Honoré đang đi từ trên cầu thang xuống. Ông ta đi thẳng người, hơi cứng, cái gậy cặp dưới nách. Ông ta không nhìn ông Karl mà nhìn qua ông này. “Cũng như thường lệ ư”. Và mỗi lần như vậy ông Karl cảm thấy bị nhục mạ; ông muốn người ta ghét ông nhưng không muốn người ta không biết đến ông. Ông có cảm tưởng không tồn tại ở trên đời này khi cái người Pháp dở hơi này đi qua. Và muốn để chứng tỏ sự tồn tại của mình ông đi nhanh nện cát mũ và chào. Tất nhiên ông Honoré không đáp. Cái nhìn của ông này tiếp tục xuyên qua khuôn mặt của ông Karl hình như đây chỉ là một tấm kính hơi bẩn.

– Này, – ông Karl bắt thần lên tiếng, với giọng vui vẻ. – Ông bạn hãy giải thích cho tôi một lần xem sao. Tôi đến đây với tư cách là bạn bè, là đồng minh chứ không phải là kẻ chiến thắng...

Ông Honoré đứng lại. Ông quay lại phía ông Karl. Ông nhìn Karl, phải, ông nhìn ông Karl. Ông Karl có cảm giác không những được nhìn mà còn được trông thấy.

– Nước Nga muôn năm, thưa ngài! – Ông Honoré la lên. – Nước Nga muôn năm!

Ông chờ một lát, mắt vẫn nhìn về phía ông Karl, kẹp chặt thêm cái gậy dưới nách và tiếp tục bước xuống... Ở tầng dưới, Bà Laitue có hai người trai trẻ đi kèm, được bà de Melville đón tiếp. Bà de Melville là một bà rất già, tóc bạc trắng, bà đón họ trong phòng khách và lập tức bắt đầu nói:

– Có ai ở đây với tôi à? Không, tôi chỉ có một mình, chồng tôi đã bị giết trong cuộc chiến tranh và con trai tôi hiện nay đang ở Anh. Vâng, thưa các ngài, nó không ở đây, nó đang ở Anh. Ở Anh. Các ông biết nước đó chứ? Chính từ đó mà máy bay cất cánh để đi ném bom Berlin. Con trai tôi đang ở trong không quân. Nó chiến đấu chống các ông. Các ông không hiểu tiếng Pháp à? Tiếc quá. Con trai tôi... máy bay... Bom... Berlin... Các ông hiểu không?

Bà de Melville nói chậm chậm, vừa nói vừa cười. Bà không nổi nóng. Bà chỉ tìm cách tranh thủ thời gian. “Miễn là Grillet làm nhanh lên! Miễn là anh ta kịp mang cái giỏ đi nơi khác”. Hai người trai trẻ chăm chăm nhìn bà de Melville.

– Chính tôi đã giúp cho con tôi đi. Tôi ở lại một mình cũng không sao. Tôi sung sướng. Tôi sung sướng khi biết rằng con trai tôi đang chiến đấu chống các ông. Nó đem lại đau khổ cho các ông. Và đau khổ sẽ dạy cho các ông nhân đạo hơn...

Hai người trai trẻ trao đổi với nhau bằng giọng ồ ồ và bắt đầu lục soát căn nhà. Có tiếng gõ cửa và bà Laitue ra mở. Chỉ là ông Lévy, mũ cảm tay.

– Tôi đến đề vĩnh biệt bà de Melville thôi, – ông ta lúng túng nói.

Bà de Melville đi theo hai người trai trẻ từ phòng này sang phòng khác. Phải cầm chân chúng. Phải tranh thủ thời gian. Phải làm sao cho Grillet có đủ thời giờ mang cái giỏ ra khỏi nhà.

– Hãy lục soát đi! Nhìn vào chỗ này này! Hãy dẫm đạp đi! Các ông có thể đốt, cướp và giết nếu các ông thích. Đối với tôi thì đảng nào cũng thế. Các ông không thể ngăn người Anh không ném bom các thành phố của các ông được, ném hết đường phố này đến đường phố khác. Cologne, Hambourg, Berlin... các ông hiểu không? Người Anh sẽ mở mắt các ông ra. Các ông sẽ hiểu chúng tôi cảm nghĩ gì trước sự đổ nát của những thành phố của chúng tôi, trước những nắm mồ của con cái chúng tôi. Rồi, các ông sẽ bắt đầu hiểu... Cái ngày đó đã đến gần và các ông sẽ nói: “Không còn gì nữa!”. Nhưng lúc bấy giờ thì đã quá chậm.

– Bà già này điên rồi! – Cuối cùng người trẻ nhất nói và nhún vai.

Dobranski dừng lại, quay về phía Tadek.

– Cậu nghĩ sao?

– Có thể đúng. Có lẽ đúng. Tôi không kết luận gì cả và tôi cũng không khâm phục những người tư sản Paris. Họ đã dạy ở trường

ngụ ngôn của La Fontaine, họ đã suy nghĩ về Montaigne, xây dựng nhà thờ Đức Bà và đã đem lại cho thế giới này cái mà ngày nay thế giới đang trả lại cho họ: Tự do. Họ chỉ muốn giữ bản sắc người Pháp. Cũng không có gì để khâm phục họ, cũng không có gì phải cảm ơn họ.

– Còn tớ thì... – Pech bắt đầu nói.

– Thôi im đi! Im đi!

Hình ảnh Épinal! – Pech vẫn cố nói. – Nước thánh! Nhồi sọ.

Dobranski đọc tiếp:

Ông Karl đến trước cửa căn phòng của mình. Ông cho chìa khóa vào ổ khóa... Trong lúc đó, cửa phía đối diện mở ra, và ông bà Chevalier bước ra ngoài hành lang.

– Chào ông Karl!... Thật là một sự bất ngờ thú vị!

Ông Chevalier nhảy đến phía ông Karl và bối rối bắt tay ông này làm như ông vừa tìm thấy một người bạn cũ. Ông Karl cứ để mặc cho ông ta làm, có vẻ hơi thích thú. Ông bà Chevalier là những người bạn trung thành nhất, những con chiên ngoan đạo nhất. Ông Chevalier không bao giờ nói “nước Đức” mà nói “Người đồng minh vinh quang và độ lượng của chúng ta bên kia sông Rhin”; ông ta không bao giờ nói “Quốc trưởng”, mà nói “Người điều dắt thiên tài của châu Âu mới”; quân đội Đức từ miệng ông ta nói ra thì luôn luôn là “Quân đội rất có kỷ luật” và khi ông ta nói đến “Sự hợp tác” thì vẻ mặt của ông là hết sức cảm động, giọng nói hơi run run và đôi khi mắt hơi ướt. Bà Chevalier không nói bao giờ, bà chỉ chấp hai tay như đứng trước một hình ảnh thánh thiện và nhìn ông Karl với vẻ sùng bái, im lặng và hơi ngây ngô. Đôi khi cũng có những phút nghi ngờ, cũng như mọi người, tất cả những điều đó đối với ông Karl hình như quá đẹp ngoài sự thật. Đôi khi, ông ta có cảm tưởng mình là nạn nhân của một vở hài kịch ghê tởm, của “một sự đóng hộp” quá cẩn thận như cách nói của người Pháp. Nhưng ông tin vào sự cảnh giác tự nhiên của ông cũng như vào cân não của một người hơn mười năm làm nghề mật thám. Chỉ cần nghe giọng run cảm động của Chevalier khi ông ta nói đến “cặp Pháp-Đức”. Chỉ cần nhìn cái đầu của ông ta cũng đủ hoàn toàn yên tâm. Ông Chevalier có một ria nhỏ như bàn chải và để lòa xòa trước trán một túm tóc mọc ngược mà ông rất lấy làm hãnh diện. “Tôi không nhắc anh nhớ người

nào sao?”. Bộ mặt của ông ta hình như muốn nói như vậy với vẻ rụt rè ngọt ngào.

– Ông Karl, – ông Chevalier nói, – chúng tôi bao giờ cũng sung sướng được siết chặt tay ông...

Ông ta đứng lại. Grillet vừa bước đến hành lang, hai tay đang đưa, một mẫu thuốc lá còn dính vào môi dưới. Cặp mắt lơ đãng, anh ta đưa ra phía trước bộ mặt vô sĩ quyền Anh bị đâm tơi bời.

– Tôi đến lấy áo quần giặt! – Anh ta làu bàu.

– Áo quần? – Ông Chevalier nói. – Áo quần nào? À! mà... tất nhiên là áo quần bẩn... Ở trong phòng tắm đấy, anh bạn.

Ông nắm tay ông Karl và lắc mạnh, mặt đầm mồ hôi. “Áo quần” đó là số báo “Giải phóng” cuối cùng mà ông bà Chevalier in trên một máy in nhỏ đặt trong phòng tắm, mà Grillet và các bạn của anh ta sẽ phân phát ban đêm trong khu phố. Chỉ cần bà de Melville giữ chân được bọn cảnh sát thêm vài phút nữa... Miễn là Grillet đi qua được. Căn nhà của bà de Melville ở tầng dưới. Lúc này, hai người trai trẻ sắp lên đây và lúc đó... thì máy in đã được cất giấu, nhưng không cất giấu được cái giỏ to tướng. Chỉ cần chúng nâng tấm chắn lên thế là tờ “Giải phóng”, không còn ở trên đời này nữa... cũng như ông bà Chevalier.

– Xin cảm ơn ông! – Ông Karl trịnh trọng nói.

Bà Chevalier, đầu hơi nghiêng, miệng hé mở, hai tay chắp lại, nhìn ông Karl với vẻ thích thú... Grillet từ trong nhà bước ra. Anh ta mang cái giỏ có dây tám chân bẩn. Mẫu thuốc dán chặt ở môi, vẻ mặt ngơ ngác, anh ta chậm chạp bước xuống cầu thang... Ông Chevalier tiếp tục lắc tay ông Karl, như một cái máy tự động. “Một lần... hai lần... thế là anh ta đi lọt”.

– Xin cảm ơn ông, – ông Karl nói, – và xin phép ông tha lỗi cho. Tôi còn bản báo cáo phải viết...

Ông Chevalier đặt ngón tay lên môi.

– Đừng nói gì cả! – Ông ta nói nhỏ. – Chúng ta đã hiểu! – Ông ta lắc túm tóc trước trán và lặp lại “Im, đừng nói gì cả!” và bước đi trên đầu ngón chân, bà vợ đi theo. Ông ta đóng cửa vừa đúng lúc để đón vào tay mình bà vợ đang lẳng lặng ngất đi... Trên hành lang, ông Karl nhẩn nhục chờ đợi, mắt nhắm. Ông Brugnon đi nhanh về phía ông, vẻ mặt rạng rỡ. “Có lẽ hôm nay lão ta sẽ thay đổi cách xử sự chăng?”, ông Karl nghĩ bụng, mặt căng ra như thể bị đau răng. Nhưng ông ta đã nghe tiếng cười ngu ngốc của ông Honoré “Chỉ cần lão ta không vỗ vào bụng mình...”. Nhưng ông ta đã nhận được cú đầu.

– Stalingrad, Stalingrad... cánh đồng quanh hiu! – Ông Brugnon hét lên. – Ha! ha! ha!

Ông Karl giận dữ xoay chiếc chìa khóa trong ổ khóa và vào phòng mình. Về thích thú đã biến mất, bây giờ ông ta cảm thấy căng thẳng và khó ở. “Nào, nào... phải biết cách xử thế! Phải xoa dịu!”. Ông nghe tiếng nước chảy, “À!..., người thợ hàn!” Ông đi qua phòng tắm. Một người trẻ tuổi mặc áo quần xanh đang cúi xuống trong bồn tắm, dụng cụ để rải rác trên nền nhà.

– Chưa có lâu không?

– Thưa ngài, độ nửa tiếng.

Có tiếng chuông. “Lần này thế là hết!”, người trẻ tuổi nghĩ bụng. Anh ta không sợ. Nhưng những tin tức quan trọng không thể đến Luân Đôn được và kháng chiến sẽ mất một người liên lạc quý giá nữa... Ông Karl ra mở cửa và đối mặt với bà Laitue và hai người làm lì. Bà Laitue có vẻ nhợt nhạt và thất bại. Nhưng ông Karl có kể gì đến bà Laitue.

– Các ông còn muốn gì ở tôi? – Ông ta hét lên bằng tiếng Đức.

– Thật không thể tưởng được! Không thể tưởng được! Các anh tưởng tôi giấu một tên gián điệp Anh dưới giường của tôi sao?

Tiếng dập gót chân, Những lời xin lỗi.

– Tôi đã nói rõ đây là căn hộ của ông, – bà Laitue giải thích. – Nhưng có lẽ họ không hiểu tiếng Pháp.

Bà nhắm mắt. “Lạy Chúa người Pháp, hãy xui họ ra đi và đóng cửa lại.”

Bà nghe tiếng dập gót chân và bà mở mắt ra: cửa đã đóng.

Dobranski hớp một ngụm nước trà. Pech lợi dụng cơ hội này để mở cuộc tấn công.

– Ông bạn viết như vậy chẳng ích lợi gì, hay là nghề mãi dâm này sẽ đem lại cho ông bạn một cái gì?

– Không cái gì cả! Dobranski buồn bã thú nhận.

Anh ta lại cầm lấy cuối vở.

– Đêm đến. Mọi vật đều yên lặng trong ngôi nhà này. Người trẻ tuổi mặc áo xanh đã đi rồi, đồ nghề cặp dưới nách. Hai người trai trẻ làm lì cũng đã đi rồi, theo một hướng khác. Trên gác nhỏ, Grillet nghĩ đến ngày mai. Ngày mai phải thay đổi chỗ để dài thu thanh bí mật... Ngày mai, phải kiếm cho được giấy tờ cho người phi công Anh đang trốn ở Issy. Những mạo hiểm mới, những cố gắng mới. Anh đánh một que diêm và mỉm cười. Bây giờ thì Spinoza và

Bergson, những bài giảng triết học phải soạn và những bài phải chấm, xa lạ đối với anh biết bao nhiêu. Học trò của anh đều tan tác. Có người ở Anh... Có người đã chết hoặc bị bắt... Có người lẩn trốn như anh và hoạt động, như anh và cùng với anh. “Ngày mai phải chú ý chăm sóc gia đình của hai công nhân bị bắn ở Renault!”.

Trong căn phòng của mình, chân cho vào đôi giày ấm, ngồi đằng hoàng, ông Karl viết báo cáo hàng tuần cho cấp trên.

“Tôi có thể khẳng định mà không khoe khoang rằng trong khu vực tôi phụ trách có một sự yên tĩnh hoàn toàn. Những tên tư sản Paris đều là người dễ xỏ mũi dắt đi. Chỉ cần một chút lịch sự, biết cách xử thế, tế nhị... Phải điều khiển họ theo lối Pháp, đó là điều cần thiết. Phải trở thành bạn của họ, tranh thủ sự tín nhiệm, sự tin cậy của họ. Một lời nói vuốt ve, một việc nhỏ đỡ đầu... thiết lập một không khí hợp tác, chân thành. Paris là một thành phố không hề chống lại một ngón tay ve vãn...”.

Tự lấy làm bằng lòng với mình, hắn đưa cây bút máy lên trời và mơ mộng. Bản báo cáo chắc chắn sẽ được đánh giá cao và sẽ được chuyển lên trên... lên trên và lên trên... lên cấp trên cao hơn nữa. “Ngài Lokalgauleiter là một con người đáng giá”. Hắn bắt đầu thì thầm. Người ta sẽ giao cho hắn những chức vụ mới.. cao hơn, luôn luôn cao hơn nữa! Bút giờ lên trời, chân trong giày ấm, ông Karl mơ mộng... Còn trong phòng mình thì ông Chevalier viết bài cho tờ “Giải phóng” sắp tới. Trong phòng tắm, bà vợ ông ta đang cúi xuống bên cái máy in nhỏ. Ông Chevalier viết: “Hãy kiên nhẫn. Che giấu trò chơi của các anh. Chỉ nện về đêm và những cú chắc chắn. Đừng để lộ gia đình các anh, con cái các anh. Tiếp tục trò chơi. Đừng hoang mang. Đừng nắm tay lại. Cánh tay của các anh phải duỗi thẳng, bộ mặt bình tĩnh. Hãy cười lên. Không nghi ngờ gì cả. Và nên biết điều này: Họ sẽ đến cũng như ngày mai họ sẽ đến. Lúc bấy giờ các anh sẽ vứt bỏ mặt nạ và cầm lấy vũ khí. Các anh sẽ để cho cơn giận dữ của mình gầm lên.. Lúc đó ngày giải phóng sẽ đến!”

Một sự thử thách mới và bi thảm đã đến với bà Laitue khi đã hơi bình tĩnh, bà đi lên phòng ông Lévy để nói với ông lời vĩnh biệt một cách thích hợp. Bà gõ cửa. Ông Lévy không trả lời. “Có lẽ ông ta đã đi rồi”. Bà Laitue nghĩ thế. Bà dùng chìa khóa riêng và mở cửa. Bà bước vào. Đúng là ông Lévy đã đi rồi. Thân thể mảnh mai của ông treo đầu một sợi dây, ở giữa phòng khách. Ông ta đã đi. Không cần giấy phép, ông đã vượt qua biên giới. Ông đi sang vùng tự do: ông ta để giấy căn cước lên bàn, rõ ràng để xác nhận ông là ai và vì sao ông lại ra đi. Có lẽ ông ta cũng ngáp ngừng đôi chút trước khi ra đi. Có lẽ ông sợ sẽ trông thấy trên cửa Thiên Đàng có treo lăm biển: “người Do Thái cấm vào”.

Chân không giày, nụ cười thỏa mãn trên môi, ông Karl tiếp tục bản báo cáo quan trọng của mình, “Làm cho mọi người yêu mình, đó là bí mật của

thành công khiêm tốn của tôi và đó cũng phải là phương châm của chúng ta ở xứ này... Chơi với bọn trẻ con. Nhường bước cho phụ nữ trong xe điện ngầm... Những sự quan tâm nho nhỏ sẽ đem lại những người bạn lớn... Phải có sự tế nhị, sự quan tâm... Những người tư sản Paris không có thói quen hoạt động bí mật. Họ chưa yêu chúng ta nhưng họ đã khâm phục chúng ta. Trong năm mươi năm nữa, những đứa con sẽ quên cha chúng nói tiếng Pháp”.

Dobranski xếp vở và giấu nó vào trong áo.

– Rồi sao nữa?

Pech giữ thái độ lãnh đạm hoàn toàn. Anh ta rót hươc sôi vào một cái xô và bây giờ nhúng chân vào nước nóng một cách khoan khoái. Anh ta hơi nhắm mắt, đầu ngoẹo sang một bên... Anh ta đang hưởng cái thú ngâm chân.

– Tôi có vài chỗ nghi ngờ, – Czerw bắt ngờ nói. – Tôi tưởng... Anh ta ngáp ngừng và đỏ mặt lên.

– Cứ thành thật nói đi, Czerw.

– Tôi cho rằng anh đã lầm. Tôi không hề có chút tin cậy nào vào bọn tư sản... dù cho chúng ở Paris hoặc ở đâu. Có thể đánh cuộc chắc chắn là ông Honoré sẽ trở lại làm việc ở Vichy, nhưng tôi sợ rằng cái ông Brugnon của anh không phải chỉ có yên lặng bán phô mát cho học Đức với giá rẻ. Còn về ông Lévy thì...

– Thì sao?

– Đó là một con lừa. Khi người ta là Do Thái thì người ta không tự tử vào lúc này. Người ta giết hoặc bị người khác giết. Nếu người ta không phải là một tên từ sản Do Thái.

Có tiếng đồng tình. Đó là Pech. Anh ta chùi chân và với điệu bộ của linh mục trong kinh thánh, anh ta giơ chân cho mọi người xem bằng cách chìa ngón chân cái to tướng về phía Dobranski.

– Đấy thấy chưa... bởi vì tôi hoàn toàn không chịu trách nhiệm về cái chết của con người đức hạnh đó!

Đã khuya, khi Janek quay trở về chỗ ẩn núp của mình thì Zosia, đã ngủ. Cô ta không nghe tiếng cậu tụt xuống hầm. Trong bóng tối, cậu lắng nghe tiếng cô thở đều đặn và bình thản. Cậu cởi áo, trườn lại phía cô, đặt đầu lên ngực cô. Cô vẫn không thức giấc. Cậu nghe tiếng tim cô đập bình yên... Cậu cũng thiếp đi trong tiếng thì thầm yên tĩnh của tim cô. Đến khi thức dậy, cậu nói với cô:

– Em biết không, Dobranski đang viết một cuốn sách.

– Anh ta có cho anh xem à?

– Có.

– Anh ta nói gì trong cuốn sách đó.

Janek ngáp ngừng. Rồi cậu ôm chặt cô và buồn bã nói:

– Anh ta nói rằng chúng ta không cô độc.

XVI

Hôm nay Dobranski đến tìm Janek và nói chuyện với cậu ta khá lâu.

– Nhất là tớ muốn ông ấy đến đây để ông ấy thấy anh ta và nói chuyện với anh ta.

– Điều ấy không được việc gì cả.

– Có lẽ. Nhưng chúng ta phải thử đủ mọi cách.

– Được. Tớ sẽ đi ngay.

Đến trưa thì Janek đến Wilejka. Khách sạn riêng của nhà Chmura nằm gần Nhà hát lớn. Các cột nhà hát đều dán đầy quảng cáo tiếng Đức: ở đây người ta sẽ diễn Lohengrin cho bọn quân chiếm đóng. Janek đi qua vườn cây tùng, chùi chân và bấm chuông. Một người đầy tớ già ra mở cửa. Ông ta nhìn người khách ăn mặc rách rưới với vẻ nghiêm khắc.

– Đi chỗ khác. Chúng tao không bao giờ cho bọn ăn xin.

– Tôi đến gặp ngài Chmura theo yêu cầu người con trai ông ta.

Bộ mặt của ông già sáng lên.

– Vậy thì vào đây cháu, vào đây.

Ông già đóng cửa, khóa xích, và chậm rãi bước về phía Janek.

- Cậu Tudodo thế nào?
- Anh ấy ốm nặng lắm.
- Lạy chúa tôi, Jesus, Maria, Jesus, Mana. Ông lau nước mắt. Cái đầu của ông, tóc dài bạc trắng, bắt đầu run rẩy.
- Già đã thấy cậu ấy ra đời, già đã thấy cậu ấy lớn lên... Già đã nuôi cả hai, cha và con... Jesus.
- Ông già ưỡn lên một chút cái lưng còng của mình.
- Già có thể đến thăm cậu ấy được không?
- Để xem xem.
- Cháu thử hỏi cậu ấy xem, già đây, ông già Valenti, muốn đến thăm cậu ấy...
- Cháu sẽ nói.
- Cảm ơn, cảm ơn cháu nhiều. Cháu là một chú bé ngoan. Ông thấy điều đó ngay. Ngay khi ông mở cửa, ông đã tự bảo: đây là một thiên thần nhỏ với tấm lòng vàng... Đúng, đúng thế. Cháu có muốn vào bếp ăn qua cái gì không?
- Không. Cháu muốn nói chuyện với ngài Chmura.
- Được, được, như cháu muốn... cháu đừng giận, ông sẽ đi làm ngay, đi ngay...

Ông bước đi, kéo lê cái chân, lưng còng. Janek nhìn chung quanh. Đây là một nhà giàu có. Đồ gỗ đều chạm trổ và mạ vàng, cũng như các khung cảnh và các quả đấm của lớn, cửa sổ, một chùm đèn đẹp để treo trên trần nhà. Các tấm thảm lót nhà dày và mịn, với tranh vẽ đẹp mắt. Janek nghĩ đến cái hầm trú ẩn trong đất lạnh lẽo, đến anh sinh viên đang rét run bên đồng lửa... Cửa lớn mở ra ồn ào và ngài Chmura bước vào phòng đợi. Đó là một người phì nộn, với bộ mặt đỏ rần và nóng nẩy.

– Có phải con trai tao sai mày đến đây không? Điều đó là thật... Nói đi!.

– Ông không cần la lên làm gì, – Janek nói. – Tôi không cần đến ông, tôi...

– Thế thì tao cần đến mày, phải không? Nói đi! Mày cần tiền chứ gì? Cái băng của mày lại đòi tiền chuộc chứ gì?

– Ông chủ, – ông già Valenti van lớn. – Ông chủ, xin ông có ý tứ một chút.

Ngài Chmura cắn môi.

– Thế thì nó thế nào rồi? – Ông ta nói giọng ồ ồ. – Vẫn còn bướng bỉnh chứ?

– Bệnh ho lao là một bướng bỉnh. – Janek nói.

– “Vết thương của Đáng Cứu thế”, – ông già Valenti rên rỉ. – Có thể như thế chăng?

– Nó đã muốn như vậy, – Chmura nói. – Nó đã tìm đủ mọi cách để đi đến đây. Đáng lẽ nó được chăm sóc như một hoàng tử và lành bệnh. Nó đã không muốn thế. Và tại sao, vì nguyên nhân gì?

– Jesus, Maria! – Ông Valenti lắp bắp. – Chuyện gì sẽ xảy ra với chúng ta?

– Tao muốn đi thăm nó, – Chmura nói.

– Chính tôi đến để đưa ông đi.

Chmura quay về phía Valenti:

– Đi lấy cái áo lông cho tôi.

– Lấy cái áo lông, – ông già cắn nhần. – Nhưng cậu Tadodo có lẽ cũng rét chứ? Có lẽ cũng đói nữa?

– Thôi, đủ rồi, – Chmura nói. – Chính nó muốn như vậy. Chúng ta không thể làm gì được, cả ông, cả tôi.

– Cái đó còn tùy, cái đó còn tùy! – Ông già nhăm nhẩn. – Không phải cụ thân sinh ra ông đã bắt tay bọn Phổ - cầu Chúa rước linh hồn của cụ vào Thiên đàng!

– Thôi, ông đi lấy áo lông đi.

Ông già vừa đi vừa căn nhần. Khi ông trở lại áo lông trên tay, ông cũng mặc ấm để lên đường.

– Tôi đi với ông chủ, – ông nói. – Tôi biết tính khí của hai cha con. Các ngài sẽ cần đến tôi.

Họ đến rừng thì trời đã tối. Janek dẫn họ đến tận hồ cạnh Cối Xay Gió già nua.

– Các ông đợi ở đây.

Janek từ giã họ. Trong hầm trú ẩn của sinh viên, Janek trông thấy Tadek và Dobranski đang cúi xuống trên bàn cờ vua. Lửa sắp tắt, Pech đang ngáy đầu đó, không trông thấy, chui khuất dưới đồng lá bắn thủ.

– Ông già của ông bạn đã đến đây. – Janek nói. – Ông ấy muốn gặp ông bạn. Tôi để ông ta đợi ở bên hồ.

– Thì đẩy ông ta xuống hồ luôn, – Tadek nói. – Nếu tớ chiếu tướng thì tớ sẽ mất con ngựa. Nhưng nếu tớ không chiếu... À, mà tất nhiên là tớ sẽ chiếu.

– Con ngựa của cậu thì nước non gì. Hơn nữa, tớ cũng không cần đến con ngựa. Đây là cờ vua và hoàng hậu kia mà.

– Pianoga! – Tadek buồn bã chửi thề. – Tớ không may mắn trong khi chơi.

Anh ta quay lại phía Janek với cặp mắt đang cơn sốt.

– Ông bạn đã không cẩn thận. Lần sau ông sẽ dẫn bọn Đức theo... Này, Adam, có lẽ ta phải thay đổi chỗ ở sang khu rừng khác.

– Cứ đi gặp ông đi đã, – Dobranski vừa nói vừa thu xếp quân cờ. – Dù sao thì đó cũng là chồng của mẹ cậu.

– Pech! Pech!

– Cái gì? Quỷ tha ma bắt các anh đi.

– Chúng tớ đi đây. Hãy chú ý giữ lửa đừng để tắt.

Trăng đã lên. Đêm xanh và trong sạch. Từ xa, họ đã thấy hai bóng đen cạnh hồ. Chmura đến sát con trai và quan sát. Ông cởi áo lông với một cử chỉ đột ngột.

– Mặc đi.

– Ông giữ lấy. Tôi không cần gì ở ông cả. Ông, với đôi bàn tay bẩn thỉu...

– Cậu Tedoku, – ông Valenti xen vào, – sao lại như thế được...

– Con, nghe Ba, – Chmura cắt ngang, – không phải Ba đến đây để tự bào chữa. Nhưng Ba cũng phải nói với con điều này: đất nước Ba Lan ở về phía Ba chứ không về phía con. Con đã làm gì cho đất nước? Không làm gì cả. Những hoạt động của con đã làm cho đất nước đó bị bắn giết, mùa màng bị tịch thu, làng xóm bị san bằng. Đất nước đó còn giữ lại được ít thóc lúa và khoai củ, thì đó không phải là nhờ con mà nhờ Ba. Bởi vì Ba không làm nổ tung cầu cống, Ba chỉ làm sao cho người nông dân không chết đói. Ba đứng giữa họ và Đức, Ba tránh cho họ khỏi chết đói hoặc bị dồn sang phía Tây như một đàn súc vật đưa vào lò mổ. Hiện nay không có Nhà nước Ba Lan, còn sau này? Như vậy là còn hơn có một Nhà nước Ba Lan chất đầy xác chết mà trong đó mỗi công dân chỉ là một cái xác không hồn. Cuộc chiến đấu không hy

vọng, đẹp lắm, nhưng số phận của một nòi giống là phải sống chứ không phải chết đẹp...

Ông dậm chân.

– Nếu người ta đem đến cho Ba mươi đứa trẻ con Ba Lan và để cứu sinh mạng của chúng thì dù có phải liếm giày của mười tên Đức, Ba cũng sẵn sàng làm.

– Cũng gần giống như tôi muốn làm bạn với bệnh ho lao, – Tadek nói. – Cũng giống như ông nói lại với tôi: đừng chiến đấu chống lại bệnh ho lao, Tadek! Hãy láu cá hơn! Hãy chung sống với bệnh ho lao! Cố tranh thủ cho được tình bạn của nó! Có phải bạn muốn hai lá phổi của tôi phải không? Thì bạn cứ lấy đi, hai lá phổi đó thuộc về bạn, bạn thân mến ạ! Mời bạn vào đây, xin bạn yên vị, cứ coi như ở nhà bạn. Sau đấy, có lẽ, tôi có thể ngủ ngon lành; bệnh ho lao sẽ có nhã ý chữa tôi ra.

– Banyboskia! – Ông Valenti sợ hãi kêu lên, – Sao lại nói như vậy...

Chmura quay về phía Dobranski.

– Các anh đã tàn phá cuộc sống của con trai tôi. Các anh sống trong rừng, chờ cho nó qua đi: các anh không hề biết thế nào là một cái nhìn của người Đức. Các anh thì dễ dàng chơi trò những Robin Hood. Nhưng con trai tôi đang ho lao. Nó sẽ chết ở đây, hết sức đơn giản, hết sức ngu ngốc. Điều cần cho nó là núi cao và mặt trời. Các anh lên án người Đức đã bắt con tin, nhưng các anh nào có khác hơn khi bắt con trai tôi làm con tin? Anh không giúp đỡ người Đức nữa, chúng tôi sẽ trả lại con trai cho anh? Tôi muốn cứu con trai tôi, tôi muốn cứu nó. Nhưng có lẽ chậm quá rồi chẳng...

– Ông chủ! – Ông Valenti sợ hãi hét lên. – Nhưng như thế. . Phì! Phì! Phì! – Ông ta khạc nhổ. – Sức mạnh quỷ thần!

Chmura nhìn con trai một lúc.

– Con về chứ.

– Ông cung cấp lúa mì cho quân đội Đức thu lợi được bao nhiêu?

– Cậu Tadoku! – Ông Valenti rên rỉ.

– Nếu Ba không bán cho người Đức thì họ sẽ tịch thu và những người nông dân của Ba sẽ không được xu nào cả...

– Nhưng ông có thể đốt cháy lúa mì!

– Và rồi thì, – ông Chmura lạnh lùng đáp, – nông dân của Ba sẽ bị bắn chết và làng xóm bị đốt trụi... Lúa mì muôn năm đầy thừa ngài còn trai của tôi!

Ông hạ thấp giọng.

– Ba không muốn thấy trên đất đai của Ba, những làng mạc bị san bằng, những nỗi đau khổ không đếm xiết. Còn con, con củ làm như con muốn.

Ông ta nói một cách chua cay:

– Cha nào con ấy... Quả táo không bao giờ rời xa gốc cây táo. Nếu con có can đảm chết vì những tư tưởng của mình thì Ba cũng sẵn sàng chấp nhận mất con vì những tư tưởng của Ba.

– Ông chủ! – Valenti hét lên. – Thế trái tim, trái tim, nó không nói gì sao?

– Cứ làm như con muốn, Tadek. Nhưng con nên nhớ rằng trong mỗi nước châu Âu, giờ đây những người chín chắn đều suy nghĩ như Ba, còn con cái họ thì bị bắn chỉ vì muốn viết “Tự do muôn năm” lên tường các nhà xí. Trong mỗi một nước này, những người già bảo vệ nòi giống của họ. Họ biết hơn. Điều đáng kể là thịt và máu, mồ hôi và vú mẹ chứ không phải một

ngọn cờ, một biên giới, một chính phủ. Con hãy nhớ lấy: Cái xác chết không hát được bài quốc ca Ba Lan.

Ông xằng giọng:

– Bây giờ Ba đi đây. Con có đi theo ba không? Ngày mai Ba sẽ gửi con đi Thụy Sĩ.

– Janek, chỉ đường cho ông ta!

Chmura quay lưng, đi nhanh, không một lần ngoái lại. Ông già Valenti chạy theo bằng những bước ngắn và thường quay lại phía Tadek, ra hiệu với những cử chỉ thất vọng.

– Ông chủ, ông không thể để cậu ấy ở lại đây.. Jesus, cậu ấy đang bệnh! Cậu ấy chết mất!

Chmura dừng lại.

– Thôi đủ rồi! Không còn gì phải làm nữa. Ông nghĩ rằng tôi là một con chó nên không cảm thấy gì sao? Nhưng tôi nói với ông: không còn gì để làm nữa. Nó biết nó làm gì. Nó bướng bỉnh. Nó là thịt và máu của tôi. Nó sẽ đi đến cùng Và cuối cùng, tôi xin nói với ông, thà có một đứa con chết, nhưng mà là thịt và máu của mình, còn hơn có cả một ổ chó sống....

Sự kiên nhẫn của người đầy tớ già hình như bất ngờ đến chỗ tột cùng.

– Đồ giết người! – Ông ta la lên, giọng yếu ớt.

– Ông không xấu hổ sao? Nếu ông cụ thân sinh còn sống, ông cụ sẽ nhổ vào mặt ông. Bà mẹ ông chắc đã ngủ với một tên đánh xe ngựa nên mới đẻ ra ông.

– Ông có thể ở lại với nó. – Chmura rít lên giữa hai hàm răng.

– Máu dìm chết ông đi! Ông tưởng tôi sẽ không dám ở lại với cậu ấy ư? Nếu tôi bỏ đi được năm mươi năm. Đã từ lâu tôi nhổ

vào chân ông... Ông dám ăn nói với tôi như vậy sao? Đã lâu rồi tao không đánh mày, đồ bần thủ!

Họ còn nghe rất lâu tiếng ông già chửi rủa xa dần trong đêm tối.

XVI

Với những bông tuyết đầu mùa, những cơn rét dữ đã đến. Janek và Zosia hầu như không ra khỏi chỗ núp. Cuộc sống của họ từ nay chỉ rút gọn vào mấy việc: củi, lửa, nước nóng, mấy củ khoai và ngủ. Janek đã tuyên bố với Czerw.

– Zosia không đi Wilno nữa.

Czerw đang khâu lại một chiếc boots. Anh ta trả lời không ngần ngại đầu lên.

– Tôi biết.

– Cô ấy sẽ ở với tôi.

– Được.

Thế là hết. Czerw không ngạc nhiên mà cũng không phật ý. Dobranski đã cho Janek mượn mấy cuốn sách: Gogol, Selma Lagerlöf. Thường thường Janek đọc to cho Zosia nghe vài đoạn. Sau đó cậu ta hỏi:

– Em thích đoạn ấy như thế nào?

– Em thích giọng anh đọc.

Họ đi ngủ sớm. Thỉnh thoảng khi củi kiếm đủ cho nhiều ngày thì họ chỉ dậy để cho thêm củi và bếp. Ngày đối với họ cũng như đêm và thời gia không còn tồn tại nữa. Đôi khi thức giấc, thò đầu ra ngoài, họ mới biết là đang đêm tối.

- Bây giờ độ mấy giờ nhỉ?
- Anh không biết. Thôi vào ngủ đi.

Họ còn bốn bao to đầy khoai: có cái ăn để qua mùa đông. Điều lo lắng duy nhất của họ là lửa. Tay quần tã, họ đi nhặt củ khô, đem vào trong hầm và rồi đi lấy nữa. Trên thảm tuyết trắng tinh hai con kiến đen cứ đi đi lại lại, kéo theo những cọng cây trông đến ngộ nghĩnh.. Họ lại trở về hầm, nhóm lửa lên và sưởi. Họ ít nói. Ngồi sát vào nhau dưới đồng chăn, thân thể họ nói nhiều hơn những lời mà họ cần nói với nhau. Có khi Zosia hỏi:

– Anh có tin rằng những chuyện này một ngày kia sẽ chấm dứt không?

– Anh không biết. Ba anh nói điều đó còn tùy thuộc vào trận đánh.

– Trận đánh nào?

– Trận đánh ở Stalingrad.

– Mọi người đều nói đến trận đánh đó, ngay cả bọn Đức ở Wilno.

– Tất cả mọi người.

– Trận đánh ấy vẫn tiếp tục chứ?

– Ngày và đêm.

– Thế họ sẽ làm gì, những người bạn của chúng ta, khi họ đã thắng?

– Họ sẽ xây dựng một thế giới mới.

– Chúng ta không thể giúp họ được. Chúng ta nhỏ bé quá.

– Đáng tiếc.

– Không phải vóc người là cái đáng kể, mà chính sự can đảm.

– Thế giới mới ấy nó ra thế nào?

- Trong đó sẽ không có căm thù...
- Vậy sẽ phải giết nhiều người, thế thì... Phải giết rất nhiều người.
- Và căm thù sẽ vẫn còn đây... Có lẽ lại còn nhiều hơn trước...
- Thế thì người ta không giết họ nữa. Người ta sẽ chữa cho họ lành lặn, cho họ ăn uống, làm nhà cho họ ở, cho họ âm nhạc và sách vở. Người ta sẽ dạy cho họ biết thế nào là lòng tốt. Người ta đã dạy cho họ lòng từ thiện.
- Lòng căm thù không ai dạy cả. Nó cũng giống như tình yêu.
- Anh đã biết căm thù. Bọn Đức đã dạy anh. Anh đã học được căm thù khi mất cả cha mẹ, khi bị đói, rét và phải sống dưới đất; khi biết rằng nếu một tên Đức gặp anh trên đường, thì nó không cho anh ăn đâu, không cho anh sưởi đâu, mà tất cả cái gì nó dành cho anh, đó là một viên đạn vào đầu. Bởi vì bọn Đức chỉ có một viên đạn cho tất cả mọi việc. Một viên đạn cho cái ngực và một viên đạn cho hy vọng, một viên đạn cho cái đẹp và một viên đạn cho tình yêu... Anh căm thù chúng!
- Không nên thế. Khi chúng ta có con, chúng ta sẽ dạy cho nó biết yêu thương chứ không phải căm thù.
- Chúng ta sẽ dạy cho nó cũng biết căm thù. Chúng ta sẽ dạy cho nó căm thù cái xấu, tham vọng, bạo lực, và căm thù chủ nghĩa phát-xít.
- Chủ nghĩa phát-xít là cái gì?
- Anh cũng không biết thật chính xác. Có lẽ đó là một cách để căm thù.
- Con cái chúng ta sẽ không bao giờ chịu đói, sẽ không bao giờ chịu rét.
- Không đói không rét.

– Anh hứa với em đi.

– Anh hứa với em điều đó. Anh sẽ cố gắng hơn nữa.

Ban đêm, họ thường thức giấc vì những tiếng hú không dứt: những con sói đói, lang thang trong rừng và sáng ra, Janek thấy vết chân chúng quanh chỗ ẩn núp. Cánh rừng trở nên trần trụi, trần trụi và trắng toát. Những con quạ lang thang trên tuyết và kêu quạ quạ dai dẳng. Tuyết đã làm chủ cánh rừng và trên cái nền trắng của nó, những con người càng ngày càng giống những con kiến đen tha về tổ của chúng những cành cây ngoằn ngoèo, những con kiến bướng bỉnh và lão đảo bị cái rét làm cho nó đàn độn và cuộc sống của họ từ nay chỉ nhằm vào một mục đích duy nhất: duy trì cho được ngọn lửa. Trong thành phố, bọn chiếm đóng đợi mùa hè đến để tiến hành những cuộc hành quân mới, còn trong rừng, hy vọng của con người, yếu hơn mặt trời mùa đông, nhưng vẫn chống chọi lại cái chết. Những con người đó không còn quan tâm đến những lời đồn đại từ thành phố đến, họ không nói chuyện với nhau nữa và khuôn mặt của họ nhẵn lại dưới cái rét cắt ruột, nhẵn hơn cả lớp vỏ của những cây già cỗi. Thỉnh thoảng chỉ có anh em Zborowski xuống làng về, hơ lên lửa những ngón tay cứng như sỏi và nói gọn lỏn:

– Họ vẫn giữ vững.

XVII

Chính vào những giờ phút lạnh lẽo này, khi trái tim con người và loài vật lạnh giá dần dần và cuộc sống chỉ chờ một dấu hiệu bí mật để dừng lại thì Tadek chết. Anh ta chết về đêm, trong khi ngủ, nằm gần lửa, giữa Dobranski và Pech. Đầu hôm thì anh ta đã thấy khá hơn. Anh ta đã thôi ho và cơn sốt đã hạ xuống. Anh ta yêu cầu Dobranski đọc cho anh ta nghe một đoạn sách đang viết.

– Không đáng mất công để đọc nữa, – Dobranski nói. – Cậu cố ngủ đi một chút.

– Tôi cảm thấy chiều nay khá hơn. Ai biết, Adam, sắp tới tôi sẽ có thể tham gia chiến đấu được?

– Có lẽ thế.

– Mùa xuân, chúng ta sẽ đánh các đoàn xe của Đức chứ?

– Ừ. Đến mùa xuân đã.

– Cần phải giúp đỡ các bạn ở Stalingrad với tất cả sức lực của chúng ta.

– Bằng tất cả sức lực của chúng ta. Nằm im đừng cựa quậy nữa, Tadek.

– Tôi đã khỏe, Adam, đọc cho tôi nghe cái gì đi.

– Cậu muốn tôi đọc cái gì?

- Một câu chuyện.
- Được. Nhưng cậu đừng nói nhiều. Rồi lại ho đấy.
- Một câu chuyện mà trong đó tớ sẽ là một nhân vật. Một câu chuyện thần thoại trong đó cuối cùng tớ sẽ chết nhưng chết vì chiến đấu chứ không phải vì ho lao.
- Tớ cũng muốn như vậy. Nằm im. Gối đầu vào đây. Tớ sẽ kể cho cậu nghe một câu chuyện.
- Bắt đầu đi....
- Đây đây...

Anh phi công Ba Lan Tadek Chmura đang hấp hối. Anh nằm ngửa, trên cỏ, giữa lòng một cánh rừng nước Anh nhỏ và rậm rạp. Chiếc máy bay rơi cách anh vài bước, đôi cánh gãy, cái chong chóng giãn dãn cắm vào đất như một lưỡi kiếm. Xương sống gãy vụn không còn biết đau đớn gì nữa và thân xác đã trở nên xa lạ với anh, “Đây là một thể xác thiêng liêng!”, anh buồn bã suy nghĩ với tất cả tấm lòng thương yêu của chủ đối với con chó nòi của mình. Cái nhìn của anh ta đã bắt đầu lộn xộn...

- Đó chính là cái mà người ta gọi là phút xúc động. – Tadek thì thầm.
 - Nhưng bỗng nhiên anh nhìn thấy bụi cây lay động trước mặt anh và bộ mặt ngốc nghếch của Pech xuất hiện bên trên một cây dâu. Pech nhìn Tadek với vẻ ghê tởm, cất lên tiếng kêu quạ tai quái và từ trong bụi cây bước ra, tay cầm một chai whisky...
- Ước gì điều đó là sự thật! – Pech lầu bầu.
 - Im đi!

Còn cái gì lạ lùng trong sự xuất hiện này. Tadek cảm thấy điều đó rất rõ, nhưng trong tình trạng hiện tại anh ta không thể tập trung và xác minh được đó là cái gì. Dù sao thì sân bay cũng chỉ cách đây mấy dặm và chắc chắn họ phải trông thấy máy bay của anh ta rơi xuống rừng. Pech cúi xuống sát Tadek và đưa miệng chai vào môi anh ta. Tadek uống và thấy hiệu quả rõ rệt như trước. Anh ta trông thấy người bạn cùng phi đội với mình Adam Dobranski đang lơ lửng trên cái bụi cây. Dobranski xử sự một cách đặc biệt đáng ghét. Anh ta nhìn cái thân thể bị quăn quắn chặt trong đám dây dù với sự ghê tởm sâu sắc.

— Người ta sẽ nói đây là một khúc giò! – Anh ta nhận xét và ngồi xuống cỏ. – Đưa chai whisky cho tớ. Sao, chúng nó đã hạ cậu à?

Tadek vặc lại điều gì đó cũng rất khó nghe và đến lượt mình, cũng đòi chai rượu. Anh ta thấy rằng mình không chú ý đầy đủ đến anh ta. Anh đang hấp hối...

— Im đi! – Pech thốt lên. – Cậu ấy đang ngủ.

Tadek mở mắt.

– Tớ không ngủ đâu. Đọc tiếp đi.

Anh ta đang chết, cái xác còn nằm đấy, bỏ vạt vường và những người bạn tốt của anh đang nhìn nó với cái vẻ cho rằng tất cả mọi chuyện đó chỉ là một trò đùa dai. Anh ta không yêu cầu bạn bè phải rút tóc và khóc lóc thảm thiết, nhưng dù sao thì cũng không phải là một dịp để say sưa.

– Các cậu ít nhất cũng đừng nên lộ liễu quá, – anh ta gợi ý một cách cao thượng. – Pech, đừng bận tâm. Nếu cậu thấy đứng uống quá mệt thì cậu có thể ngồi lên xác mình, – anh ta nói tiếp, một cách bi thảm.

Anh ta rất ngạc nhiên khi thấy Pech lập tức ngồi lên bụng mình, tay cầm chai rượu. Nhưng Tadek không thấy nặng nề gì cả. Trái lại anh ta có cảm tưởng nhìn mọi chuyện đó từ bên ngoài hình như cái thân xác tội tã này không phải là của anh nữa.

– Ôi! Điều đó lại còn tệ hơn như mình nghĩ, – anh ta tự nhủ. “Các cậu đừng tìm cách lên dây cót cho tinh thần tớ. Tớ biết sức khỏe của tớ đã đến đâu!”.

– Ông bạn thân mến, – Pech nói, – nếu cậu tin rằng chúng tớ có một chút ảo tưởng nào. Anh đào đây.

Anh ta uống.

– Nếu cậu có thể phá hoại công trình của cuộc đời cậu... – Anh ta nói tiếp.

– Tớ ư? – Pech rên rĩ. – Kipling đấy chứ!

– Ừ thì cho như vậy. Nếu cậu có thể phá hoại công trình của cuộc đời cậu... Cái ông già Kipling ấy! Người ta sẽ dọa cho cậu nghe những bài thơ về Stalingrad... Nó sẽ tự thú đó là điều mà nó có thể làm hơn hết. Rực lửa làm sao! Hứng thú làm sao. Sâu sắc nữa, Gunga Din. Anh đào đây...

– Đúng anh đào, – Tadek nói. – Rượu whisky này thật ngon. Nó đem lại cho anh mùi vị của cuộc đời.

Lời tuyên bố đó có hiệu quả lập tức là làm cho các bạn chiến đấu của anh ta trở nên vui vẻ. Cái chai được chuyển nhanh vài vòng nữa.

– Jablonski thế nào? – Tadek hỏi.

– Cũng như chúng ta, – Pech nói. – Cậu ấy đã từ giả phi đội.

Và anh ta uống cạn chén.

– Bây giờ chúng ta đang đi thuyền buồm, – anh ta tuyên bố.

– Thế còn Czerw? Tớ thấy nó đuổi theo một tên lái Đức, phía trên Biển Bắc... Tớ bay theo sau cách hai trăm thước và thấy cả hai chiếc máy bay đâm nhau xuống biển.

– Đúng, – Pech xác nhận – và Czerw rơi vào nước đóng băng, nổi lên như một cái nút chai. “Hừ... Hừ...” cậu ta rét run, đúng giọng Ba Lan. “Hừ... Hừ...” chợt cậu ta cũng nghe tiếng đó phía sau một con sông. Czerw quay đầu lại và thấy tên Đức đang trôi dạt gần cậu ta, nhìn cậu ta với đôi mắt ngây dại. Họ bắt đầu trao đổi những lời chửi rửa để cho ấm lên: “M... ma... mày sẽ đi đời, C... CC... con ạ!”. Czerw kiêu hãnh thốt ra bằng tiếng Đức. “C... cá... cái nịt cấp cứu sẽ không giữ mày được lâu đâu. M... ma... mày sẽ đi đư...đứt”. Hừ... Hừ... tên Đức buồn bã đáp lại. Rằng ma... mày đánh cảm cập hử? Czerw cố hỏi.

“T...tô...tôi ư? Tên Đức hỏi lại. “T... ta..tao thích thế. Thế là tốt! R... r... rất tốt”. Czerw thừa nhận. Không gì tr... tr... trên đời này có thể đổi được. Tao kh... khô... không muốn ở vào chỗ nào khác.

Hừ... Hừ... Cả hai cùng run rẩy, kẻ này quan sát người kia bằng đôi mắt. – T... ta... tao đã ném bom V.... Var... Warsaw h... ha... hai mươi lần! Tên Đức sung sướng nói — Co... c... co..., Czerw đáp lại bình tĩnh — S...sa...sao? Tên Đức hoài nghi hỏi - Co... Cologne, Czerw kết thúc. Ha! Ha! Ha! ... Hừ... Hừ - Tên Đức lại run. Độ một giờ, nó bắt đầu chìm. “R... rồi... chìm nghiêm đi! Thế là hết...”.

– A... a... tao sẽ chìm sâu. À mày. Czerw nói.

— “Kh...khô.. không thành vấn đề” tên Đức cãi lại và bắt đầu uống nước. Lập tức Czerw ghi được một bàn. “M... ma... mày uống nước! Còn tao, x... xe... xem đây này. Tao nháy xuống đây v... vì thích thế. Nó chìm xuống sau một lúc, lại trôi lên trên mặt nước. Này! Nó nói dở sống dở chết. M.. ma... mày nói cái gì?. Tên Đức nhìn Czerw với vẻ thất vọng, cắn răng và chìm nghiêm... Nó thật sự có cái đầu con heo, sau này Czerw nói lại với tớ, vẻ khâm phục. Tớ chỉ đếm đến mười và tuyên bố với nó là chịu thua. Sau đó, tớ ngất đi...”. Sau đó chúng tớ vớt nó lên, nó đã ngấm nước phồng lên như bọt bể. Đưa chai đây cho tớ.

Tadek thở ra khoan khoái. Anh ta sung sướng. Anh ta đã uống nhiều quá và hơi quay đầu lại, anh ta nhìn thấy các bạn chiến đấu và cũng như xưa kia, họ sẽ cùng đi chiến đấu với nhau.

– Chúng ta sẽ thắng chúng nó! – Anh ta tuyên bố. Bỗng nhiên anh ta hát to lên:

Jak to na wojence ladnie

*Kiedy pilot z nieba spadnie**

Bài hát rong của Ba Lan

– Hãy trông tên say rượu này! – Pech cần nhằn vẻ ghê tởm. –
Hãy đưa nó lên trên kia.

Mỗi người một bên xóc nách, họ nâng anh ta dậy.

Koledzy go nie zaluja

*Jesgoz buten potraktuja**

Bài hát rong của Ba Lan

Nó vấp phải một vật chướng ngại... Nó cúi xuống... Thân thể
bất động của một phi công nằm dài trên cỏ, rách rưới trên đầu
còn mũ. Bên cạnh là những mảnh vụn của chiếc máy bay.

– Cái gì thế này? – Tadek lấy làm ngạc nhiên.

– Không có gì hết, – Pech nói, – đừng để ý. Chỉ cần nhảy
ngang qua là được.

Và họ kéo anh ta đi.

Dobranski không đọc nữa. Tadek nằm im, mắt nhắm, thở
khó. Pech cúi xuống, vứt một cành củi vào lửa. Dobranski nhìn
người ốm. Cậu ấy ngủ chẳng? Bất ngờ đôi môi của anh ta động
đậy

– Tớ không tin, – Tadek thì thầm, – tớ không tin điều đó...

Anh ta khóc. Dobranski nằm xuống cạnh anh, cầm lấy cánh
tay anh và siết chặt. Anh cảm thấy bàn tay lạnh giá của bạn
trong tay mình, nhìn thấy ánh lửa đỏ rọi lên đôi má đầm mồ hôi.
Hôm sau, vừa tảng sáng, anh cảm thấy ai đó đang lay mình dậy
dữ dội. Chính là Pech.

– Nhìn kia.

Họ chôn anh trong rừng, dưới tuyết. Họ không đánh dấu.
Tadek đã nhiều lần nói với họ.

– Các cậu nhớ đây, không được để lại một dấu vết nào.

– Vì sao vậy?

– Vì ông già tớ.

Họ nhìn anh lặng lẽ.

– Tớ không muốn ông tìm thấy tớ.

XIX

Thỉnh thoảng, Czerw phái Janek đến Wilno, gặp một người thợ già đóng giày làm việc trong một căn hầm ở Zawalna. Đó là một con người to lớn và lầm lì, với bộ râu mép dài quặp lại của bọn quý tộc thời xưa.

– Cậu nói với ông rằng tớ vẫn mạnh khỏe, Czerw dặn. Mỗi lần Janek bước vào căn hầm ông thợ đóng giày liếc nhanh nhìn Janek và lại tiếp tục làm việc. Lúc đầu, Janek thấy khó chịu trước cảnh đón tiếp ấy, nhưng rồi dần dần cũng quen đi. Cậu ta bước vào hang, cất mũ và nói:

– Anh ấy bình yên.

Người thợ đóng giày không trả lời và Janek đi. Mãi rồi cậu ta cũng phải hỏi Czerw:

– Ai đấy?

– Bố mình.

Sau một chuyến đi trên đường trở về, Janek ghé qua Pohulanka đi ngang qua nhà xưa kia của tiểu thư Jadwiga, cậu đứng lại. Cậu nhìn cái cổng một lát rồi, không suy nghĩ cậu bước vào, đi qua sân, bước lên gác một... Cậu hơi sợ. Tim đập mạnh. Cậu muốn chạy trốn. Đằng sau cánh cửa, có tiếng đàn dương cầm. Janek nhận ra bản nhạc. Đó là của Chopin, cũng chính bản

mà tiểu thư Jadwiga thường đánh cho cậu nghe... Cậu tự trấn an và lắng nghe khá lâu, núp trong bóng tối, nhưng khi tiếng đàn chấm dứt, cậu lại sợ và chạy trốn. Trong rừng, cậu không nói với ai, nhưng lo lắng, bứt rứt.

– Anh sao thế? – Zosia hỏi.

– Không sao cả.

Hôm sau, cũng trở lại Wilno. cũng vào giờ ấy. Cậu lắng nghe... không phải nhạc Chopin mà lần này là một giai điệu hay, rất hay. Cậu không sợ nữa. Từ đây cứ mỗi lần đi thăm người thợ đóng giày, cậu có thói quen đi qua Pohulanka khi trở về và núp trong bậc thang tối cậu lắng nghe tiếng đàn của người nhạc sĩ không trông thấy.

– Anh ta chơi hay, – cậu nói với Zosia, giọng thở dài. – Anh yêu nhạc vô cùng...

– Hơn cả yêu em?

Cậu hôn cô.

– Không.

Sáng hôm sau, Zosia đi vắng và chiều mới trở về, vẻ mặt rạng rỡ.

– Em có một món quà đẹp cho anh.

– Cái gì thế?

– Anh sẽ bằng lòng.

Cô cười.

– Anh nhắm mắt lại đi.

Cậu vâng lời. Lúc đầu cậu nghe tiếng cọt két, tiếng loảng xoảng; sau đó là một giọng the thé hét lên:

Phu nhân Marta xinh đẹp.

Rất xứng đáng với tội lỗi...

Tiếng loảng xoảng, tiếng cọt két, và tiếng la hét cứ nối tiếp không dứt.

– Đó là âm nhạc! – Zosia tự hào nói. – Cho anh đây!

Cậu mở mắt. Cô cười, sung sướng vì đã làm cho cậu vui lòng.

Janek muốn leo đến cái máy hát, đập vỡ đĩa hát. Nhưng cậu kiềm lại được. Cậu không muốn làm cho Zosia buồn. Cậu lặng lẽ chịu đựng.

– Hay phải không anh?

Cô lại lên dây máy hát.

Phu nhân Marta..

Nhẹ nhàng cậu dừng máy hát lại. Sau đó cậu cầm khẩu súng lục, cho vào áo va-roi. Cậu nói:

– Đi với anh.

Cô đứng dậy. Cô không hỏi gì. Cô đi theo cậu... Họ ra khỏi hầm ẩn núp. Hoàng hôn đã trùm xuống cánh rừng, không khí im lặng và lạnh giá, tuyết kêu răng rắc dưới chân họ. Họ không nói chuyện với nhau. Chỉ có một lần cô hỏi:

– Chúng ta đi Wilno à?

– Ừ.

Đêm thì họ đến. Đường sá vắng tanh. Janek đi qua sân, lên thang gác... Zosia đi theo. Cậu cầm tay cô siết chặt.

– Em lắng nghe.

Bên trong có tiếng đàn dương cầm. Janek rút súng lục cầm tay, Zosia chỉ nói:

– Mạo hiểm quá.

Janek gõ cửa. Tiếng đàn im bật. Có tiếng bước chân, tiếng chìa khóa quay trong ổ khóa và cửa mở. Một người cầm đèn có cái chụp màu vàng. Janek liếc nhìn ruộng đồng, chùa chiền, những con chim đen vẽ trên chụp đèn... Sau đó cặp mắt cầm thú của cậu nhìn vào bộ mặt của người cầm đèn. Đó là một người đứng tuổi, tóc muối tiêu. Cái mũi dài và đỏ. Đôi gọng kính bằng kền trĩ xuống trên mũi sắp rơi. Ông ta nhìn Janek qua phía trên đôi kính, đầu hơi ngoẹo về một bên. Ông mặc một cái áo ngủ dài màu xanh đã phai và quần quanh cổ một cái khăn quàng to tướng. Ông ta có vẻ bị cảm. Ông nói giọng Ba Lan nặng nề:

– Các người...

Ông nhìn khẩu súng lục. Ông đưa tay lên sửa lại kính trên mũi. Ông không sợ hãi, cũng không ngạc nhiên. Ông mở rộng cửa và nói:

– Xin mời vào.

Zosia đóng cửa. Ông già hắt hơi, lau mũi ồn ào. Ông thở dài và nói:

– Các cháu bé đáng thương!

Janek nắm chặt khẩu súng lục. Cậu không sợ. Cậu cũng không hề thương hại gì ông già. Cậu chỉ nhớ đến tiểu thư Jadwiga... Cậu không hề thương xót.

– Tiền trong túi. Cậu đến đúng lúc. Lão vừa nhận tiền lương đại úy. – Ông cười.

– Cô ấy của cậu à?

Janek nhìn chùa chiền, ruộng đồng và chim chóc trên cái chụp đèn vàng... tìm cậu ta thất lại

– Lão không nói gì với ai đâu, – ông già nói giọng thân thiện. – Lão không muốn người ta bắt cháu. Họ đã bắt nhiều người như

vậy rồi.

Ông lấy cái ví từ trong túi áo ra và đưa cho cậu. Janek không cầm. Ông già có vẻ ngạc nhiên.

– Có lẽ cậu đói. Trong bếp còn...

– Tôi không đói.

Bộ mặt của ông già rõ ràng tái đi. Ông nói với giọng ồ ồ:

– Lão hiểu. Trước kia cậu ở đây à? Lão hiểu. Nhưng lão không dính dáng gì vào việc này. Người ta giao cho lão căn nhà này. Lão không yêu cầu. Tất nhiên lão bằng lòng vì có cây đàn dương cầm. Nhưng lão không đuổi cha mẹ cậu ra khỏi nhà này, cậu bé ạ!

Cây đèn run run trong tay ông. Chua chích, chim chóc, ruộng vườn nhảy múa trên tường, bóng in lên tường to tướng.

– Có thể họ đã giết ông chủ. Lão không biết. Nếu biết lão đã không nhận cái nhà này...

– Đánh đàn đi! – Janek ra lệnh.

Ông già không hiểu gì cả.

– Đi đến bên đàn và chơi đi!

Ông già để cây đèn lên đàn, ngồi xuống. Đôi tay ông run rẩy.

– Cậu bảo tôi chơi bản gì? Ở đây tôi có Schubert.

– Đánh đi.

Ông già bắt đầu chơi. Nhưng hai tay lại càng run hơn.

– Chơi khá hơn thế kia! – Janek kêu lên.

– Cậu bỏ súng xuống. Cứ cảm thấy nó chĩa vào sau lưng mình cũng không thích thú gì!

Ông lại chơi. Lần này ông chơi hay hơn. Janek suy nghĩ buồn bã, ông ấy cũng biết chơi đàn. Cậu cầm tay Zosia:

– Em nghe. Thế mới gọi là âm nhạc.

Zosia dựa sát vào anh.

– Bây giờ ông đàn bản của Chopin đi! – Janek nói.

... Khi cậu hết ngây ngất, ông già đã đứng lên trước đàn và nói với cậu:

– Lão có thể tước vũ khí của cậu. Cậu quên hết mọi chuyện.

Janek cau mày..

– Em về trước đi, Zosia.

– Còn anh?

– Anh ở lại đây để cho ông ta không đi gọi lính...

– Lão không gọi ai cả.

– Em đi đi. Đừng sợ. Anh sẽ tìm em ở trong rừng.

Zosia nghe theo.

– Cậu có muốn tôi đánh đàn nữa không?

Ông già hỏi.

– Có.

Ông già chơi Mozart. Ông đánh gần một giờ, theo trí nhớ. Khi đánh xong, ông hỏi:

– Cậu thích âm nhạc lắm phải không?

– Vâng.

– Cậu có thể trở lại đây thường xuyên. Cậu không cần phải sợ. Lão sẽ sung sướng được đánh đàn cho cậu nghe. Cậu có muốn ăn gì với lão không?

– Không.

– Tùy cậu. Lão tên Schröder, Augustus Schröder. Lão cũng rất thích trẻ con. Lão không thích chiến tranh. Nhưng thằng

con trai của lão, cũng trạc tuổi cậu, thì lại rất thích chiến tranh...

Ông già nhún vai.

– Vì vậy hoặc là lão phải đi lính hoặc là mất con. Nhưng lão chỉ phục vụ về hậu cần và lão không có súng. Chúng ta có thể là bạn của nhau, được không, cậu bé?

– Không, – Janek đáp.

Và cậu ngập ngừng.

– Nhưng tôi sẽ trở lại.

– Lão luôn luôn vui lòng đánh đàn cho cậu nghe.

Janek ra về. Zosia chờ cậu trong hầm ẩn núp.

– Em lo cho anh quá!

– Thế nào? – Janek hỏi. – Ông già chơi hay quá, phải không?

Zosia cúi đầu vẻ biết lỗi. Bất thần có cất tiếng khóc.

– Zosia!

Cô nấc lên nghẹn ngào, giống như một đứa trẻ bị đánh.

– Zosia. – Cậu van lơn. – Zosienka ... Sao thế.

– Em không thấy hay! – Cô nức nở. – Không hay, không hay chút nào cả!

– Zosia.

Cậu vòng tay ôm cô và siết chặt cô vào ngực mình.

– Bây giờ anh đã nói ra, anh sẽ không yêu em nữa!

– Ô! Không, anh yêu em, ô... Zosienka đừng khóc nữa!

– Anh yêu âm nhạc hơn yêu em... Lạy Chúa! Sao tôi khổ thế này!

Cậu không biết trả lời thế nào. Cậu ôm chặt cô, vuốt tóc cô.
Cậu lặp đi lặp lại:

– Zosia! Zosienka!

XX

Nhiều lần, Janek trở lại thăm Augustus Schröder. Cậu phải làm vụng trộm và cậu thấy xấu hổ. Cậu sợ ông già phản bội. Lúc đầu, cậu hết sức cảnh giác. Nắm chặt khẩu súng lục ở trong túi, theo dõi những cử chỉ của người Đức này với vẻ nghi ngờ. Nhưng Augustus đã biết gây tin nhiệm với cậu: ông đưa cho cậu xem tấm ảnh của con trai ông - một người trai trẻ với bộ mặt râu rầu, mặc đồng phục quốc xã.

– Nó cũng bằng tuổi cậu, – ông già nói buồn bã. – Nhưng nó không thích âm nhạc. Nó cũng không thích những đồ chơi của lão làm ra.

Ông già cho cậu xem đồ chơi: đây là con rối, những tên tư sản Đức thời xưa, đeo gọt với một nghệ thuật tinh tế.

– Lão đã làm hầu hết các nhân vật trong chuyện của Hoffmann và của Grimm, – ông già giải thích với vẻ tự hào trẻ con. Lão yêu quá khứ... Lão yêu nước Đức của những người thối sáo và thối kèn, lão yêu những chiếc mũ nhọn và những người hít thuốc lá qua lỗ mũi, những chiếc áo đuôi tôm dài và những bộ tóc giả trắng...

Ông cười.

— Thời bấy giờ, những ông ba bị chỉ có trong chuyện thần thoại mà lại hiền từ, không ăn thịt người, chúng thích nhất là

giày vải, cái ống điều bên cạnh bếp lửa, một vại bia và một ván cờ hay...

Mỗi một đồ chơi có bộ máy riêng: chỉ cần bấm một cái nút và con rối sẽ cử động, cúi chào hoặc khiêu vũ theo một điệu nhạc du dương.

— Lão không bao giờ làm những người lính chì, dù là cho đứa con lão! – Augustus Schröder nói.

Ông già ngồi vào đàn và chơi. Ông thích nhất những bản “tình ca” và chơi rất hay. Janek có cảm giác rằng những điệu này phù hợp hơn cả với tâm hồn của ông lão, với những ước mơ, với những mối tình xưa đã qua... Janek lắng nghe thích thú những điệu nhạc êm dịu và buồn buồn này. Một lần Janek hỏi:

– Ông có thật là người Đức không?

– Đúng. Và còn hơn thế nữa...

Ông chỉ tay ra phía cửa sổ: ngoài đường xe tăng chạy âm âm.

– Lão là người Đức cuối cùng!

Ông đã sống lâu ở Cracovie và biết rất rõ Ba Lan. Ông không bao giờ dám hỏi Janek về bố mẹ cậu ta. Một hôm, ông dè dặt hỏi:

– Cháu sống ở đâu?

– Trong rừng.

– Cháu có muốn đến đây ở với lão không?

– Không.

Augustus còng lưng thêm một chút và không hỏi thêm nữa. Ông tặng Janek một đồ chơi. Đó là một tư sản người xứ Bavaria đội mũ chóp nhọn, nó cười, hút thuốc, gật đầu có vẻ thỏa mãn, theo tiếng hát: “A! người yêu của em Augustin” Janek luôn luôn giữ con rối này bên mình, Cậu cho Zosia xem, thường thường

trong hầm, cả hai cười như nắc nẻ khi thấy con rôi hút thuốc lá và hắt hơi...

“Ai người yêu của em Augustin, Augustin, Augustin”... tiếng hát phát ra từ trong bụng, con rôi hát đều một cách hết sức thỏa mãn.

XXI

Chiều thứ sáu, Yankel Cukier lau đôi bốt, rửa râu, quấn cái khăn lụa quanh cuốn kinh và ra đi. Anh em du kích nhìn theo anh ta đi xa, và thông cảm. Chỉ một mình chị Machorka cần nhằn:

– Người Do Thái không muốn cầu nguyện một mình. Nó sợ ở lại một mình với thánh Ala.

Yankel đi nhanh: anh ta đã đến muộn. Cứ chiều thứ sáu, anh ta đi lang thang cho đến ngoại ô Wilno, Antokol, chui vào trong đồng đồ rác chỗ kho thuốc súng cũ... Kho thuốc súng này dùng làm giáo đường chứa tài sản và chỗ hội họp của những người Do Thái ẩn núp trong rừng. Quân đội Nga khi rút lui đã làm nổ tung kho thuốc súng này vào năm một ngàn chín trăm bốn mươi một nhưng những căn hầm dưới đất thì hầu như còn nguyên vẹn. Đi vào đây rất khó khăn và cũng không ai đến đó cả, chỉ trừ những tín đồ Do Thái mà cuộc tàn sát còn bỏ sót. Họ không còn nhiều và khẩu hiệu của họ là thận trọng, Trước hết, Cymès, một người rất tinh ranh, lợi giữa đám đồ nát quan sát các nơi – thường thì chỉ có những con dơi và những con chuột thiếu ăn – và huýt lên một tiếng chói tai; những tín đồ chui vào trong kho, từng người một, im lặng và sợ hãi... Yankel đến chậm một tí. Ở dưới hầm, Cymès đã đề một cây đàn bầu, ăn cắp hôm qua ở nhà ga chính

của Wilno. Đã có gần một tá người, gầy yếu và lo lắng với cử chỉ giật giật, những bàn tay dài ngoẵng. Sioma Kapelusznik, người bán mũ cát-két ở đường Niemiecka, đảm nhiệm việc hát bài thánh ca. Mũ chụp đến mắt, ông ta đấm ngực, lúc lắc, đôi môi động đậy, thỉnh thoảng giọng ông ta lên cao thành một lời than vãn, rồi lại hạ xuống, chỉ có đôi môi tiếp tục động đậy, lặng lẽ... Mắt ông không bao giờ nhìn vào sách kinh đặt trước mặt ông, đôi mắt nhìn trộm khắp nơi, đầy sợ hãi: nhìn vào mặt tín đồ, vào các góc tối, vào những bức tường đá. Một tiếng động khẽ, ông giật mình rồi lại đứng yên và lắng nghe: chỉ có đôi môi trở nên nhợt nhạt, tiếp tục thì thầm, và nắm tay, đưa lên trời một lát, rồi lại đấm vào bộ ngực lép kẹp với một cử chỉ tự động. Những người Do Thái cầu nguyện: những lời rì rầm kéo dài, đều đều và rồi, bỗng nhiên một tiếng nấc dài cất lên, một lời than vãn kéo dài, nửa như muốn ca, nửa như muốn hỏi một loạt câu hỏi thất vọng, vĩnh viễn không có câu trả lời. Những tín đồ khác lên cao giọng, làm nghe rõ những câu hỏi bi thảm này, tiếng nấc kéo dài này nói giọng hạ thấp xuống và trở thành tiếng rì rầm:

Lohou nraouno landonairio itsour echenou t Sioma nức nở.
China izroel adonat. Ai, ai ở bên ngoài để gác?

– Cymès, – một tín đồ nhanh nhẹn đáp, mặt nhìn vào sách kinh, hai tay đấm ngực. – Cymès ở ngoài... *Chma izroel adonar elobeinou adona echot!* ...

– Boruch, chein. Kweit, malchuze, locilem, boet... – giọng Cymès cầu nguyện một cách thành kính. – Tôi vẫn ở đây. Tôi muốn cầu nguyện như mọi người!

– *Arboïm chono okout bdoir vooimar!* – Người thầy hát vừa cầu nguyện vừa lắc lư. – Thế thì ai ở bên ngoài để gác?

– *Arboïm chono okout bdoir vocintar!* Cymès cũng than vãn nhưng không đả động đến chuyện canh gác.

– *Adondi echot!* Người thầy hát hét lên, cầm đuôi lá cờ phướn và áp dũ dội vào ngực. Không ai ở ngoài để gác cả sao? *Arboïm chono oicout...* Tôi nói rằng như thế là không tốt, phải có người nào ra ngoài gác đi. *Arboïm Chozo Okout...*

– Nhưng ông đã hát ba lần rồi! Anh chàng Cymès trẻ tuổi trả lời thơ lố.

– *Bdoir vooimar!* Sioma kết thúc. Tôi không còn ai nói với tôi điều gì tôi cần phải làm!

– Chúng ta đến đây để cầu nguyện hay đi cãi nhau? Một người Do Thái nhỏ con, tóc hung, can thiệp có vẻ giận dữ.

– Tôi không cần ai nhắc tôi tại sao chúng ta đến đây! Người thầy hát đáp giọng the thé. *Chyoun ledondichir chadoch!*

– *Chirou ladondi.*

– *Oie, chirou ludona!* Hát đi, hát đi bài thánh ca mới trước Ala! Kaminski, ra ngoài kia gác đi.

– *Oic, chirou ladonai!* Kaminski lặp lại một cách thành kính, đôi mắt lim dim như đang nhập thiền.

Đó là một người Do Thái, to lớn, râu ria, người đánh xe ngựa cho thuê ở Wilno.

— *Ladonai chir chodoch!* Thầy hát cầu nguyện. Kaminski, tôi nói gì? Ra ngoài kia gác đi!

— *La... a... adonar chir chodoch!*

— Kaminski không nghe tôi nói sao?

— Đừng quấy rầy tôi! Con người khổng lồ bất thần găm lên, đôi mắt đỏ ngầu. Tôi sẽ bắt bình khi có người quấy mình! Và khi tôi đã bắt bình thì... *Chirou ladonai chir chodoch!*

— *Boruch chein kweit malchuse loeilem boët!* Người thầy hát cầu nguyện nhanh hơn. Khi tất cả chúng ta sẽ bị bọn tuần tiểu tàn sát hết, tôi sẽ cười!

— *Adonai echot!*

— Tôi sẽ cười, khi tất cả chúng ta bị hện tuần tiểu tàn sát, ôi! Tôi sẽ cười! *Chua profi adonai...*

— Tôi sẽ cười, sẽ cười! Khi chúng ta. Hà Kaminski nhỏ, vẻ giận dữ. Anh chỉ làm lộn xộn, *Kapelusznik!* Anh không thể cầu nguyện một cách yên tĩnh sao?

— Làm sao anh muốn tôi bình tĩnh cầu nguyện được khi bọn sai nhân đang rình mò quanh đây, sẵn sàng cắt cổ chúng ta, còn chúng ta thì chẳng có ai gác bên ngoài cả? *Lefnei adonaiki vomich, poul goozetz!* Làm sao anh muốn tôi yên tâm được...

— *Vonichpoït gooretz!* Ở đâu cũng thấy bọn sát nhân cả!

— *Kivo, kivo, adonaikivo...* Hãy đứng thẳng lên trước đức thánh Ala.

— *Adona kivo, chma izroël adora...* Tôi nghe có tiếng gì?

— Không có tiếng gì cả đâu!

— Có. Tôi có nghe tiếng gì. *Chmaïzoël adonai elobeinox...*

— *Adonai echot...* Ôi!... Cái gì thế? Đừng làm cho tôi sợ lấy... Vợ tôi đang mang thai tháng thứ sáu, nếu sợ thì không tốt cho cái thai. *Molchem booïem booït!* Điều đó có thể khiến đẻ non.

— Điều đó có thể khiến... Kaminski nói. Tôi đến điên lên mất! *Molchem booïem booït.*

Sau buổi cầu nguyện, những người Do Thái lẫn vào trong đêm và tản mát ra trong rừng. Yankel đến tìm Kaminski ở cửa ra.

— Thế nào?

– Hàng ngày chiếc xe vẫn chạy trên đường dọc Wilejka. Nó tiếp tế cho các bột đóng lể. Tôi đã trông thấy quân trang và vũ khí... .

– Có hộ tống không?

— Thường chỉ có ba người, thêm một lái. Một ngồi trước và hai ngồi giữa... Chúng nó không nghi ngờ gì cả.

– Vào giờ nào?

– Vào lúc bốn giờ, chiếc xe đi qua khúc quanh lớn ở Wilejka: con đường ở đó có cái dốc độ năm trăm thước. Đó là chỗ tốt nhất.

Họ chia tay nhau. Yankel lao vào trong đêm tối.

XXII

Czerw quan sát nhóm nhỏ của mình với cặp mắt soi mói.

– Lên đường.

Họ chuyển động. Họ đi theo hàng dọc, Czerw đi đầu. Anh ta có cách mang súng ngọ nghĩnh: dây súng quàng qua cổ, khẩu súng ngang trước ngực, hai tay để lên súng. Nhìn đằng sau lưng, với cái khăn san quấn trên đầu, anh ta giống một người đàn bà bế đứa trẻ trước bụng. Krylenko đi khó khăn, lê bước chân. Vẻ mặt nhăn nhó vì đau...

– Tại cái bệnh thấp khớp! – Ông giải thích với Janek giọng buồn bã.

Machorka vắng mặt: một phụ nữ để ở Piaski và từ hai ngày nay, chị ta đi quanh trại, cầu nguyện. Yankel thì có một thắt lưng đầy lựu đạn quanh người. Stanczyk chỉ có một con dao to bản trong tay: đó là vũ khí duy nhất của anh ta... Ba anh em Zborowski được trang bị đầy đủ hơn cả: mỗi người có một súng trường Đức, một lưỡi lê, một súng lục Mauser và những băng đạn đầy ắp. Ngài Mạnh Thường Quân, người đỡ dằn của nhóm, không mang vũ khí, đi trước Janek. Ông ta có vẻ vô ích và ngây ngô trong cái áo lông giống như một con chó bị ướt. Thỉnh thoảng ông ta dừng lại và chạy vào bụi: ông ta bị đau đường ruột. Sau đấy ông đuổi theo họ, mệt lử và lắp bắp xin lỗi. Cuối

cùng đi được nửa đường, ông rút lại sau, kiệt sức và rên rỉ trong một bụi cây nào đó. Janek đi đoạn hậu. Họ đến chỗ queo trên con đường Wilejka trước giờ và bố trí hai bên đường. Hai người anh Zborowski nằm trên đỉnh dốc đúng vào chỗ mà người lái xe phải giảm tốc độ để cho xe xuống dốc. Mặt trời đã lặn về phía bên kia Wilejka, băng cứng và trơn, tan ra thành một mảng đông đặc. Họ nằm chờ gần nửa giờ. Krylenko, mệt lử vì tuyết làm lạnh bụng, đứng dậy và chửi rửa.

– Nằm xuống! – Czerw ra lệnh.

Krylenko chống lại.

– Cậu muốn ruột gan tớ đông lại à?

Czerw nháy mắt.

– Cậu chửi tớ đấy à? – Ông già nổi giận.

– Tôi làm đúng, – Czerw nói. – Ông im đi.

Họ nghe tiếng xe. Họ biết lái xe đang đổi tốc độ, chiếc xe hiện ra ở khúc queo và bắt đầu lên dốc. Nó có vẻ mệt nhọc. Chắc là phải chở nặng lắm. Janek nhìn bộ mặt tên lái xe, nhợt nhạt, ngờ ngác: có lẽ nó mệt vì lạnh và tiếng ồn. Một tên lính Đức khác đang ngủ mơ màng bên cạnh tên lái. Đây là một chiếc xe tải ba tấn, phủ bạt. Bên trong có tiếng hát:

Ich halt einen Kameraden...

Và một giọng đồng ca bắt theo:

Ich hatt einen Kameraden...

Einen besseren findest du nicht...

Czerw nằm trên tuyết, lưng hơi cong lên. Krylenko thì thào:

– Nếu anh em Zborowski tấn công thì chúng ta sẽ không có việc làm. Chiếc xe tải đã lên đến đỉnh dốc: có hai hàng lính Đức ngồi quay mặt vào nhau, súng để trên đùi.

Ich halt...

Chiếc xe rít lên, cố gắng sức và mất hút về phía bên kia. Hai anh em Zborowski vượt qua đường và đến nhập bọn.

– Các anh làm đúng, – Czerw nói. – Ngày mai chúng ta sẽ làm lại.

Ngày hôm sau khi họ đã vào vị trí phục kích, Czerw kéo riêng Janek ra và đặt cậu ta gác dưới chân dốc.

– Cậu biết huyết sáo không?

– Biết.

– Chiếc xe bắt đầu quay từ đây. Khi xe chạy qua, cậu nhìn vào trong xe. Nếu có dưới sáu tên lính thì cậu huyết sáo. Hiểu không?

– Rõ.

– Nhắc lại xem.

Janek nhắc lại, Czerw bỏ đi và Janek núp vào bụi rậm. Mặt trời bắt đầu lặn. Janek nghe tiếng xe, cũng tên lái xe đó ngồi ở tay lái và cũng tên lính đó đang ngủ bên cạnh. Chiếc xe vòng và bắt đầu lên dốc. Janek vạch lá và nhìn. Bên trong xe chỉ có một người ngồi trên một cái hòm. Người này có vẻ ngái ngủ. Janek nhìn chăm chú chiếc xe lần nữa. Chính là Augustus Sorode. Chiếc xe lên dốc nặng nhọc. “Bên trong chỉ có một người”. Janek suy nghĩ. Cần phải huyết sáo. Cậu cho hai ngón tay vào mồm. Trong xe, cái thân thể to lớn nhưng gầy gò của người lính Đức lắc qua lắc lại trên cái hòm, cầm chạm vào ngực. Anh ta khoanh tay. Chỉ có một người. Tiếng huyết sáo vang lên lạnh lạnh và ngắn gọn. Chiếc xe vừa lên đến dốc, Janek thấy hai bóng

đen từ hai bên đường nhảy ra, in bóng lên nền trời đỏ. Cậu nghe hai tiếng súng nổ, và chiếc xe dừng ngay lại. Cậu thấy Augustus nhảy từ trên xe xuống và chạy chệnh choạng, hoa hai tay giống như cánh cối xay gió. Janek từ trong bụi nhảy ra, chạy theo ông già và la lớn:

– Đừng bắn!

Cậu nghe một tiếng súng thứ ba. Khi cậu chạy đến bên chiếc xe thì thấy Augustus đã ngồi xuống đất, dựa vào một bánh xe và hai tay ôm bụng. Không ai chú ý đến ông ta. Du kích đang quan tâm đến các hòm đựng vũ khí, quân trang, thuốc nổ... Ông già có vẻ sưng sồ, trên khuôn mặt xương xương, vẻ ngạc nhiên ngây ngô. Ông không có vẻ đau đớn mà có vẻ ngạc nhiên hơn. Khi Janek cúi xuống bên ông, cậu nghe ông hỏi bằng tiếng Đức:

– Cái gì vậy? Cái gì vậy?

Chợt ông nhận ra Janek và ông mỉm cười với cậu. Ông nói bằng tiếng Ba Lan với một giọng chưa lộ vẻ đau đớn:

– Lão bị thương rồi. Có phải cậu bắn không?

– Không.

Augustus nói một cách trịnh trọng, hình như là một việc trọng đại:

– Lão tin cậu.

Ông nói tiếp, hình như để trấn an Janek.

– Lão không đau.

Krylenko thò đầu ra khỏi xe.

– Điều đó sẽ đến, ông già ạ! – Anh ta nói với vẻ thật thà. – Ông yên tâm. Những vết thương ở bụng không bao giờ đau ngay đâu. Nhưng cũng không nên để lâu.

Anh ta nhăn mặt vui vẻ.

– Rồi ông sẽ thấy!

— Cháu đã bảo họ đừng bắn, – Janek thì thầm.

– Lão tin cậu.

Bộ mặt xương xương trở nên hết sức nhợt nhạt. Trời tối sầm. Những con quạ không kêu nữa. Czerw nhảy từ trên xe xuống, súng cácbin trước ngực, và nói, không nhìn vào người bị thương.

— Lên xe. Chúng ta sẽ đưa xe vào rừng.

– Tôi còn ở đây một lát nữa, – Janek nói.

— Để làm gì?

— Đó là... đó là...

Cậu muốn nói: đó là bạn tôi. Nhưng cậu lại nói:

– Tôi biết ông ta.

Bộ mặt của ông già trắng bệch hơn nữa và đôi môi bắt đầu động đậy.

– Tùy cậu, Czerw nói.

Anh ta ngồi lên chỗ lái xe và nổ máy.

– Không nên ở lại quá lâu.

– Tôi không ở lâu đâu.

Chiếc xe để lại đằng sau nó một mùi xăng.

– Chiếc ảnh, – Augustus nói. – Trong áo va-rơ...

Janek mở nút áo của ông già và tìm trong túi. Cậu ta thấy ngay chiếc ảnh. Người trai trẻ mặc đồng phục Hitle nhìn cậu với vẻ nghiêm khắc

– Đưa cho lão.

Janek đặt bức ảnh vào bàn tay của người bị thương. Augustus nhìn bức ảnh với nụ cười mỉa mai.

– Nó sẽ tự hào về lão. Hoặc là nó sẽ nhún vai và nói: ông già chỉ làm nhiệm vụ của ông. Không gì khác hơn nữa. Sicgheil!

Chiếc ảnh rơi trên tuyết.

– Đừng để lão trên đường... Nếu một người nông dân nào trông thấy lão... họ sẽ nện cho lão đến chết.

Janek kéo người bị thương vào một bụi rậm, để ông ngồi dựa vào gốc cây.

– Lão chỉ còn thiếu đồ chơi.

Janek lục tìm trong túi của mình... Bộ mặt của người bị thương sáng lên. Hình như ông bớt đau. Janek lên dây cót và thả xuống đất. Con rồi hoạt động, mỉm cười...

*Ach mein lieber Augustin, alles ist weg, weg...**

A! người yêu của em, Augustin, tất cả đều mất hết rồi.

Ông già lấy thuốc lá hít.

Ach mein lieber Augustin, alles ist weg. Ông già hắt hơi và gật đầu có vẻ thỏa mãn.

– Cảm ơn cháu.

Janek đặt đồ chơi vào tay ông già. Nhiều giờ trôi qua. Đêm yên tĩnh, gió không gây nên tiếng rì rào nào trong rừng cây không lá. Chỉ có ông già rên rỉ yếu ớt trong tuyết... Khi ông ngừng rên, Janek đặt xác ông già vào chỗ dễ trông thấy nhất ở trên đường và trở về rừng.

XXIII

Ba ngày sau khi du kích tấn công chiếc xe tải, Czerw tiếp Jozef Konieczny. Ông chủ quán đi trên một chiếc xe trượt tuyết, có bốn nông dân đi theo. Mặc dầu quần áo chủ nhật đẹp đẽ và tóc tai chải láng bóng, những người nông dân trông có vẻ thiếu não.

– Điên! – Jozef vừa hát vừa nhảy ra khỏi xe. – Các anh mất trí cả rồi hay sao?

Anh em du kích chờ đợi một cách thích thú. Ở trong rừng ít có những trò giải trí.

– Chúng bắt làng Piaski phải đền trăm nghìn zloty. Năm làng khác phải nộp một nửa triệu: Piaski, Wieliczki, Podwodzie, Kliny, Lubawki! Này, nhìn chúng tôi đây.

Ông chỉ tay vào ngực mình.

– Thử hỏi chúng tôi lấy đâu ra trăm nghìn zloty để vứt vào lửa? Các anh phải có lý trí chứ. Các anh không mất gì hết: làm một cú, chiếc xe về các anh và các anh núp vào rừng. Nhưng chúng tôi, chúng tôi vẫn còn đây.

Làng chúng tôi luôn luôn sẵn sàng hứng đòn! Các anh hãy thương lấy vợ con chúng tôi, thương lấy những đứa con mồ côi của chúng tôi!

Có tiếng xì xào trong nhóm du kích. Krylenko bắt đầu mất bình tĩnh.

– Mỗi người đều có quyền hy sinh mạng sống của mình: chúng tôi sẵn sàng hy sinh mạng sống của chúng tôi vì lý tưởng tự do. Và như vậy là không phải người cơ đốc giáo. Không, không cơ đốc giáo chút nào. Và các anh có biết bọn Đức tuyên bố thế nào ở các làng không?

– Tôi đoán... – Czerw nói. – Nếu lần sau còn có xe bị cướp trên đường thì chúng sẽ treo cổ năm người. Treo cổ - treo thật cao! – Czerw nheo mắt. – Nếu chịu khó cất công tìm kiếm trong vùng thì cũng có thể tìm ra năm người đáng treo cổ.

– Hừ! – Jozef cắn nhần. – Đây không phải là lúc để đùa đâu, Czerw ạ! Tôi kêu gọi những người cơ đốc giáo mà các bà mẹ đã để các anh ra. Hãy để cho bọn Đức yên. Thời cơ đánh chúng chưa đến. Khi thời cơ đến, thì tôi sẽ là người đầu tiên đánh chúng nó.

– Điều đó thì không còn nghi ngờ gì nữa! – Czerw nói một cách tin tưởng.

– Nhưng bây giờ thì các anh hãy nằm im đi! Giấu kín mình đi! Chui vào lòng đất. Im lặng không một cử động, không một lời thở than. Đừng động dậy gì cả. Hãy chờ đợi! Tôi là một người về bản chất của bọn xâm lược, tôi đã có kinh nghiệm không thể so sánh được. Các anh tin tôi: trọng số tổ tiên của tôi có rất nhiều bà cô bị hiếp dâm hơn bây giờ! Tôi nói với các anh: không một cử động, không một lời than thở! Ta giả chết, không động dậy! Hãy để cho chúng cứu con cái chúng tôi, duy trì nhà cửa, làng mạc chúng tôi... Cuối cùng sẽ có nhiều người chiến đấu chống bọn Đức: đến ngày đó chúng sẽ biết tôi dám làm đến thế nào!

Ông kết luận đột ngột.

– Tôi mang thực phẩm đến... đó là do tấm lòng, do tấm lòng.

Ông lên xe. Con ngựa bước đi khó khăn trong tuyết. Những người nông dân đều im lặng. Đến trước Sở chỉ huy của Đức, Jozef nhảy xuống đất, sửa lại mũ, nhỏ nước bọt vào tay và xoắn lại bộ ria mép, rồi bước vào. Romuald tiếp ông ta. Romuald có vẻ bí mật và phần khởi.

– Sao? – Jozef hỏi.

– Suyt! – Romuald đặt một ngón tay lên miệng. – Tôi rất có hy vọng cho chiều nay, ngài Jozef ạ!

– Thật không? Thật vậy không?

– Không nghi ngờ gì hết. Ngọn gió tốt lành. Những hộp trứng mà ngài gửi đến tuần trước đã có kết quả tốt đẹp!

– Anh có chắc không?

– Ngài có thể tin ở tôi, ngài Jozef ạ! Tôi có con mắt, tôi có tài đánh hơi... Không còn nghi ngờ gì nữa... Các ông ấy có thiện cảm với ngài!

– Ôi! ông bạn thân mến, ông bạn rất thân mến! – Jozef nói. Hai người bắt tay nhau thật chặt và lâu, nhìn vào mắt nhau.

– Tôi không bao giờ quên nói tốt về ngài! – Romuald bảo đảm.
– Nhưng thỉnh thoảng thôi và phải đúng lúc, cũng không nên làm phiền họ!

– Tôi sẽ gửi thêm pho mát cho ngài! – Jozef nói với vẻ giọng cảm động. – Hay là ngài thích mỡ hơn?

– Mỡ! mỡ! vâng, – Romuald nói. – Nhưng pho mát vẫn cần.

– Tôi sẽ gửi cho ngài cả hai thứ, – Jozef quyết định.

Jozef được đưa vào phòng giấy. Tên cảnh sát Đức đang giũa móng tay và huýt sáo bài *Klei ne, enlzuckende Frau*.

– Ông ấy đang trong tâm trạng phấn khởi.

Romuald thì thầm. Tên Đức ngẩng đầu lên:

– A! chào ông bạn của tôi, Ngài Jozef! – Tên Đức nói giọng vui vẻ. – Romuald đã chuyển lời ngài tới tôi. Rất đáng quý. Rất đáng quý. Ngài Jozef ạ! Đó là tình thân thiện, lo lắng cải thiện quan hệ giữa nhà cầm quyền và nhân dân! Ha! ha ha! Tôi cũng sẽ cố gắng hết sức mình... Chiều nay tôi sẽ đến dự bữa cơm với ngài.

Khi ông Jozef ra về, tên cảnh sát nheo mắt và chắc lưỡi, và ngài Romuald cười the thé và lặp lại giọng cười đó nhiều lần trong ngày: nó nhắm mắt, nhe răng và lắc đầu quảy quảy rồi lại bật cười... Chiều hôm đó, ngài Jozef phải đón khách đến thăm đúng luật lệ tốt đẹp của lòng mến khách của nông dân. Tên cảnh sát ăn thịt thỏ mà bà Frania đã nấu nướng với đôi bàn tay đẹp của mình, với thịt giảm bông, gà vịt, pho mát; nó uống rất nhiều rượu vodka. Sau đó uống nước trà với bánh gato. Trong phòng ăn chỉ có hai cây đèn cầy đặt trên bàn, chiếu sáng yếu ớt: trong làng không có điện và mặc dù dưới hầm kho còn có khá nhiều dầu hỏa nhưng ngài Jozef lại quá lo xa không muốn thắp đèn dầu. Ngồi đầu mép bàn, Romuald ăn ngấu nghiến và làm phiên dịch, miệng vẫn ngồm ngoàm.

– Thế bà Frania đâu? – Tên cảnh sát hỏi.

Ông chủ quán có vẻ lúng túng.

– Nhà tôi bị sưng phổi. Tôi phải dùng ống giác cho là nhà tôi.

Tên cảnh sát uống từng ngụm nhỏ nước trà.

– Ông được mấy cháu? – Tên Đức hỏi.

– Chưa. Tôi chưa có cháu nào. – Ông Jozef đáp, bối rối.

– À ra thế! – Tên cảnh sát nói.

Nó chằm một điều xì gà to tướng và nhìn chủ nhà với vẻ nhân hậu, hơi nheo mắt.

– Tôi sẽ nghĩ xem tôi có thể giúp gì được ngài, – hắn nói và phì khói thuốc.

Ngài Jozef thì nghĩ rằng có lẽ đây là vấn đề vận chuyển lúa mì mà lão đã khéo đưa ra trong bữa ăn - một cú áp phe khá đây và lão cảm ơn.

– Tôi sẽ vui lòng giúp ông, – tên cảnh sát nói nghiêm trang.

Ngài Romuald giấu nụ cười sau chiếc khăn ăn. Tên cảnh sát còn uống thêm một cốc vodka nữa.

– Tôi không còn trẻ nữa, – hắn giải thích, – không có cái gì làm sục sôi huyết quản bằng thế.

Hắn cười. Romuald cũng suýt sặc, còn Jozef thì không nghi ngờ gì cả, cũng cười theo một vài lần theo phép lịch sự. Tên cảnh sát nốc cạn chén rượu, cắn điều xì-gà và nặng nề đứng dậy.

– Tôi muốn đến chào bà Frania! – Hắn tuyên bố.

Ông chủ quán trở nên nhột nhạt. Ông mở miệng nhưng không nói được câu nào và cứ đứng sững như vậy, miệng há hốc.

– Đi chứ! – Tên cảnh sát nói.

Nó cầm lấy cây đèn cầy trên bàn.

– Chỉ đường đi.

Ngài Jozef đứng dậy. Miệng vẫn há hốc như con cá ra khỏi nước. Đến chân cầu thang, ông mới nói lí nhí được mấy tiếng.

– Nhà... nhà tôi đang ở trong phòng! – Ông nói lắp bắp.

Tên cảnh sát đẩy ông đi trước.

– Đi!

Đến trước phòng ngủ, ông chủ quán dừng lại. Đầu gối ông run lên. Ông liếc tên cảnh sát với cái nhìn của con chó bị đánh.

– Mở cửa ra!

Ông Jozef phải vâng lời. Trong bóng tối, có tiếng kêu... Tên cảnh sát bước vào, giơ cao cây đèn. Bà Frania giật mình vùng dậy, nhìn họ, với đôi mắt xanh đầy sợ hãi. Mớ tóc nâu chảy dài xuống ngực... Bà kéo chăn lên tận cằm. Tên cảnh nhìn ông Jozef khinh bỉ.

– Không con cái! – Hấn rít lên. – Lạy Chúa tôi! Một người đàn bà như thế mà không con cái!

Nó phun điếu thuốc và lấy bột dấm lên. Rồi quay lại phía ông Jozef và đưa tay...

– Này cầm lấy đèn: Hấn ra lệnh.

Sáng hôm sau, người đánh xe ngựa của ông Jozef nhượng bộ trước lời thỉnh cầu của bà Frania, đã đưa bà đến chỗ những người du kích. Vẻ mặt nhợt nhạt, thân thể thỉnh thoảng co giật, và đã kể hết câu chuyện cho Czerw nghe.

– Các anh cho tôi ở lại đây.

Czerw nhìn bà ta, nheo mắt và nổi giận, vì anh ta hết sức xúc động.

– Bà có thể ở lại đây với chúng tôi vài ngày... Ông bà già giờ ở đâu?

– Ở Murawy.

– Sẽ có người đưa bà đến chỗ ông bà già khi nào công việc thư thả một chút.

Đến chiều thì ông Jozef đến gặp những người du kích một cách thảm hại. Bộ ria mép quặp xuống. Bộ mặt nhăn nhó và khó coi như người đau răng: người ta muốn đặt một miếng gạc bông

lên má và băng lại cho ông. Ông nhìn nghiêng và nói giọng yếu ớt.

– Tôi muốn nói chuyện với nhà tôi.

– Cút đi! – Czerw đáp lại gọn lỏn.

Ông Jozef cất tiếng khóc một cách bất ngờ. Ông bỏ đi nhưng hôm sau nữa lại trở lại, bà Frania không còn ở đây nữa. Czerw đã cho người đưa bà đến nhà bố mẹ bà ở Murawy. Trong vòng mười lăm ngày, ông Jozef ngày nào cũng trở lại. Cứ mỗi lần như vậy, ông lại xin gặp bà vợ, nghe anh em du kích xỉ vả và bỏ đi, không dám nhìn thẳng vào mắt ai. Và rồi, một ngày đẹp trời, một lời nói đùa của Krylenko đã đưa đến một kết cục không ngờ. Ông Jozef lại đến trong rừng và theo thói quen như lâu nay, xin gặp bà vợ. Krylenko nhìn ông ta khá lâu, nhổ nước bọt và nói.

– Xin chúc mừng, ông chủ quán. Tôi có một tin hay báo cho ông biết. Ông sắp trở thành người cha!

Những người du kích có mặt họ cũng đã từng thấy nhiều người đau khổ và hấp hối hàng ngày, nhưng đều đồng thanh nói rằng: “Chưa bao giờ họ trông thấy một gã đàn ông có bộ mặt như vậy”. Ông Jozef không nói một lời. Bộ mặt hốc hác, không còn chút máu, và đôi mắt thể hiện nỗi đau khổ cực độ của con người, “Dù sao ông ta cũng có vẻ một người đàn ông”, sau này Krylenko tuyên bố như vậy, hơi hối hận về hậu quả đưa cột của mình. Ông Jozef quay lưng đi. Nhưng ông không đi xa, ông đi ngay đến cái cây đầu tiên hơi khuất một chút, cởi dây nịt đeo quần và treo cổ lên một cành cây chắc chắn. Những người du kích cho rằng hành động đó dù sao cũng còn có một chút phẩm giá, và quả tim của ông Jozef không phải chỉ có toàn mỡ như họ tưởng, vì vậy họ đã hạ xuống và chôn ông, và cắm trước mộ ông

một cây thánh giá bằng gỗ, như đối với một người cơ đốc giáo đã chết.

XXIV

Chiếc xe tải lấy lược đã làm cho họ khốn khổ.

Czerw quyết định sẽ đem giấu nó vào một xưởng của bỏ trống cho đến mùa xuân, gần Wierki, Krylenko kịch liệt phản đối dự định đó.

– Cái xe này không được ích lợi gì cho chúng ta cả! – Ông ta khẳng định. – Tôi đã quyết định sẽ đốt cháy nó... Chúng ta cũng còn đủ xăng để thiêu nó ra tro!

Ông nhìn Czerw một cách khiêu khích. Tuy vậy, buổi sáng, Czerw đã leo lên xe và ngồi vào tay lái.

– Ai chỉ huy ở đây? – Krylenko nổi giận. – Tôi đã bảo: phải đốt nó đi.

– Không ai cả, – Czerw nói, – ở đây không ai chỉ huy cả.

Và anh ta đánh xe đi.

– Đồ quỷ tha ma bắt! – Krylenko rửa thầm. – Tôi đã bảo.

Chiếc xe chuyển bánh. Ông già Ukraine chỉ còn kịp nhảy lên bậc xe. Chiếc xe tiến chậm chạp trên tuyết mềm, giữa những hàng thông. Những con quạ nhìn theo kêu ầm ĩ. Có lẽ chúng hy vọng con quái vật sẽ để rơi vãi một chút gì có thể ăn được. Krylenko lau bầu. Czerw nhìn ông ta và nháy mắt.

– Cậu không kể gì tớ cả? – Ông già hét lên.

– Không phải thế. – Czerw nói chân thành. – Nhưng ông biết, phải làm một cú giật gân chứ!

Mấy con quạ lại kêu: có lẽ chúng thất vọng. Chiếc xe len lỏi trong rừng thông, phủ dày tuyết trắng..... Bỗng một tiếng súng nổ. Kính chắn gió vỡ tan.

– Phản bội! – Krylenko hét lên.

Chiếc xe loạng choạng, đâm vào một thân cây.

– Czerw!

Czerw đã ngã gục trên tay lái.

– Czerw!

Krylenko nâng anh ta dậy, lắc mạnh. Czerw nghiêng rãng. Anh còn sống. Anh cố nói và thở hắt ra.

Máu từ miệng anh chảy ra. Bộ mặt trở nên xám ngắt. Bỗng nhiên, anh ngồi dậy, mỉm cười và nheo mắt.

– Czerw! Lạy Chúa! Cậu giả vờ đấy à? Cậu không coi tớ ra cái thứ gì cả? Cậu không sao cả chứ? Nói đi, Czerw?

– Kh... Không! – Czerw thở hắt. – Tôi đã nói... Nhưng mà tức lắm cơ!

Anh ta gục xuống nặng nề trên tay lái. Krylenko nâng đầu anh ta dậy một mắt nhắm, một mắt mở.

– Czerw!

Nhưng Czerw đã chết. Anh ta bị trúng đạn vào giữa ngực. Krylenko nhảy ra khỏi xe.

– Sao?

Ông ta hét lên. Các anh còn chờ gì nữa? Ông ưỡn ngực, với cử chỉ bi kịch.

– Đây bắt đi! Bắt đi!

Ba người chạy đến giữa chiếc xe, sợ hãi nhìn ông. Krylenko nhận ra họ ngay: đó là những du kích của cánh rừng bên cạnh. Họ họp thành một nhóm riêng. Họ cúi đầu, im lặng nghe lời chửi rủa của Krylenko.

– Nhìn chiếc xe tải từ xa, với dấu hiệu Đức... Không thể biết rõ ai đang lái... Thế là nhầm và bắn...

Cũng không thể biết Krylenko nguyên rửa: Czerw hay chiếc xe, số phận bi đát hay mọi người nói chung.

– Chúng tôi không phân biệt được... Thật không may... Đó là tất cả những gì mà họ có thể nói. Họ đứng yên, tự rửa thầm và lắc đầu một cách biết lỗi.

– Giúp một tay đẩy hộ chiếc xe đi nào! – Krylenko quá đau khổ để có thể hành động.

Họ giúp Krylenko đặt thi thể Czerw vào trong xe.

– Đây, – một người nhận xét, – hình như anh ấy nháy mắt.

Krylenko nói một cách buồn bã:

– Thật đáng tức...

Krylenko cho xe chạy. Ba người nhìn theo.

– Đừng giận bọn tớ nhé! – Họ la lên.

Krylenko rửa thầm. Những giọt nước mắt to tướng lăn xuống ria mép. Thỉnh thoảng, ông quay lại nhìn thi thể của bạn rồi khóc nức nở như một đứa trẻ con bị bỏ rơi.

XXV

Qua nhiều ngày, Janek tự hỏi có nên báo tin xấu này cho ông thợ đóng giày ở Wilno không. Nhưng rồi chính Krylenko quyết định.

– Đi đi! – Krylenko nói ngắn gọn, cũng không nói rõ là đi đâu và làm gì.

Nhưng Janek đã hiểu. Cậu nhét mấy củ khoai vào túi áo và lên đường. Cậu đến Wilno trong cơn bão tuyết thật sự: những bông tuyết trắng dán vào mắt, gió làm cậu hụt hơi. Cậu đến trước cửa hàng, đẩy cửa... Ông thợ giày vẫn làm việc như thường lệ. Ông chỉ ngẩng đầu lên liếc nhanh về phía Janek.

– Sao? Chúng nó đã bắt hẩn rồi à? – Ông già đột ngột hỏi với giọng ồ ồ.

– Con trai bác đã... đã chết.

– Lão thích thể hơn, – ông già nói.

Ông ngừng khâu.

Lão đã chờ đợi điều đó. Ngày nào, đêm nào lão cũng chờ đợi. Không thể có kết cục nào khác được. Cứ mỗi lần cháu đến... Không có cách nào kết thúc khác hơn. Hoàn toàn không có. Vì vậy mà chúng tôi còn ở đây để chịu đau khổ.

Ông già cúi đầu tiếp tục làm việc. Janek đợi thêm một lát, mũ cầm tay. Nhưng ông già không nói gì với cậu nữa. Ông tiếp tục khâu một chiếc giày cũ, đầu cúi xuống... Janek ra đi. Nhưng ngoài đường gió to và tuyết nhiều: cậu quyết định đợi một lát trước khi quay trở lại trong rừng. Cậu ta núp vào một cái cổng lớn, ngồi chồm hổm và bắt đầu ăn những củ khoai ngụi, lấy dần từng củ một từ túi áo ra. Cậu ăn cả vỏ và tiếc là quên đem muối theo. Đột nhiên, cậu có cảm giác là ai đang nhìn mình từ phía sau. Cậu tiếp tục ăn, không ngoảnh lại - có thể đây là một tên cảnh sát Đức. - và tìm cách không quay đầu nhưng liếc nhìn. Cậu thấy một chú bé độ mười hai tuổi, khoác bao bố. Cái bao có một lỗ để thò đầu ra và hai lỗ cho hai tay. Không có giày, chú phải quấn chân bằng tã rách, vì vậy đôi chân có vẻ dị dạng và không bằng nhau. Trên đầu, cái mũ cát-kết còn tốt nhưng quá to đối với chú. Chú đội mũ, cái lưỡi trai quay ra phía sau để che tuyết cho cái ót. Chú bé không nhìn Janek. Hình như Janek không tồn tại đối với chú. Chú chỉ nhìn những củ khoai. Chú không rời mắt khỏi những củ khoai hình như những củ khoai đã mê hoặc chú. Mỗi lần Janek lấy một củ khoai từ túi áo ra, đôi mắt chú bé lại sáng lên và theo dõi đường đi của củ khoai vào mồm Janek, và mỗi lần Janek cắn một miếng, cái nhìn của chú biểu lộ vẻ sợ hãi sâu sắc: và sự sợ hãi này đã biến thành sự thất vọng khi Janek nuốt miếng cuối cùng. Chú động đậy như bị kích thích, nuốt nước bọt và nhìn cái áo va-rơi của Janek với dò xét. Có còn củ khoai nào nữa không? Đó mới là vấn đề cần quan tâm. Janek vẻ lạnh lùng, tiếp tục ăn một cách khoái trá. Chú bé, mắt dính vào những củ khoai, vẫn còn đứng đấy. Chỉ thỉnh thoảng, chú thở dài và nuốt nước bọt rồi bỗng nhiên chú nhìn Janek, lần đầu tiên hình như chú nhận ra phương diện nhân văn của vấn

đề. Chú suy nghĩ một phút rồi cởi áo bao bố, nhìn nó một cách thích thú và tuyên bố.

– Một cái bao bố tuyệt vời. Hoàn toàn mới.

Janek vẫn tiếp tục cắn khoai ăn, không quay đầu lại.

– Tớ đã cuôm của một người qua đường. Đây mới đúng là một cái bao.

Chú nhìn Janek sục sạo trong túi áo va-rơ. Chú rình mò, sợ hãi. Có lẽ không còn củ khoai nào nữa chẳng? Chú quan sát, với vẻ nhẹ nhõm, một củ khoai xuất hiện và nói nhanh:

– Tớ đổi cho cậu mười hai củ khoai. Không hơn không kém.

Janek không trả lời.

– Thôi thì sáu vậy! – Chú bé đề nghị đã có vẻ lo sợ và thấy đề nghị của mình không có kết quả gì, đôi môi chú run rẩy và bộ mặt bắt đầu nhận nhận nhó. Chú sắp khóc.

– Thôi đừng nhè nữa! – Janek nói. – Không bao giờ nên khóc, trước kia thì được. Còn bây giờ thì không.

Cậu ném cho chú một củ khoai và chú ăn ngẫu nhiên ngay lập tức. Cậu ném thêm một củ khác.

– Đáng lẽ chú nên rút dao ra nhảy xổ vào, – Janek nói. – Bây giờ chính là phải làm như vậy. Và chú có thể có được tất cả khoai của tớ.

– Em không có dao, – chú bé nói.

– Dù có, thì cậu không thể thắng được tớ, – Janek nói với vẻ khinh bỉ. – Tớ đã biết ngay từ đầu là có cậu ở đây. Tớ biết có người ngay. Điều đó tớ học được ở trong rừng...

Chú bé ăn khoai. Chú mút, liếm láp, gặm nhấm trước khi ăn. Chú cố kéo dài được bao nhiêu hay bấy nhiêu. Chú lấy tay bóc vỏ khoai và khi đã bóc sạch thì ăn vỏ trước.

– Anh ở trong rừng à?

Janek không nói gì. Chú bé kiểm cách gì để gây ấn tượng với cậu. Chú nói, lấy chân dí dí xuống vệ đường.

– Bố em là thầy giáo.

– Bố tớ là bác sĩ, – Janek nói.

– Bố em đã giết một tên Đức, – chú bé nói.

Và tiếp theo, chú nói một cách kiêu hãnh:

– Nhưng ông đã bị chúng treo cổ!

Chú chờ đợi một cách tin tưởng hiệu quả của những lời tuyên bố trên.

Bịa! – Janek bình tĩnh đáp. – Điều đó chỉ để xin cái bà già đi lễ nhà thờ ra... Còn không ăn thua gì với tớ đâu!

Chú bé thề trịnh trọng...

– *Jak Boga Kochan*. Bố em bị treo cổ. Chúng nó treo ông trước nhà hát lớn và cứ để như thế hai ngày. Nhiều người biết chuyện đó, họ có thể nói cho anh nghe. Em đã đưa bà con đến xem. Mẹ em đã phát điên và chúng đã nhốt mẹ em lại. Bố anh không bị treo cổ phải không?

Chú nhanh chóng yêu cầu thêm, tìm cách lợi dụng điều mà chú tưởng đó là một thành công quyết định.

– Cho em thêm một củ nữa.

– Bố tớ, – Janek nói với giọng kênh kiệu, – đã giết hàng trăm tên Đức. Ông không ngốc như bố cậu đề đến nỗi bị bắt đâu...

Cậu nhún vai.

– Nếu cứ phải bị treo cổ mỗi lần giết một tên Đức thì...

Chú bé nhìn cậu với vẻ kính trọng.

– Bố anh bây giờ ở đâu?

– Ông đang đánh nhau với bọn Đức.

– Ở đâu?

– Ở Stalingrad.

– Đúng không?

– Đúng.

– Ông là sĩ quan à?

– Tướng.

Cậu cũng cảm thấy xấu hổ vì đã nói dối. Bố bây giờ ở đâu? Tại sao cậu có thể nói dối dễ dàng như vậy? Hơi bối rối, cậu lấy những củ khoai cuối cùng và ném cho chú bé. Chú bắt lấy và cho vào túi.

– Để dành cho vợ em, – chú tuyên bố.

– Cậu mà cũng có vợ à?

– Có, cô ấy làm việc cho em. Cô ấy có nhiều người: Maniek Zagorski, Joziek Meka và tất nhiên là cả Zbych Kurzawa.. Nhưng cô ấy thích em hơn cả.

Chú nói với vẻ quan trọng.

– Đó là một cô bé tốt bụng. Bọn lính Đức cho cô ta cả đồ hộp. Cô ấy đem tất cả về nhà. Đôi khi chúng cho cả tiền: cô ấy cũng đem về.

Chú khạc nhổ.

– Sống không đến nỗi khổ lắm, không ai than phiền. Nhưng thiếu nhất là thuốc lá.

– Các cậu có đồng không?

– Ồ! Có nhiều băng. Em đi với băng Zbych Kurzawa. Đó là một anh chàng tuyệt diệu! Mọi người đều vâng lời anh ta và anh ta có quyền đối với tất cả các cô gái. Lại còn tháo vát nữa: hôm

qua anh ta đã mang về ba bao thực phẩm. Anh ấy đã tấn công ba người phụ nữ trong có nửa tiếng và chỉ một mình thôi. Anh ta cũng lớn gần bằng anh. Và anh ta thích đùa bỡn, thích phê phỡn. Một lần, anh ta tìm đâu ra được một chú bé Do Thái miệng còn hôi sữa, biết chơi vĩ cầm. Cha mẹ chú ta đã bị bắn chết hoặc bị đầy, hoặc bị điều gì giống như vậy. Zbych đã đem chú bé ấy về ở chỗ chúng tôi và khi nào mọi người thích thì bảo cậu ấy chơi vĩ cầm cho mọi người khiêu vũ. Em thì em không thích cái cậu bé thò lò mũi xanh ấy...

Nó lại khạc nhổ.

– Em không thích dân Do Thái. Nhưng người ta giữ cậu bé ấy lại để chơi vĩ cầm khi đi ăn xin. Hơn nữa, nó lại buồn cười. Một hôm Zbych nổi cáu vì sàn nhà bẩn, và rồi anh biết anh ấy làm gì không?

– Không.

– Anh ấy tóm cổ chú bé Do Thái, bắt chú phải liếm sàn nhà từ đầu tường này đến đầu tường kia. Chỉ có Zbych mới nghĩ ra cách đó.

– Ừ! – Janek nói, – chỉ có Zbych.

– Nó tên là Moniek, nhưng mọi người gọi nó là thằng Do Thái. “Ê! Thằng Do Thái, đi lấy củ. Kéo đàn đi! Nhảy, hát, bò bốn chân đi!”. Người ta bảo gì nó làm nấy. Thật buồn cười.

– Ừ buồn cười thật đấy! – Janek rít lên giữa hai hàm răng. – Có thể gặp nó không?

– Có thể, – chú bé nói, – nếu anh còn mà ít khoai...

– Hiện nay thì không còn. Nhưng lần sau tớ có thể mang đến cho các cậu một bao.

Chú bé há hốc mồm. Cổ nghẹn lại. Nó lắp bắp:

– Một bao.

– Có thể, nếu chúng ta thỏa thuận.

– Đi, – chú bé nói.

Họ lên đường.

– Mọi người gọi em là Pestka, thế còn anh.

— Jan Twardowski.

Họ xuống Pohulanka, đi đến Zawalna, rồi rẽ trái.

– Chỗ kia, – Pestka nói.

Nhà này trước kia có thể là một cái xưởng. Nhưng tường thì đã đen và có chỗ sụp đổ: chỉ có cái ống khói là đứng vững ở giữa sân, không hề bị đụng chạm đến.

– Không ai dám vào đó, – Pestka nói, – vì rất nguy hiểm. Tường có thể sụp. Nhưng chúng em thì phớt hết.

Chú chỉ đường cho Janek. Họ đi xuống theo một bậc thang đã mục nát và đầy đồ phế thải cho đến căn hầm. Trong hầm tối, người đi vấp phải những viên đá đỏ, trong hầm xông lên mùi hôi thối, mùi phân dơi. Họ nghe tiếng đàn vĩ cầm và một giọng run rẩy đang hát với âm Do Thái rõ rệt:

Siedzialana debie

I dlubala w zebie

A ludziska glupin

*Mysleli ze w dupie**

Bài hát rong ở Ba Lan: không có nghĩa gì hơn là rất thô tục.

Tiếng vĩ cầm im bật và người ta nghe tiếng yêu cầu:

– Hát nữa, hát nữa!

– Hát lại đi!

Nhiều giọng con gái the thé hét lên.

Tiếng đàn vang lên và một giọng trẻ con hát:

Tytyna bila Chara

I poszła do doktora

A doktor jep powiedział

Ze na ny chłopice siedział!

– Zbych đang vui vẻ, – Pestka nói giọng sợ sệt.

Một nửa căn hầm bị đá che lấp, tầng nhà chỗ này bị sụp. Phía nửa kia, có một đồng lửa và một bày con trai, con gái choai choai, ngồi lên trên những hòn, những bao, những vật giường mọt. Tên cầm đầu không hơn mười lăm tuổi.

– Zbych Kurzawa, – Pestka nói với giọng hết sức kính cẩn.

Một khuôn mặt ho lao, dưới bộ tóc nâu, hai lỗ mũi to tướng hình như không bao giờ đủ không khí. Bộ ngực lép kẹp và đôi vai hẹp. Miệng mím chặt và đôi mắt nhú lại vẻ dữ tợn.

– Nửa, oắt con, hát nữa!

Một đứa bẻ độ mười hai tuổi đứng ở giữa nhóm. Nó rất xấu xí: tóc hung, xoăn, miệng và mũi dày, đôi mắt không lông mi, còn lông mày thì đỏ. Nó đang kéo vĩ cầm. Miệng nó run run và bắt đầu hát theo vĩ cầm:

Lezala pod Kaktusem

Jebala sie Zhindusem

– Mà biết làm gì, oắt con? – Một đứa con gái la lên.

– Tôi hát, tôi chơi đàn, tôi nhảy múa và làm trò hề. – Đứa bé nhanh nhẩu trả lời.

Nó tiếp tục hát:

Lezala pod Cyprysem

Jehala sie Z tygrysem

Pestka bước lên và kéo theo Janek. Zbych Kurzawa nhìn Janek với vẻ lo ngại: người ta thấy rõ ràng là nó ghét Janek và sợ những cậu mạnh hơn nó.

Pestka ghé lại nó nói thầm.

– Cậu muốn đổi khoai lấy cái gì? – Zbych hỏi.

– Chốc nữa sẽ nói.

– Tớ cóc cần, – Zbych nói. – Tớ có đủ để tọng vào mồm. Chỉ cần cho những đứa khác.

Nó quay về phía chú bé Do Thái:

– Cầm cái mồm mày lại và đi đun nước.

Chú bé lập tức khuất ngay sau đồng đá.

– Tớ có thể nói chuyện với chú ấy không? – Janek hỏi. Zbych Kurzawa nhìn cậu chằm chằm.

– Chính vì vậy mà cậu đến đây à? Phải không?

– Đúng.

– Thế thì đi mà nói chuyện với nó. Cũng không được mất cái gì cả!

Janek tìm thấy chú bé đang cúi xuống trên bếp lửa. Nó đang đun nước và khóc, lặng lẽ.

– Cậu tên gì?

Chú bé giật nảy mình, quay bộ mặt khiếp sợ phía Janek.

– Wunderkind, Wunderkind, – nó đáp nhanh như một cái máy tự động. – Tôi hát, tôi chơi đàn, tôi nhảy múa và làm hề! Anh đừng đánh tôi!

– Tớ không đánh cậu đâu! Không ai đánh cậu nữa đâu, nếu cậu biết chơi vĩ cầm...

Chú bé Do Thái liếc nhìn cậu với cặp mắt nghi ngờ. Cây đàn vĩ cầm của chú dựa vào một bức tường. Janek đưa tay ra...

– Đừng đụng vào đàn! – Chú bé hét lên. – Zbych Kurzawa sẽ đâm anh vỡ mồm nếu anh đụng vào đàn.

– Tớ không có ý sờ vào đàn. Mà tớ cũng không sợ Zbych Kurzawa.

– Không đúng. Mọi người đều sợ anh ta cả.

– Cậu biết chơi vĩ cầm à? Biết hay không?

Chú bé nhìn cậu chăm chăm.

– Anh thích âm nhạc à?

– Rất thích.

– Như thế thì anh sẽ không đánh em. Người ta không thể yêu âm nhạc mà lại đánh em... Nhưng anh đừng nói với ai cả chứ?

– Không.

– Thế thì anh nghe đây.

Chú cầm lấy đàn... Đứng giữa căn hầm hôi hám, với bộ áo quần bẩn thỉu, chú bé Do Thái có cha mẹ bị giết trong một áp chiến lược, đã phục thù cho thế giới và con người, đã phục thù Thánh Ala. Chú kéo đàn. Con người chú không xấu xí nữa, thân thể vụng về của chú không lồ bịch nữa và trong bàn tay bé nhỏ của chú, cái cung kéo đàn đã trở thành một chiếc đũa thần. Đầu hất phía sau với vẻ của những người chiến thắng, đôi môi hé mở trong nụ cười vinh quang, chú kéo đàn... Thế giới đã ra khỏi cơn hỗn loạn và đã bắt đầu có một hình thù hài hòa và thanh cao. Lúc đầu, hận thù không còn nữa và đến những hòa âm đầu tiên thì đói rét, sự khinh bỉ và sự xấu xa đã phải trốn chạy giống như

đám giòi bọ ban đêm đã bị ánh sáng ban ngày làm mù mắt và giết chết. Trong tất cả những trái tim đều chảy lên ngọn lửa của tình yêu. Tất cả các cánh tay cứu đưa ra, tất cả những bộ ngực anh em... Thỉnh thoảng, chú bé dừng lại và liếc nhìn Janek với vẻ đắc thắng.

– Chơi nữa đi, – Janek thì thầm.

Chú bé tiếp tục chơi.. Và bất thần, Janek thấy lo sợ, cậu sợ chết. Một viên đạn Đức, đói, rét và cậu sẽ mất đi trước khi tâm hồn mình uống cạn sự kỳ diệu của con người, đã sáng tạo ra trong cơn dịch hạch và hận thù, trong sự chà xát và khinh bỉ, trong mồ hôi trên trán và nước mắt lẫn máu, trong sự đau khổ vô cùng của thể xác và tinh thần, trong sự giận dữ và sự lãnh đạm của trời đất, trong sự lao động không gì sánh được của những con Kiến – Người, đã biết, chỉ trong vài năm sống khổ cực, tạo ra sự đẹp đẽ cho hàng ngàn năm.

– Nhưng chúng nó đánh em, – chú bé đột nhiên nói, với giọng chua chát. – Và chúng bắt em liếm sàn nhà...

– Em tên gì? – Janek thì thầm.

– Moniek Stern, – chú bé đáp. – Bố em bảo em sẽ trở thành một nhạc sĩ tài năng... như Yacha Heifetz hoặc Yehudi Menuhin. Nhưng bố em đã chết và chúng nó đánh em.

– Em có muốn đến với các anh không?

– Đến đâu?

– Ở trong rừng. Đến với những người du kích.

– Em sẽ đi bất kỳ đâu, miễn là khỏi chỗ này. Nhưng chúng nó sẽ không cho em đi. Em là người Do Thái của chúng, là kẻ chịu khổ chịu nạn của chúng. Không có em, chúng nó sẽ giết nhau.

– Để xem xem, – Janek nói, giữa hai hàm răng.

– Sao? Đàm phán xong chưa? – Có tiếng kêu. – Oắt con! Lấy đôi bốt cho tao.

Chính là Zbych Kurzawa. Nó nhìn Janek với đôi mắt nhẩn lại.

– Âm mưu gì đây?

– Tớ có một bao khoai, – Janek nói.

– Phải hai bao, – Zbych nói. – Tớ đã thấy cậu thích nó đàn như thế nào rồi.

– Một bao thôi hoặc không gì cả.

Hai đứa nhìn nhau... Cuộc trao đổi sẽ tiến hành vào ngày mai đằng sau đám đất thể thao Antokol. Zbych Kurzawa đến vào giờ đã định Pestka đi theo. Sau nữa, một khoảng cách khá xa, là chú bé nhạc sĩ đang bước khập khiễng.

– Đến đây, oắt con! – Zbycht la lên.

Chú bé chạy đến.

– Đẩy nó đẩy, lành mạnh và hoàn hảo, với cây vĩ cầm! Pestka, mày lấy bao khoai và mang đi.

Pestka lật mũ cát-két, gỡ tai.

– Mang suốt đường ư?

– Tất.. tất nhiên! – Zbych huýt sáo. – Và nhanh hơn nữa kia!

Pestka thở dài, nhổ nước bọt vào tay và vác bao khoai lên lưng..

– Em có thích rừng không? – Janek hỏi, vừa bước đi trong tuyết giữa những hàng thông.

– Em không biết, – Moniek nói, vẻ sợ sệt.

Nó sợ làm phật ý người khác.

– Đừng sợ. Bây giờ không ai đánh em nữa đâu. Em có thể nói ra điều gì em suy nghĩ.

– Em không biết thật. Em chưa bao giờ ở nhà quê.

Nhưng Moniek không thích rừng. Chú sớm nhận ra rằng thiên nhiên cũng độc ác như con người. Đã từ lâu lắm rồi, giòng giống của chú ta đoạn tuyệt với đất đai và sự tiếp xúc với rừng bằng giá rõ ràng hết sức ác nghiệt. Ngay đêm đầu tiên, chú bé đã trở thành một khối thịt khổ sở và run rẩy, chỉ sống để mà khóc. Moniek nhìn một cách ghê sợ những ngón tay tê cóng, những ngón tay không vâng lời nữa. Chú hơ hai bàn tay, càng gần lửa càng tốt, nhưng không phải bao giờ cũng có lửa.

– Em sắp mất mấy ngón tay! – Chú thường than thở. Và rồi nó cầm lấy đàn, bắt đầu chơi để thức tỉnh những ngón tay. Chú chơi hàng giờ, đứng trong tuyết, dưới trời sao. Khi mọi người ngủ, chú đi xa ra và người ta nghe tiếng đàn vĩ cầm từ xa vọng lại, bi thảm và rên rỉ rất lâu trong rừng thông. Janek nghe đàn không biết chán. Cậu để mặc chú bé kiệt sức trong tuyết, không thương tiếc và tham lam, giống như một tên trộm hối hả nhét đầy túi trước khi quá trễ... Thường thường cậu ta mang đến cho chú bé tro nóng hoặc củi lửa, nhưng đó không phải là tình thương mà là do cậu sợ ngày mai chú bé không chơi đàn được nữa. Du kích đón tiếp Moniek không mấy nhiệt tình. Krylenko lấy mắt đánh giá chú bé Do Thái, rồi quay về phía Yankel, ông khen lấy lệ:

– Xin chúc mừng!

Sau đây, ông làm như Moniek không bao giờ tồn tại; ông chỉ chú ý là không gây khó khăn cho chú bé. Khi chú bé chơi đàn, Krylenko làm ra vẻ không chú ý và cho tay vào ngoáy mũi. Nhưng một đêm, Janek bắt gặp ông ta đứng sau một gốc cây,

miệng há hốc lắng nghe chú bé Do Thái chơi nhạc của Mozart. Khi thấy mình bị phát hiện, ông chống chế:

- Tớ chỉ dậy để đi tiểu.
- Thì tôi có nói gì đâu.

Còn Yankel Cukier lại khác, anh ta thẩm vấn Moniek cặn kẽ. Chú tên gì? Bố chú làm nghề gì? Tên lúc còn con gái của mẹ chú là gì? Ông nội chú làm gì? Chú có quan hệ gì với thú y-sĩ Stern ở Swieciany? Không ư? Chú không có quan hệ gì với thú y-sĩ Stern ở Swieciany à? Thế thì chú có bà con với người bán sách Stern ở Molodeczno, hoặc với người thuộc da Stern ở Wilno có cửa hàng ở Niemiecka, ở giữa cửa hàng của Sioma Kapelusznik và cửa hàng của Yakow Zylbertkweit? Cũng không à? Chú không bà con với những ông Stern ấy à? Thế thì... lạ thật, rất lạ. Thế chú bà con với những ông Stern nào? Còn Stern ở Kovno? Lại càng lạ lùng hơn nữa Yankel tự mình đã nhiều lần đến Kovno, trước chiến tranh nhưng ở đây không biết một Stern nào cả. Trái lại anh có biết một Cyferblat, Yacha Cyferblat, dược sĩ. Moniek có biết dược sĩ Yacha Cyferblat ở Kovono không? Cũng không hoàn toàn không... Thế thì tại sao bọn Đức lại giết bố mẹ chú? Chẳng có lý do nào cả chẳng? Cũng có thể đúng, như vậy? Hiện nay nhiều người bị giết không vì lý do nào cả. Nhưng dù sao thì cũng phải có một lý do chứ?... Làm sao mà biết được.

– Hãy để cho nó yên, – Machorka nổi cáu nói. Machorka đến gần Moniek và hỏi:

- Chú có tin ở thần thánh không?

Moniek không nói gì cả và cầm lấy đàn. Chú chơi khá lâu, mắt nhắm và khi chú ngừng chơi, Machorka nói:

- Em là chú bé ngoan.

Nhưng Moniek không còn ở lâu trong rừng. Mặc cho chú đã quần tay bằng giẻ rách, hơ tay vào lửa nhưng những ngón tay chết nhanh chóng. Tiếng đàn vĩ cầm không trong nữa và thường thường, hòa âm kết thúc trong một tạp âm hỗn độn. Chú bé khóc, cây đàn gác trên đầu gối và vẻ mặt biến dạng vì sầu muộn, càng trở nên xấu xí hơn.

– Em đã mất mấy ngón tay, – chú nức nở, – em mất mấy ngón tay.

Đêm Noel, trời lạnh. Chú nằm ngủ rất lâu trong hầm du kích, co quắp như một sinh vật nhỏ bé run rẩy và khổ sở. Chú nằm mơ và lấp bắp bằng tiếng Do Thái những từ xa lạ mà chỉ một mình Yankel hiểu và anh ta dịch lại cho Janek hiểu:

Chú bé gọi bố mẹ.

Hoặc là:

– Chú đang cầu kinh.

Một hôm, trong khi những người du kích ngủ đã lâu, chú bé thức giấc. Chú lấp bắp mấy tiếng và Cukier vùng dậy.

– Chú muốn cây đàn.

Chú bé cầm lấy cây vĩ cầm. Chú giơ cung kéo đàn lên nhưng chú không còn sức nữa. Chú liền ôm lấy cây đàn, áp chặt đàn vào ngực, vào má. Đôi môi chú đung vào những dây đàn lặng lẽ. Chú đã chết như vậy, cây vĩ cầm ôm chặt trong tay.

XXVI

Vào đầu tháng giêng, Machorka đi thám thính ở thành phố về, đem theo những tin tức quan trọng: một đoàn xe tải - những chiếc xe xích “Opel”, dùng đặc biệt để chạy trên tuyết – đã hai mươi bốn giờ nay đỗ bên cạnh nghĩa địa cạnh rừng Antokol. Đoàn xe được canh gác cẩn thận. Machorka đã đếm được cứ mỗi xe có một tên lính gác và hai khẩu liên thanh sẵn sàng nhả đạn. Đánh hơi được cú làm ăn to, ba anh em Zborowski đem đêm rình mò quanh những chiếc xe, giống như những linh hồn tội lỗi quanh thiên đàng. Những tin tức họ thu được rất ít ỏi. Người dân Antokol không biết gì, vì họ bị cấm không được đến gần các xe tải. Kết luận duy nhất mà mấy anh em họ rút ra được từ những nhận xét từ xa là đoàn xe phải chở thuốc nổ hoặc xăng: bọn lính không hút thuốc gần xe và chỉ rút thuốc ra khi đã ở bên kia đường. Người anh cả trong nhóm Zborowski đêm không ngủ, gặm móng tay và đến sáng thì đi tìm Zosia. Cô gái đã đến chỗ những người du kích để giặt giũ cho họ.

– Zosia...

– Cái gì?

Khi cô gái nói với cánh đàn ông thì ngoài Janek ra, cô ta có giọng nói khiêu khích, hiếu chiến.

– Tôi cần đến cô.

Cô gái nhìn anh ta.

– Không, – cô đáp, – không có chuyện gì nữa... Bây giờ chấm dứt rồi.

– Cô nghe tôi, Zosia. Chuyện quan trọng.

– Không. Bây giờ không còn nữa. Đối với tôi, không có chuyện đó nữa.

Người anh cả trong nhóm Zborowski nắm lấy cánh tay cô gái.

– Đây là lần cuối cùng. Tôi thề với cô như thế, Zosia, lần cuối cùng. Cho đến nay cô đã làm tốt.

– Tôi không biết tôi đã làm gì. Tôi không cảm thấy gì cả. Điều đó không có gì quan trọng. Tôi không cho gì nữa. Bây giờ..

Cô nhìn lạnh lùng thẳng vào đôi mắt đàn ông của anh ta.

– Bây giờ tôi đã cảm nhận. Tôi không làm điều đó với ai ngoài Janek. Ồ! Không!

– Cô không cảm thấy gì hết với người khác ngoài cậu ta ư? Zosia...

Cô trả lời không bằng cách gạt đầu. Cô chỉ xuống đồng quần áo, cho tay vào nước nóng đến tận cùi chỏ. Người anh cả nhóm Zborowski muốn nói: “Nhưng mà cậu ta sẽ không biết gì hết” nhưng anh đã dừng lại đúng lúc. Anh biết rằng mọi chứng cứ đều xấu, mọi lý do đều sai và không thể xin lỗi là được. Nhưng cơn giận đã đến với anh ta. Một cơn giận dữ, một sự khinh bỉ không bờ bến đối với những ai cho rằng còn có điều gì quan trọng hơn là chiến đấu. Anh hét lên:

– Những chiếc xe tải này có lẽ chở chất nổ. Hàng tấn, hàng tấn thuốc nổ. Ngày mai, ngày kia chúng nó sẽ ra mặt trận. Chúng nó sẽ đi đến Stalingrad và...

Anh tìm những từ.

– Và lúc đó thì đã quá muộn.

Anh cảm thấy có bàn tay đặt lên vai mình. Zosia nói dịu dàng, với giọng con gái còn nhỏ tuổi:

– Em sẽ đi. Em rất muốn đi. Thôi im đi, Kazik, em rất muốn.

Cô nước nỡ khóc. Anh ta quay lưng và chạy trốn. Anh gieo mình trên ghế bố, lấy tay úp mặt quai hàm nghiến chặt. Máu chạy rần rật ở hai bên thái dương, dòng máu xấu hổ. Người em đang lau súng ở một cái ghế bố bên cạnh.

– Có cái gì thế? Kazik?

– Câm đi. Không có gì hết.

– Đau răng à?

– Đã bảo im đi, cái đồ...

Bất chợt, anh ta quay bộ mặt trắng bệch và nhăn nhó về phía người em.

– Tao sẽ đâm cho mày vỡ mồm. Im đi. Câm cái mồm bản thủ đầy... của mày lại.

Người em đợi một lúc rồi mới hỏi:

– Nhưng dù sao thì anh cũng đã phái cô ta đi rồi kia mà?

– Tao là một con chó. Mày có nghe không Stefek? Một con chó, một con chó ghẻ, đó, tất cả tao chỉ là thế...

– Đừng lo nghĩ nữa. Thêm hoặc bớt một con chó ghẻ trong thế giới này, điều ấy có nghĩa lý gì?

Zosia đi đã hơn hai giờ. Cô đi giữa đường, một con kiến đen tí xíu trên tuyết. Cô thấy tên lính gác đằng xa. Tên lính kẹp súng vào giữa hai đầu gối, tay đâm ngực để cho ấm lên. Zosia cũng trong thấy chiếc xe tải cách đường năm thước: phía trước có

một khẩu súng liên thanh với hai tên lính mặt che khuất dưới những cái mũ để vượt núi. Tên lính gác ngừng đấm ngực và cầm lấy súng.

– Cầm đi qua đây. Quay lại!

Nó cố làm cho cô hiểu bằng tiếng Ba Lan.

– *Wzbronione... poszla... poszla!**

Cầm... Đi! đi!

– Thôi đừng phí sức nữa, anh lính yêu của em. Em biết tiếng Đức.

Và cô cười lơ lửng.

– Đã ba năm nay, em đi lại với các anh. Và em cũng đã biết nhiều chuyện!

Tên lính gác cười. Nó quay lại phía xe và la lên:

– Này các cậu, tớ đã kiếm được một cô gái cho chúng ta sưởi ấm đây!

Một tên lính gác khác đi đến gần. Đây là một tên đứng tuổi, bộ mặt u ám, với cái mũi phồng lên vì lạnh. Nó quan sát Zosia, từ chân đến đầu, rồi nhổ toẹt xuống đất:

– Ở đây chúng nó đều mang bệnh cả.

– Nhưng cô này có vẻ sạch sẽ, – tên lính trẻ nhận xét. – Hơn nữa cô ta còn quá trẻ.

Điều đó không có nghĩa gì cả. Ở Bỉ, tao đã bị một con bé mười lăm tuổi đổ bệnh cho và ngay hôm kia, thằng Koluschke đã phải đưa đi bệnh viện vì một con mồi mới có mười bốn tuổi. Mà có giấy phép không?

– Có!

– Đưa xem!

Zosia lấy giấy từ túi ra.

– Có vẻ hợp lệ đây, – tên lính trẻ nói, không nhìn vào giấy.

– Tùy mày, – tên lính già nói. – Còn tao thì xin rút lui. Trong cái xứ bản thổ này...

Nó lại khác, nhỏ.

– Mà dù sao thì cũng đếch cần. Nếu bị bệnh thì được đưa về hậu phương. Đó là tất cả điều gì tao mong muốn. Tao không muốn đi đến nơi người ta đang đi.

– Tôi cũng thế. Nay bao nhiêu một lần đây?

– Em không muốn lấy tiền. Tiền không mua được gì cả. Nhưng nếu các anh có đồ hộp...

Tên lính trẻ bật cười.

– Cô bé này cũng không đến nỗi ngốc lắm! Những cô gái như vậy có thể xoay sở được hết!

– Chúng tớ sẽ cho cô một hộp thịt, cho cả hai đứa.

– Thế thì không nhiều lắm đâu.

– Và tớ sẽ hỏi bọn kia nếu chúng nó muốn. Sẽ nói cho chúng biết giá cả, cứ hai đứa trả một hộp.

– Được.

– Trước hết nên hỏi cậu trung đội trưởng, tên lính già nói. Cậu ta cũng thích khoản đó lắm và nếu có cậu ta tham gia thì mọi việc sẽ êm thấm.

– Tôi không muốn lượt mình phải đến sau cậu trung đội trưởng. Vì không chắc chắn. Ở Bỉ...

– Chúng ta sẽ làm trước.

Nó quay lại phía Zosia.

– Ngồi đợi ở đằng kia, trong đám bụi cây. Một nửa mới đổi gác. Chúng tớ sẽ đến tìm và đi giờ vào trong xe tải ít gió hơn.

– Được.

... Cô chờ. Ngồi trên một khúc cây, cô chờ. Cô nghĩ đến điều mà anh cả nhóm Zborowski đã nói với cô: “Đây là lần cuối cùng”. Nhưng cô không tin điều đó. Không hề có lần cuối cùng, để đau khổ, và hy vọng chỉ là một mưu mô của Chúa để khích lệ con người chịu đựng những đau khổ mới. Cô chờ. Thời gian đi chậm chậm, không khí cứng và lạnh như bản thân băng giá, những con quạ kêu âm ỉ và trời thì nhợt nhạt. Cô tự hỏi tại sao những điều mà cô mong muốn như yêu đương, ăn uống và được sưởi ấm, tại sao lại khó đến như vậy để được yêu một cách yên ổn, để không phải chết vì đói, không phải chết vì lạnh? Hiểu được câu trả lời cho những câu hỏi đó, theo cô nghĩ, còn quan trọng hơn là biết tất cả những điều mà những cô con gái nhỏ vào tuổi của cô học được ở trường: quả đất tròn và nó xoay, làm sao viết không phạm lỗi v.v.. và v.v... Cô chờ. Cô nhìn các thân cây và ghen với lớp vỏ cứng của cây cối; cô nghĩ đến mẹ và phát hiện thấy rằng cô đã quên khuôn mặt của bà, cô nghĩ đến Janek và tiếng nói của cậu vang lên bên tai có: “Ở Stalingrad, người ta đang đánh nhau để không còn chiến tranh nữa. Nhưng rồi cô hiểu ra rằng điều đó không đúng, con người không bao giờ đánh nhau chỉ vì một ý kiến, mà đơn giản là để chống lại người khác và sức mạnh của người lính không phải là lòng căm thù mà là sự lạnh dạn và những di tích của văn minh đang và sẽ luôn luôn là những đồng đồ nát...

– Con bé kia kìa!

Có giọng nói vang lên.

Những tên lính quan sát cô với vẻ tò mò.

- Tớ làm trước cho!
- Bị bệnh ư? Tớ rất muốn nó có bệnh. Bà xã Frieda của tớ mong tớ mang bệnh trở về còn hơn là không về!
- Con bé không đến nỗi nào.
- Điều đó tớ đếch cần.
- Để tớ làm trước. Đây, hộp thịt của tớ đây. Hạng nhất đấy. Đã nói là y lời.
- Còn tớ, tớ sẽ cho hai hộp và làm hai lần.
- Đừng có đánh rắm phía trên lỗ đít.
- Có chỗ nào làm cho yên ổn không?
- Giữa những chiếc xe.
- Nhưng lại có tuyết.
- Thế thì chờ đến mùa xuân sao?
- Này, nói đi, cậu làm thật hay chỉ hôn thôi?
- Đi theo tao!

Tên lính gác đầu tiên cắt đứt câu chuyện. Cô đi theo hắn. Xe tải chất dựa vào nhau như một đàn cừ. Tên lính cởi áo khoác và trải xuống trên tuyết.

- Nào đến đây. Cô em làm tớ thích, biết không?
- Thật không?
- Thật.
- Thế anh có muốn tôi trở lại nữa không?
- Có. Mai trở lại đây. Còn chậm hơn thì người ta đi mất.
- Tôi có thể trở lại ngày kia.
- Ngày kia người ta đã đi rồi.
- Tôi có thể đến vào buổi sáng.

– Nhưng rạng sáng ngày kia thì đã đi rồi.

– Ôi! Người yêu khốn khổ của em...

Cô nhắm mắt, đầu ngả ra phía sau. “Miễn là ta đừng cảm thấy gì cả, đừng cảm thấy gì cả...” Cô cảm thấy đất băng giá dưới lưng, cô cảm thấy những ngón tay cào cào cô với tất cả lòng hận thù mà những tên đàn ông không tình yêu đang vuốt ve cô. Cô nghe tiếng quạ kêu, tiếng bọn lính chửi thề, tiếng gió thổi. Cô không nói gì. Cô không khóc. Cũng như đói, cũng như lạnh, cũng như chiến tranh mà thôi. Một lần cô hỏi:

– Còn nhiều người đợi nữa không?

– Còn bốn mống.

– Cho tôi xin một liều thuốc.

– Mà yên sao, ở đây cấm hút.

– Vì sao?

– Vì xe chở đầy chất nổ. Cho một loại vũ khí mới, bom bay. Chở đến Stalingrad, mà yên không? Chỉ cần sơ ý một tí chút là nổ tung hết.

– Tôi không hiểu.

– Tao sẽ nói cho mà yên biết... Khi lái những chiếc xe đó, thì dễ sống dễ chết. Chỉ cần một sự va chạm, thì là đi đời, không còn kịp thời gian để yên nữa...

– Thật ư?

– Tao đã nói... Người ta không dám đến phanh đột ngột!

Một tên lính không đụng đến cô. Nhưng nó van xin:

– Đừng nói gì cho bọn kia biết.

– Tôi sẽ không nói gì đâu.

– Cám ơn... Tôi lấy làm xấu hổ...

Một tên khác nói với cô:

– Cô em hãy nói với tớ điều gì hay hay, hãy vuốt tóc tớ...

Bỗng nhiên cô cảm thấy những giọt nước mắt của hân chảy xuống cổ mình. Cô chùi những giọt nước mắt đó với cảm giác ghê tởm.

– Cô em hãy nói với tớ những câu dịu dàng...

Cô dang hai tay ra như kiểu thánh giá, tay chạm tuyết để cảm nhận sự trong sạch lạnh lẽo của tuyết... Sau đó, cô hỏi:

– Những chất nổ đó chắc là nguy hiểm lắm phải không?

–Ồ! Đúng... Đó là một công việc bẩn thiu. Nếu có sự va chạm...

– Thì sẽ nổ tung hết!

Tên lính cuối cùng, đã đứng tuổi, có cái cằm run run và hai tay nắm chặt.

– Tao cũng có một đứa con gái nhỏ, hân lấp bắp. Tao đã bắt một đứa con gái nhỏ, còn nhỏ lắm. Tao cũng có.

– Này, Lukas, làm hôm nay hay để dành đến Lễ Phục sinh đây?

– Để cho tao yên.

Buổi chiều, cô ta quay về. Người anh cả nhóm. Zborowski đang nằm dài trên ghế bố, hai tay bưng mặt.

– Em đây.

Anh ta rùng mình và không nói gì. Ngọn lửa tắt dần và khói bay lên nhẹ nhẹ.

– Kazik.

Anh vẫn yên lặng. Cô nhìn thân hình anh bất động, các bắp thịt nhả lại. Cô đưa tay sờ vai anh, nhưng cô cảm thấy với sự

tiếp xúc tối thiểu, anh ta sẽ không kiềm được nữa và sẽ nước nở khóc. Cô ta rút tay lại để giúp anh ta tự đấu tranh. Và cô chờ cho đến khi than tắt hẳn để anh ta không nhìn thấy cô nữa trong bóng tối, cô mới nói:

– Rạng sáng ngày kia thì chúng nó đi.

Cô nghe tiếng anh động dậy trên chiếc ghế bồng.

– Chát nổ, – cô nói. – Một thứ mới... chỉ cần va chạm là mọi cái sẽ nổ tung. Chúng nó nói: Chở đi Stalingrad.

– Cô không quên hỏi cả thầy bao nhiêu...

– Em không quên. Bốn chiếc chở tiếp phẩm. Nhưng cũng dễ nhận ra: những chiếc đó có rơ-móc.

– Cô có chắc thế không?

– Chắc, – cô thì thầm và lặng lẽ lau nước mắt.

XXVII

Ngày hôm sau, ông luật sư đến tìm người anh cả trong nhóm Zborowski và xin việc làm.

– Đây không phải là công việc của một luật sư.

– Tôi van anh, anh Zborowski.

– Thôi ông luật sư đừng nài nỉ nữa.

Ông luật sư nắm chặt tay anh.

– Đây là thời cơ duy nhất để tôi tỏ ra xứng đáng.

– Xứng đáng? Với cái gì? Với ai?

– Với cô ấy.

Kazik ngạc nhiên nhìn ông ta: bộ mặt của ông luật sư gầy và bần, bệnh đường ruột hành hạ ông ta ngày đêm. Đời sống trong rừng đã làm cho cái áo khoác đẹp của ông ta tươi tắn; bây giờ ông ta mặc nó, lộn ngược, phía lông trở ra ngoài, ông ta giống như một con thú hơi buồn bã và mệt mỏi vì phải sống mãi ngoài trời và trong tuyết.

– Rõ ràng là ông luật sư cũng không nghĩ ra được công việc mình có thể làm là thế nào.

– Tôi biết. Tôi biết rất rõ. Tôi cũng biết tôi là thằng hèn. Tôi không thể cố gắng hơn nữa anh Zborowski, anh hiểu cho. Tôi đau bụng quá tôi đói quá, tôi lạnh quá. Để tôi làm việc đó cho.

– Thế thì ông quay về với bà đi!

– Nhà tôi tin tưởng ở tôi. Anh còn trẻ, anh Zborowski, anh không thể hiểu được thế nào là yêu một phụ nữ khi người ta lớn hơn cô ấy đến ba mươi tuổi... Cô ấy tin ở tôi. Đối với cô ấy, tôi là người trả thù, là người thực hiện sự công bằng... là một anh hùng!

Ông ta mỉm cười, buồn buồn.

– Một người anh hùng như tôi ư?... Chỉ còn nhìn vào tôi và anh sẽ đánh giá được. Nhưng cô ấy còn quá trẻ, còn quá ngây thơ. Cô ấy lấy tôi không phải vì tình yêu mà vì khâm phục, vì đánh giá cao. Tôi là một người đã chín chắn, còn cô ấy luôn luôn là một nữ sinh viên bé nhỏ chỉ coi trọng những vấn đề như tâm hồn, tính cách, tư tưởng... Cô bé khôn khổ! Cô ấy không biết tôi chỉ là một kẻ mơ mộng, một kẻ duy tâm, một thiếu niên sẵn sàng chết cho nền tự do của thế giới, đã bí mật chuẩn bị hành trang và đi nhón chân như một tên ăn trộm, một tên trưởng giả béo phì, tham lam, lạnh lùng và hèn nhát đã từ lâu ngồi thay vào chỗ nó rồi... Để tôi làm việc đó cho, Zborowski. Chính là vì cô ấy.

Kazik nhìn bộ mặt mệt mỏi, với đôi lông mày của một thằng hề, cái áo khoác và lông tua tủa và nó đang run rẩy. Điều đó ngoài sức của ông ta, anh ta nghĩ và mỉm cười.

– Khi anh đến năm mươi tuổi, – ông luật sư nói dịu dàng, – và anh sẽ yêu một phụ nữ hết sức trẻ như tôi yêu cô ấy thì có lẽ anh sẽ hiểu. Nhưng điều đó sẽ không bao giờ xảy ra với anh.

Ông ta nói với giọng tự hào:

– Không phải ai cũng được như vậy đâu!

– Ông luật sư có biết lái xe tải không?

– Biết.

Kazik đang còn lưỡng lự nhưng Krylenko đã quyết định. Ông già Ukraine đặt vấn đề cách giận dữ:

– Ông ta không làm được việc gì đâu, chỉ thêm một miếng ăn nữa phải nuôi và đàng nào thì ông ta cũng làm hỏng cái đồng cốt sắt đó. Vậy thì để cho ông ta làm còn hơn để cho người khác!

Ông luật sư lắng nghe những lời dằn dò với vẻ mặt chăm chú của một đứa bé chăm học. Ông nhắc lại một số chi tiết để tỏ ra ông ta đã hiểu rõ. “Đến đây, tôi phải tăng ga. Đến đây, có một con đường hẻm, phía bên trái... Những chiếc xe tải ở đàng kia. Tôi phải tăng ga hơn nữa và đâm thẳng vào giữa đám xe tải. Được. Tôi sẽ tránh những xe có kéo rơ-moóc: tôi sẽ không quan tâm đến những chiếc đó. Chúng nó bắn... Mặc kệ, cứ cho chúng nó bắn: lúc đó thì đã quá chậm rồi. Được, được. Phải thế không? Và tôi sẽ rút chốt lựu đạn và... Tôi hiểu rõ rồi. Các anh có thể yên tâm.”

– Ông luật sư chớ quên chặn ngang con đường nếu như mình bị trúng đạn...

– Khốn khổ! Khốn khổ: Nếu thế thì sẽ thất bại hoàn toàn! Tôi hiểu. Tôi không bao giờ quên.

Những người du kích thấy lúng túng khó xử, họ tránh nhìn người đang khoác áo lông, rất giống một con chó xù bị ướt.

Ngay cả Krylenko cũng nhỏ xuống đất và nói với vẻ ghê tởm:

– Người ta có cảm tưởng như đưa một chú bò vào lò mổ. Du kích buộc lựu đạn vào chung quanh bụng ông luật sư. Trước khi ngồi vào tay lái, ông ta chạy đến phía sau bụi cây, bệnh đường ruột luôn luôn hành hạ ông. Người ta giúp ông leo lên xe. Người ta nhìn ông hơi lạ lùng. Mọi người đều muốn nói với ông một điều gì đấy để khuyến khích ông. Nhưng không tìm ra lời.

Ông hét to với giọng vui vẻ, với giọng trẻ con:

– Thôi! Vĩnh biệt.

Một, hai tiếng đáp lại:

– Vĩnh biệt.

Ông cho nổ máy. Ông cúi xuống phía người anh cả nhóm Zborowski và vội thì thầm:

– Nhờ anh đến thăm cô ấy và nói rằng tôi làm thế là vì cô ấy. Cô ấy sẽ tự hào về tôi... Anh đừng quên đấy nhé!

– Tôi không quên đâu.

Chiếc xe lên đường. Họ nhìn theo chiếc xe xa dần trên con đường trắng. Machorka xuất hiện, môi chị ta động đậy; chị cầu nguyện.

– Dù sao cũng tốt đẹp, đó là một con người! – Zborowski lớn tiếng.

Ông luật sư đã hy sinh. Du kích phải rời bỏ các hầm ẩn núp và lùi sâu nữa vào phía trong rừng và mười lăm ngày sau khi vụ nổ xảy ra, họ chưa dám ra khỏi chỗ ẩn núp mới, trong những cái hồ đóng băng của Wilejka. Các đội tuần tiểu Đức càn quét các khu rừng nhưng tránh không đi sâu vào trong rừng đầy tuyết. Một vài con tin bị hành quyết ở Antokol: người ta nhắc tên họ, nhưng một ít lâu sau cũng quên đi. Các đội tuần tiểu còn càn quét đây đó một thời gian nữa nhưng tuyết thì dày, gió quất vào mặt và ngày thì ngắn. Bọn Đức vội nhường cánh rừng cho bão tuyết và định nhờ cơn gió lạnh trừng trị tội phạm đã gây ra vụ tấn công vào đoàn xe. Anh em Zborowski đi trinh sát, tuyên bố các cuộc lùng sục đã chấm dứt. Các đoàn xe Đức từ nay tránh khu rừng và đi xa về phía Nam, trên con đường Pinsk. Một buổi chiều người anh cả nhóm Zborowski ra khỏi rừng và đi về

Wilno. Cuộc hành trình rất nguy hiểm. Thành phố giới nghiêm từ bốn giờ chiều và những đội vũ trang rình chộp những người đi chậm ở các góc đường. Nhưng suốt hai mươi bảy đêm trải qua trong hố ao băng giá của Wilejka, Kazik thường nghe tiếng ông luật sư cầu khẩn, trong bóng tối “Anh hãy nói rằng tôi làm thế là vì cô ấy. Cô ấy sẽ hết sức tự hào! Anh đừng quên đấy nhé!”. Trên những vỉa hè của Wilno, băng vỡ rãng rắc dưới bước chân nặng nề của các đội tuần tiễu; những chùm ánh sáng bất ngờ quét trong đêm tối và những giọng ồ ồ, hách dịch vang lên như những phát súng: trong ánh sáng của những bó đuốc, những lọn hoa tuyết quay cuồng một lúc, giống như một đám ruồi nhặng bị chói mắt, và trở về trong đêm tối. Kazik men theo bức tường, núp vào bên trong cái cổng lớn khi có tiếng chân người. Vất vả lắm anh mới tìm thấy con đường và cái nhà. Anh đi lên tầng hai và quẹt diêm: “Luật sư Stanislaw Stachiewicz”. Anh bấm chuông. Anh nghe tiếng đàn ghita và giọng đàn ông hát tiếng Đức.

Kleine, entzuckende Frau

Bilte schau in der Spiegel genau...

Anh nghe tiếng chân nhanh nhanh - người nào đó chạy chân không trong phòng – và cánh cửa mở. Anh trông thấy một người đàn bà trẻ chỉ mặc đồ lót, mở tóc hung rối tung, một miếng thuốc trên môi. Kazik nghĩ: “Có lẽ bà Stachiewicz không có nhà và người đầy tớ gái đang vui đùa!”

– Tôi muốn nói chuyện với bà Stachiewicz.

– Chính tôi. Nói nhanh lên, tôi đi chân không.

Giọng đàn ông hát:

In der Spiegel da steht es geschrieben,

Du nust mich lieben,

Du Kleine Frau

Rồi tên Đức lên tiếng:

– Ai đấy, cưng?

– Em không biết. Anh ra mà xem, Fritz... Em lạnh quá!

Một hạ sĩ quan Đức xuất hiện trong hành lang, áo quần xộc xệch, kẹp cây đàn ghi-ta dưới nách. Kazik chỉ còn đủ thì giờ để nói:

– Ông luật sư đã bị giết chết.

Người đàn bà trẻ nhìn anh ta chăm chăm. Cô ta đưa tay cầm điều thuốc và phun khói ra lỗ mũi.

– Không? – Cô ta nói nhẹ nhàng. – Khi nào?

– Cách đây ba tuần.

Tên Đức đến gần. Nó có bộ mặt trẻ trung và cười cợt, tóc như bàn chải, dựng đứng.

– Cái gì thế, cưng?

– Không có gì cả, – người đàn bà trẻ đáp. – Chỉ có đôi giày em đưa đi sửa... Thôi xin chào, ông bạn!

Cửa lại đóng.

– Ôi, cưng!

Kazik nghe tiếng nói.

– Đôi chân bé bỏng của em lạnh cứng cả đây rồi!

Tiếng đàn ghi ta và tiếng tên Đức lại vang lớn:

Kleine, entzirkende Frau...

Anh ta cố gắng đi xuống cầu thang, hai chân mềm nhũn. Tiếng ông luật sư thì thầm bên tai anh: “Cô ấy còn quá trẻ, còn

quá ngây thơ. Một nữ sinh viên mà những vấn đề đáng quan tâm duy nhất chỉ là tính cách, tư tưởng... tâm hồn!” Anh bám chặt vào tay vịn để khỏi phải ngã. Anh nghĩ, “Lạy Chúa tôi, có phải chính Người đã sắp đặt? Làm sao Người có thể?”. Anh ta bị chóng mặt Anh ngồi xuống nặng nề trên cầu thang và bắt đầu nôn mửa.

XXVIII

Những cơn bão tuyết quét ngang qua những cánh đồng, cây cối vụn vẹo những cành trần trụi và đen đúa và mỗi buổi sáng, Janek lại thấy dưới gốc cây những con quạ chết vì lạnh cóng. Trong rừng, một bếp lửa tắt có nghĩa là có một người chết, cử động của những người du kích trở nên vụng về và đột ngột và đối với Janek thì luôn luôn có cảm giác là chân tay của mình đã kêu cọt két như những bánh xe rỉ.

– Lúc này, – Zosia nói, – em nghe tiếng chó sói hú gần ngay đây.

Dobranski và Janek cũng vừa từ rừng về trong tay đầy củi. Tuyết tan trên áo quần, trên mặt mũi của họ...

– Có cái gì đấy nó mới hú lên, – Doboranzki nói. Họ áp gần lửa đôi bàn tay rét cóng ngón tay nhăn nhúm.

– Mặc dù chúng đã quen, – Zosia nói. – Đó là nghề của chúng, sống trong rừng.

– Có lẽ con sói này bắt được một con gián, – Doboranzki mỉm cười. – Nó cũng chán cuộc sống và những con người... Tôi muốn nói, chán cuộc sống và những con sói...

Zosia nép chặt vào Janek.

– Con sói làm em khó chịu. Em nghĩ đến anh.

– Chỉ có một điều khác nhau, – Janek nói – đó là anh không hú lên.

Cậu ta thở dài.

– Không phải, anh thiếu ham muốn.

– Buồn ư?

– Không, nhưng anh căm ghét mùa đông. Anh căm ghét tuyết. Vào một thời tiết như thế này, người ta sẽ tin chắc rằng quả đất không phải hình thành cho con người và chúng ta ở đây chẳng qua vì lầm lỡ.

– Chúng ta ở đây vì ngẫu nhiên! – Dobranski nói, –điều đó trong trường hợp nào cũng đúng...

– Nghe kìa, – Janek nói.

Trên đầu họ, cơn lốc đang quất vào cây cối.

– Những cánh rừng, – Dobranski nói, – ở đây cũng chỉ vì ngẫu nhiên.

Tuy vậy, những cánh rừng đã dũng cảm và kiên nhẫn, từ hàng nghìn năm nay. Tại sao con người lại không như thế?

– Tôi căm ghét tuyết.

– Cậu không công bằng.

Dobranski ném mấy cành cây vào lửa và củi ứt rít lên như một con mèo nổi giận.

– Cậu bắt công đối với cô bạn gái của chúng ta.

Anh rút cuộn vở to tướng từ dưới áo va-rơ ra.

– Có mệt không?

– Có. Quá mệt nên không thể ngủ được. Đọc đi.

– Đầu đề: Trận tuyết tốt lành. Điều này xảy ra... ở ngoại ô Stalingrad.

Dobranski cười.

– Cậu thắng một bàn rồi đấy. Anh ta lên tiếng đọc...

Chúng nó cũng nghe tiếng sói hú trong rừng. Một thứ tiếng rên rỉ không dứt và đáng ghét, nhất là vào một đêm lạnh cóng, hóa đá như đêm nay.

“Nó sẽ chết vì rét,” tên lính Jodl nghĩ bụng. “Cũng như chúng ta... Cũng như chúng ta...”

Bốn mươi độ dưới không. Đội tuần tiểu Đức bị lạc trong tuyết Nga từ sáng đến chiều và máu của tám người như đóng thành nước đá. Tên trung sĩ Strasser đáp lại tiếng rên rỉ của con sói bằng một câu chửi rửa. Tên lính Grünewald nhận hơi thở của lão vào giữa mặt, nhưng lại biết ơn: nó đem lại một chút ấm áp.

“Những con sói!”, tên hạ sĩ Liebling lên tiếng giọng ô ô.

“Những con sói Nga,” tên lính Grünewald nghĩ bụng. “Người Nga, cũng như cái rét này nó trói chân tay anh, cũng như tuyết này nó sẽ vùi lấp anh, cũng như những khoảng không gian vô tận và trống rỗng này”.

Anh ta đã từng mong muốn được đi tham quan nước Nga. Đây là một đất nước xinh đẹp và thơ mộng với hàng ngàn chiếc xe ngựa kéo, lao nhanh trên những triền dốc trắng xóa, trong tiếng vang lạnh lạnh của những chiếc chuông nhỏ. Đây cũng là một đất nước đau khổ đang tìm cách nhấn chìm tâm hồn tràn trề của mình trong một điệu nhạc vô cùng buồn bã, ở đây chỉ những âm điệu kéo dài, cũng nói lên một sự vùng dậy ngán ngủi và sớm bị dập tắt, nói lên lòng ham muốn tràn đầy nhưng không bao giờ được thỏa mãn, một đất nước mà ở đây chỉ có những ước mơ là đáng kể và làm cho anh sống lại, ở đây những con người vĩ đại được đánh giá bằng những cơn mơ mộng và ở đây thực tế là

một điều xấu xa và không quan trọng được tha thứ với vẻ khinh bỉ lãnh đạm. Tên lính Grünewald biết nhiều về nước Nga... Các Sa hoàng và các xe tam mã, điện Kremlin và những đôi mắt đen Pouchkine, trứng cá, các Xô Viết, rượu vodka... Những tiếng đó luôn luôn đập vào trí tưởng tượng của nó, luôn luôn thức tỉnh trong tim nó một hồi âm lạ lùng, một ước mong không chế ngự nổi và mơ hồ.

“Hay là trong ta có dòng máu Nga”, nó sôi nổi nghĩ như vậy.

Bốn chục độ dưới không. “Thế thì ta đến đây để làm gì?” Tên lính Weniger lo lắng tự hỏi. Nó ngồi trong tuyết, phần nộ và ngay đờ, chân xoài ra. Bộ ria muối tiêu treo lủng lẳng trên mép. Bên cạnh nó, tên lính Woltke lấy bẫy.

– Địa ngục màu trắng!

Tên sinh viên Karminkel bất ngờ phát hiện. Ở đây không có lửa mà chỉ có tuyết vĩnh cửu. Linh hồn của những kẻ tội lỗi bị nhấn chìm vào trong băng giá. Và quỷ sứ có bộ râu trắng, nói tiếng Nga và giống như ông già Noel...

Đội tuần tiểu giống như một đàn súc vật bị cầm tù và đàn độn, co quắp lại trong đêm thù nghịch.

“Không nên phân tán,” tên trung sĩ Strasser nghĩ bụng. “Đại úy chắc sẽ cho người trượt tuyết đi tàn chúng ta”.

Trong rừng, con sói lại hú lên một hồi rên rỉ, một thứ tiếng ăng ăng dữ tợn và đứt quãng.

– Cái gì thế? – Tên binh nhì Schatz hỏi.

Nói thật ra, không người vào trong quân đội Đức gọi nó bằng cái tên này. Bạn bè của nó, hay cả cấp trên của nó nữa, cũng chỉ gọi nó gọn lỏn là “thằng ngốc”, thỉnh thoảng có người nào đó tốt

bụng hơn thì gọi nó là “thằng ngốc tội nghiệp” thế là người ta biết ngay muốn ám chỉ ai.

– Khăn quàng đỏ đấy! – Tên lính Jodl giận dữ đáp. – Nó đang lạc trong rừng và nó khóc. Nó sợ con sói to dữ tợn.

Strasser bắt đầu chửi rửa dài dài, thật lòng. Nó chửi rửa để khuấy động máu trong huyết quản của nó bằng một cơn giận dữ giả tạo, để kéo nó ra khỏi cơn hôn mê oan nghiệt đang xâm chiếm lấy nó. “Không, đó là tiếng của mùa đông Nga,” tên lính Grünewald nghĩ bụng một cách thiện chí, “của rừng cây, của thảo nguyên Nga. Tiếng của một đêm dài vô tận, của ngày ngắn và nhợt nhạt, giống như tia chớp lương tâm giữa hai giấc ngủ. Tiếng của một miền đất vô tận, của những con sông rộng như biển cả...”.

Ý nghĩ của chúng lần đi một cách mệt mỏi. Khập khiễng, yếu dần đi cũng giống như chúng nó lúc này đã lê bước trong tuyết đến ngang bụng.

“Thế thì ta đến đây để làm gì?”. Tên lính Weniger luôn luôn tự hỏi.

Câu hỏi này cứ quay cuồng không dứt trong đầu óc nó, giống như một đĩa hát loạn xạ quay trên một cái máy hát đã trục trặc.

“Tôi tên là Weniger, Karl Weniger. Tôi làm nghề bán thực phẩm: cửa hàng của tôi ở phố Gartenweg, số 32 tại Francfort trên sông Main. Tôi luôn luôn lo sợ những chuyến đi xa. Tôi có ba đứa con. Đứa đầu đã đi học ở trường. Tôi đến đây để làm gì? Xin cho biết.”

– Hừ... hừ... hừ...

Bên cạnh nó tên lính Woltke run rẩy, có vẻ đồng tình.

Đôi mắt của nó đã tắt. Nó không còn cảm thấy gì nữa. Từ lâu nó đã vượt qua cái mà cảm xúc của nó có thể chịu đựng được về mặt đau khổ. Thần kinh của nó đã chết. Thân thể như khúc gỗ. Người ta có thể lột da nó như bóc vỏ một củ khoai, nó không có cảm giác gì nữa. Không một ý nghĩ nào có thể tìm đường đi qua đám tuyết đã xâm chiếm đầu nó. Bởi vì đầu óc nó đầy rẫy những tuyết. Cũng khó mà nói là tuyết đã vào đó như thế nào nhưng sự thật chắc chắn là tuyết đã ở trong đầu nó. Hàng đông tuyết. Tên lính Woltke chắc trước kia thì sẽ ngạc nhiên nhưng trong trạng thái hiện nay thì nó không còn khả năng để ngạc nhiên nữa, cũng như không có một phản ứng nào vào loại như vậy, bởi bộ não của nó đã đóng băng dưới những đông tuyết. Chỉ có hai hàm răng là còn tiếp tục sống và cử động được do một sự phản xạ và không ngừng phát ra tiếng động khó chịu: “Hừ... hừ... hừ...”

Trong rừng, con sói ném ra tiếng hú và đêm bất chợt trở nên tối hơn, trời rét hơn và tên sinh viên Karminkel không biết nữa, có phải tuyết đã làm cho quả tim của nó băng giá hay tiếng kêu thất vọng hình như báo trước sự thất bại chắc chắn, sự huênh hoang của mọi mưu mô, sự để tang tiền định của mọi hy vọng của con người.

“Cái khăn quàng đỏ ư?” Tên binh nhì Schatz suy nghĩ. Những tiếng này chắc chắn nhắc cho nó nhớ một điều gì... nhưng mà là cái gì chứ? “A! một đứa bé,” nó bỗng nhiên nhớ ra. “Một đứa con gái bé nhỏ... Tôi đã nghe nói đến điều đó... đã lâu lắm rồi! Và em đó có lẽ đã mất tích trong rừng từ lâu lắm rồi...”

– Trung sĩ! – Nó nói, – tôi có thể đi tìm em bé ấy được chẳng?

– Đồ ngốc! – Strasser thì thầm với vẻ chán nản.

Nhưng tên lính Schatz tốt bụng lại không nghe tiếng chửi rủa. Nó cố gắng đứng dậy. Đứng thẳng trên đôi chân bất động

trong tư thế nghiêm đúng điều lệnh của nó.

– Thừa trung sĩ, cuốn “Sách giáo khoa của người chiếm đóng”, nhắc chúng ta rằng một người lính tốt phải quan tâm âu yếm trẻ nhỏ để có thể tranh thủ sự đồng tình và sự quyến luyến của nhân dân các nước bị chiếm đóng!

“Nó còn sức để nói!” Tên đội Strasser thầm nghĩ với vẻ khâm phục. Nó còn sức để tuôn ra những câu huênh hoang. Còn ta, trung sĩ Strasser, huân chương Chữ thập sắt thì lại muốn quy đến nơi! Có lẽ nó là tên sống sót duy nhất của nhóm chẳng? Có lẽ nó sẽ trở về ngày mai trình diện với đại úy, đứng nghiêm và báo cáo: “Tôi, binh nhì Schatz xin hân hạnh được báo cáo các ngài rõ là đội tuần tiễu gồm tám người dưới sự chỉ huy của trung sĩ Strasser đã mất tích và đã hy sinh vì rét. Tôi là người sống sót duy nhất”.

– Ngồi xuống! – Hắn hét lên.

Nó bỗng nghe tiếng thở hắt và giật mình quay lại: tên lính Jodl, ngủ mặt úp áp vào trong tuyết.

– Thức nó dậy!

Nhưng không ai động dậy. Những con người chỉ còn là những cái chấm bất động trong cảnh cô đơn bao la trắng xóa. Strasser bắt đầu lay tên lính Jodl, đập vào mặt nó, xoa bóp nó không phải để cho nó mà chính là để cho mình nóng lên. Cuối cùng tên lính Jodl mở đôi mắt ngơ ngác.

– Một đứa con gái! – Nó lắp bắp. – Một đứa con gái Nga rất đẹp!

Đã nhiều lần, hắn tự hứa với mình, trong những đêm dài cô đơn, là sẽ làm tình với tất cả con gái Nga, bất ngờ chinh phục được một cách dễ dàng. Nhưng trong đất nước trống rỗng này, nó không hề gặp một cô gái nào cả. Thế mà bây giờ nó tìm thấy

được một người đẹp, hết sức ấm, hết sức đáng yêu, nhưng bây giờ thì trung sĩ Strasser lại đang ra sức quyến rũ cô ta.

— Cô ấy là của tao! — Tên lính Jodl hét lên.

Hắn vùng vẫy. Hai người vật lộn. Cử động của chúng kỳ cục, chậm dần, như là chúng đang đánh nhau dưới đáy biển.

“Tôi đến đây để làm gì?” Tên lính Weniger luôn luôn tự hỏi. “Nghề của tôi là bán thực phẩm. Tôi bán gia vị, bán muối tiêu. Tôi không bán tuyết.”

“Hừ... hừ... hừ...” hai hàm răng của tên lính Woltke đánh vào nhau yếu dần.

Tên lính Grünewald bất chợt lo lắng không cảm thấy thân thể mình nữa. Hắn không thể phân biệt thân thể hắn với tuyết trong đó hắn đang ngồi chồm hổm, hình như thịt của nó và tuyết, cái thứ tuyết Nga lạ lùng này, đã trộn lẫn làm một, đã chảy tan thành một chất lai tạp, hết sức lạnh lẽo.

“Hay tôi chỉ là một người băng tuyết do bọn trẻ con đắp lên trong một sân trường ở Berlin?”

Cái lạnh đã dần dần cướp đi thân thể của nó, nó chỉ còn lại có ý thức mơ hồ là còn sống và những ý nghĩ mờ nhạt, manh nha đang quay cuồng trong đầu nó.

“Và mùa Xuân đến, những mầm non sẽ mọc lên khắp nơi và cả đất nước này sẽ trở nên xanh tươi. Thảo nguyên... Trời đẹp và nắng ấm... Đất đen... Những Sa hoàng,... Volga, Volga..., Nước Nga thần thánh... Quốc tế ca...”.

Trên trời rải rác những ngôi sao, nhưng đó chỉ là những ánh sáng thù nghịch, những miếng băng lung linh. “Rồi mây sẽ không thấy lạnh nữa!”. Có cái gì đó kêu lên trong đầu óc tên hạ sĩ Liebling, khi lạnh đã đến bốn mươi độ dưới không. Gần hắn, tên

sinh viên Karminkel cũng hết sức ngạc nhiên. Nó cũng sợ hãi, hết sức sợ hãi. Ở chỗ lúc này là một khoảng không gian không dấu vết, bây giờ nó trông thấy giáo sư Kurtler ngồi sau bục giảng, trong tất cả sự huy hoàng đáng sợ của một ngày khảo thí. Tên sinh viên Karminkel thấy phương pháp đó đặc biệt đáng ghét. Nó bị gọi nhập ngũ trước khi chuẩn bị thi tú tài, vì vậy nó không biết nhiều. Nó cũng thấy giáo sư Kurtler là vô nhân đạo và đã ném nó vào giữa đồng tuyết Nga. “Sinh viên Karminkel,” giáo sư nói, “tôi hỏi anh về địa lý”. Từ trên bục giảng ông hơi nghiêng mình và chỉ vào Karminkel với ngón tay soi mói: “Nào xem thử, anh biết gì về nước Nga?”. Anh sinh viên cố gắng, nhưng cũng chỉ có vài khái niệm thô sơ: “Sông Volga chảy vào Lý Hải,” anh lúng túng. “Nước Nga có một trăm sáu mươi triệu dân”. Hắn chỉ nhớ được vài mẫu để trả lời, những đoạn trích, không đầu không đuôi trong các cuốn sách giáo khoa và địa lý: “Vùng đất đen của Ukraine là một trong số những đất đai màu mỡ nhất của thế giới. Nước Nga trải dài từ Hắc Hải đến Bắc cực...”. Hắn dừng lại giữa chừng, đầu óc trống rỗng. Giáo sư Kurtler nhìn hắn vẻ đe dọa. “Đó là tất cả những gì anh biết về nước Nga sao, sinh viên Karminkel?”. Tuyết bắt đầu rơi. Ngay lập tức, tuyết biến thành những bóng ma và che khuất những ngôi sao. Người ta không thấy gì nữa và tất cả những nguy hiểm hình như tiến lại gần. Tên lính Jodl nhìn: cô gái Nga, cô gái Nga xinh đẹp của hắn với làm tóc trắng muốt. Ngồi trong tuyết, áo sơ mi vén lên, cô đang cởi giày và bít tất. Hình như cô không quan tâm gì đến cái rét chết người, cô lắc mớ tóc trắng và tiếp tục cởi nút tất, lẳng lơ và nóng bỏng. Tên lính Jodl, với nụ cười sàm sỡ trên môi, vội vàng đến bên cô. Hắn cũng nhanh nhẹn cởi giày, cởi áo quần, run rẩy vì bị kích thích...

– Thằng bé... đi điếm, – Strasser hỗn hển nói.

Tên lính Jodl cởi trần trong tuyết. Những lọn tuyết trắng rơi, càng ngày càng dày, Hai con người lại bắt đầu đánh nhau với những cử động của những người bơi đã kiệt sức. Nhưng tên trung sĩ Strasser thành lính bị tấn công. Từ phía sau, có ai đó khoèo chân hắn, kẹp hắn trong cánh tay sắt và đè lên ngực hắn. Strasser phải buông Jodl và để mặc hắn đi theo số phận của hắn. Nó cố gắng ngoài sức con người, vùng ra khỏi sự siết chặt và lao đảo đứng lên.

– Lạy Chúa lòng lành!

Nó trông thấy và hiểu hết. Nó thấy một con người tuyết khổng lồ với miệng, mũi, mắt làm bằng than đen. Hoàn toàn giống như những người tuyết mà nó đã gặp xưa kia, trên những vỉa hè của Marienstrasse, nhưng lớn hơn vô kể: người ta không thấy nó bắt đầu từ đâu và kết thúc tận đâu. Tên trung sĩ Strasser, huân chương Chữ thập sắt, không do dự. Bây giờ hắn biết hắn đã lạc đội tuần tiễu trong đêm. Như người Đức chân chính, hắn nhận sự thách thức. Hắn lao lên, tay nắm lại, la hét, theo lối Đức. Nhưng người khổng lồ tránh né. Ông biết rằng sẽ rất không xứng đáng để đi đánh nhau với một hạ sĩ quan Đức, đã được huấn luyện cẩn thận cho một cuộc chiến tranh xâm lược lâu dài. Ông lẩn tránh. Ông lợi dụng màu sắc và bản chất của mình để có thể ẩn núp lập tức và bình tĩnh đợi thời cơ thuận lợi hơn để lại tấn công. Hai tay nắm chặt của trung sĩ Strasser chỉ đụng phải tuyết. Nó đắm vào tuyết với những cú đắm hỗn loạn, lăn tròn trong tuyết, thất vọng và chửi rủa hết lời.

“Không nên thế... mình kiệt sức. Hắn chỉ đợi có thể để thắng mình... Đó là tất cả chiến thuật của hắn. Cái thủ chiến thuật Nga chết tiệt ấy!”

Những lọn tuyết không hình thù và không số quay cuồng vui vẻ trong không khí yên lặng. Chó sói hú.

“Không thể để cô bé ở đây...”, tên binh nhì Schatz nghĩ bụng. Hắn đứng lên và bắt đầu bước đi. Điều đó rất khó. Chưa bao giờ hắn phải vất vả đến như thế để đặt chân này lên trước chân kia.

“Thật còn gay go hơn là leo lên gác chuông nhà thờ Köln,” hắn suy nghĩ, vẻ mặt rạn rở. “Cô bé quàng khăn đỏ... Mình sẽ cứu cô ta.”

Tên trung sĩ Strasser ngẩng đầu lên và bỗng thấy trong sương mù, tên binh nhì Saito đang lao đi về phía rừng, cách hắn độ mười thước.

– Dừng lại! – Hắn hét lên.

Hắn muốn đứng dậy, tên lính Schatz là một thằng ngốc nhưng dù sao thì nó cũng là thành viên của nhóm này và trung sĩ Strasser, đứng trước nước Đức, phải chịu trách nhiệm về đời sống của nó. Hắn muốn đứng dậy, nhưng vào ngay lúc đó, một người nào đấy đã nhảy chồm ngồi bên lưng hắn và muốn quật hắn xuống đất. Tên trung sĩ Strasser cố trụ lại và lập tức biết rằng cái đồng trống xóa sẵn sàng vùi dập nó... “A! Lão già!” Hắn lao vào tấn công. Nhưng tên khiêu khích hèn nhát đã biến mất và trốn vào trong màu trắng của quê hương nó...

Tên sinh viên Karminkel cố gắng thêm một lần nữa.

— Sao, đó là tất cả những gì anh biết về nước Nga ư? — Giáo sư Kurtler nhắc lại với một nụ cười thám hiểm trên môi.

— Ukraine là vựa lúa của nước Nga, — anh sinh viên đáp ứng. — Những hầm mỏ Nga, than và sắt, đều nằm dưới dãy núi Ural và dầu hỏa ở Caucase. Những nhà máy lớn nhất thế giới nằm ở Dnipropetrovsk. Ở Crimée là mùa xuân vĩnh viễn. Lòng đất Nga giàu có không thể nào so sánh được.

Miệng cười của giáo sư Kurtler mở rộng.

– Anh đã nói xong chưa, sinh viên Karminkel?

– Sông Volga chảy vào Lý Hải, — anh sinh viên lấp bắp một cách ngu ngốc.

– Thế thì tôi rất tiếc phải nói rằng anh đã quên cái chính, sinh viên Karminkel.

Anh sinh viên ngược nhìn giáo sư với vẻ sợ hãi và cầu khẩn.

– Anh hoàn toàn đã quên nhắc đến TUYẾT, sinh viên Karminkel.

Tên binh nhì Schatz đã đi đến rừng thông. Nó hết sức sung sướng, bởi vì nó cảm thấy không thể đi thêm một bước nào nữa. Tay chân nó đã mềm nhũn ra không còn vẻ của con nhà lính nữa và rõ ràng là đã từ chối không tuân lệnh nữa.

– Đứng trước! Bước! Tên lính Schatz, nghiêm khắc ra lệnh.

Nhưng mặc dù đã hai mươi lăm năm nay làm việc rất tận tụy và trung thành, nhưng bây giờ tay chân của nó đã ngoan cố giữ vẻ bất động đáng nguyên rủa.

– Hội đồng quân sự! Tên lính Schatz kiên quyết hét lên. Và chân phải của nó vì quen tuân theo kỷ luật hoặc vì sợ hãi do bị đe dọa, chậm chạp đứng dậy và bước tới trước sáu mươi lăm phân, đoạn dài đúng với điều lệnh khi hành quân.

– Khá, chân phải! — Tên lính Schatz khuyến khích. — Tiếp tục. Ta sẽ đề nghị cho anh được thưởng huân chương

Đầu óc của nó đã hoàn toàn rời tung. Nó đứng dậy, không bảo vệ, chỉ là một con bù nhìn cắm trong tuyết. Nó cảm thấy hơi thở của nó đã kiệt, tim nó dừng lại và sự sống đã từ già nó mặc tất cả những điều lệnh quân sự. Sự sống đã bỏ nó, thoát khỏi máu của nó, khỏi những lá phổi đã hóa đá của nó...

— Bỏ vị trí trước quân thù! — Tên lính Schatze thử quở mắng nó. — Điều mày đang làm đó là hết sức nghiêm trọng. Sự sống...

Nhưng sự sống vẫn tiếp tục đào ngũ không thương xót. Nó cố thử nhớ lại nó đã đến trong rừng này để làm gì. Cái khăn quàng đỏ bé nhỏ... Trong một cố gắng cuối cùng, nó nhìn chung quanh và rõ ràng nó trông thấy những con mắt sáng lên trong đêm tối với một ánh lửa đầy nhẫn nại dữ tợn. “Một người lính Đức... chân chính. phải bảo vệ.... những trẻ nhỏ... để tranh thủ khôi phục và cảm tình... của các dân tộc bị xâm lược...”, những con mắt xanh tiến đến gần, cảnh giác, nhưng sự sống, đời sống Đức của nó thì đã quên mất bộ quân phục mà nó đã mặc và hai mươi lăm năm trung thành với truyền thống quân sự vinh quang, nó đã đào ngũ: nó đã hèn nhát bỏ vị trí và để mặc thân thể bằng giá và từ nay không còn cảm giác gì nữa của tên binh nhì Schatz trước quân thù thêm khát.

— Đúng, — giáo sư Kurtler nói, — anh đã đơn giản quên mất TUYẾT, sinh viên Karminkel. Chính tuyết là tài sản chính của nước Nga và đem lại cho đất nước này tính cách dân tộc. Chính Tuyết đã che giấu và bảo vệ tất cả những của cải khác mà anh đã kể ra không hết, sinh viên Karminkel. Chính Tuyết đã bảo vệ dầu hỏa và sắt, vàng và than và đất đen của nó, thứ đất màu mỡ nhất trên quả đất này. Chính Tuyết, từ hàng thế kỷ nay, đã đẩy lùi những kẻ xâm lược muốn cướp lấy những của cải của nó và đã siết chặt không thương tiếc cánh tay trắng của nó quanh các xác chết của kẻ xâm lược. Anh chỉ đơn giản quên có TUYẾT, sinh viên Karminkel.

— Tôi có rất ít thì giờ để chuẩn bị thi, thưa giáo sư!

Anh sinh viên cầu khẩn.

Giáo sư Kurtler nguệch ngoạc cái gì đấy vào cuốn sổ tay của ông.

– Tôi rất tiếc phải báo cho anh biết là anh đã bị từ chối không được dự vào khóa thi, sinh viên Karminkel. Nhưng chúng tôi sẽ cho anh một cơ hội hạng nhất để anh có thể nghiên cứu tuyệt. Có thể nghiên cứu Tuyệt Nga một cách hoàn hảo hơn. Cách giáo dục tốt nhất là giáo dục thực tiễn. Chúng tôi sẽ đưa anh đi xâm lược nước Nga, sinh viên Karminkel!

– Tôi từ chối! — Anh sinh viên hét lên, — tôi từ chối! Ngài giáo sư!

Nhưng đã quá chậm, đã hết sức quá chậm đối với anh sinh viên Karminkel. Nó đã bị gọi trình diện trước một vị giám khảo khác quan trọng hơn nhưng gần gũi với lòng trắc ẩn hơn giáo sư Kurtler. Tuyệt tiếp tục phủ lên thân thể bất động của nó. Hàng ngàn hoa tuyết vui vẻ quay quanh nó, đậu lên đôi mắt thủy tinh và đôi môi xanh nhợt của nó. Chỉ còn thiếu một chút, có lẽ đó là một điệu nhạc êm dịu, giọng hát Di-gan, để làm cho buổi lễ hoa Tuyệt Nga đáng yêu này thêm phần vui vẻ hơn nữa... Tên lính Grünewald muốn đưa tay ra để nắm lấy “Cơn tuyết tốt lành. Những lọn hoa tuyết nhẹ và quay cuồng... Giống như những cuộc ném hoa giấy trong ngày đại lễ mùa đông... Đất nước xinh đẹp, nước Nga, thua ngà... Rượu tốt ka, điện Kremlin. Những đứa trẻ lao xe trượt từ trên đỉnh đồi... trứng cá... Tiếng chuông nhà thờ lạnh lạnh...”

Bốn mươi độ dưới không. Tên lính Johl cuối cùng đã hoàn tất cuộc chinh phục khoái lạc của nó. Nó đã tiếp cận cô gái Nga của nó, con người đẹp lẳng lơ với làn tóc trắng, kẻ quyến rũ lâu đời của hàng triệu kẻ chinh phục. Nó nằm sấp trần trỗng, ôm chặt băng tuyết. Người đẹp siết chặt kẻ chinh phục mình và cắn lên đôi môi cứng đờ của hắn một chiếc hôn đặc thẳng. Bên cạnh,

tên lính Weniger không đòi hỏi gì nữa và hai hàm răng của tên lính Woltke cũng thôi không run rẩy nữa. Tên hạ sĩ Liebling cũng không thấy rét nữa.

Chính lúc đó thì tên trung sĩ Strasser quyết định phải lập lại trật tự.

– Đứng lên! — Hắn hét lên hoặc đúng hơn hắn tưởng hét hét lên nhưng thật ra không có một tiếng nào vọt ra môi của hắn.

Bây giờ hắn ngẩng nhìn ngơ ngác và thấy ông già tuyệt đứng ngay trước mặt hắn, chế ngự hắn bằng tầm vóc khổng lồ của ông. Nhưng lần này tên trung sĩ Strasser không lao vào tấn công nữa. Là một người lính Đức chân chính, hắn biết chịu nhận nhục và thừa nhận sự thất bại của mình. Hắn gỡ chiếc huân chương Chữ thập sắt, gắn lên ngực người khổng lồ, đặt nó lên tuyết và nói:

– Ông xứng đáng với nó hơn tôi.

Và cũng chính vào lúc đó, ông già tuyệt nhảy xổ vào hắn, không thương tiếc, và linh hồn tên trung sĩ Strasser đập gót chân, đứng nghiêm và bước đi lạch bạch qua những khoảng không gian vô tận, tay giơ thẳng để chào vị lãnh tụ của những linh hồn Đức đang sốt ruột chờ đón hắn ở cửa Thiên đàng của những chiến binh Đức xa xưa... Một nụ cười sung sướng nở trên môi của tên Đức Grünewald. Lúc bấy giờ nó là đối tượng của một cuộc tiếp đón long trọng. Nhẹ nhàng, nó bước xuống một chiếc thuyền nhẹ trôi trên sông Đông êm đềm, nhân dân Nga, toàn thể nhân dân Nga.

– Người Kalmiks, người Kirghizes và người Géorgiens vùng Caucase, những người Codak vùng Zaporoje và dân miền núi Uzbek, và những người Ukraine, người Tartare, và nông dân Sibérie, người Do Thái, người Kurde, cả hai mươi bảy dân tộc

đều có mặt và hoan hô hân hoan một cách man rợ. Ôm đầy hai tay, hân ném hàng ngàn, hàng triệu hoa giấy, cái thứ hoa giấy Nga, trắng và lạnh, quay cuồng..... Và họ ăn hàng tấn, hàng tấn trứng cá, và họ uống hàng thùng hàng thùng vodka chúc sức khỏe của người chinh phục mới, và tất cả họ đều hát theo một giọng “*Những đôi mắt đen*” và chào mừng hân. Và những Sa hoàng - tất cả những Sa hoàng — và Boris Godounoff, kẻ tiếm ngôi, và Ivan, người khủng khiếp, với tướng lĩnh của nó. và Pierre Đại đế cũng như tất cả các vị vua khác đã kéo nhau từ Kremlin đi ra để hoan hô và cười khi hân đi qua và cả Lenin nữa cũng từ lăng mộ trốn ra, và tất cả nhân dân Nga vĩ đại, một trăm sáu mươi triệu người đều có đây và chỉ chờ anh Đức Grünewald - Grünewald kẻ chinh phục, – Grünewald Huy hoàng, và họ cười như nắc nẻ, cười không dứt, ôm lấy sườn và đâm vào bụng, họ vui đùa vô hạn và ném vào mắt, vào mũi, vào họng hân những chùm hoa giấy Nga đẹp, trắng và băng giá, quay cuồng và dần dần trùm lên người hân làm cho hân ngạt thở và hết thở. Và giọng cười to lớn và kéo dài của họ vẫn vang lên không thương tiếc... Và sông Đông êm đềm vẫn chảy hết sức sức nhẹ nhàng... Và tuyết cũng tiếp tục rơi hết sức dịu dàng. Và trong sự im lặng tuyệt đối và có tính chất sùng đạo, tuyết làm tròn nhiệm vụ lịch sử của nó một cách êm dịu. Tuyết chôn lấp những kẻ xâm lược, một cách cẩn thận, lãnh đạm và bình thản. Không tham vọng cũng không vội vàng vô ích... Những lọn tuyết, nhẹ và không sờ được... Tuyết. Tuyết tốt lành.

XXIX

Một buổi sáng, Pech đến chỗ ẩn núp của những người du kích, hết sức xúc động. Anh muốn gặp Krylenko. Anh đến để nói với ông về người con trai của ông. Người ta đồn rằng người con trai của Krylenko là một vị tướng của Hồng quân, nhưng không bao giờ nên nói đến tên vị tướng ấy trước ông già Ukraine. Nếu hoặc ngẫu nhiên hoặc lấu cá mà người nào đó đề cập đến đề tài khó nói này thì Krylenko trở nên lảm lì và rít lên Svototch* giữa hai hàm răng.

Đồ đê tiện!

Người đối thoại với ông sẽ ngạc nhiên và nói: Nhưng Savieli Lvovitch, chắc chắn con trai bác là một người tài giỏi nên nhân dân mới nhận xét ông ấy xứng đáng với một chức tước cao như vậy.

Svototch! Ông già nhắc lại, hơi lên giọng hình như để cảnh cáo và nhìn thẳng chằm chằm vào người đối thoại hình như để mời ông ta cũng chia sẻ những vinh quang của sự nguyên rủa.

– Nhưng sao lại thế được, Savieli Lvovitch?

– Thế còn từ nào xứng đáng hơn đối với một người đã giao bỏ nó cho quân thù?

– Chắc chắn là thế nhưng ông ấy có bao giờ giao bác cho quân thù đâu, Savieli Lvovitch?

– Nó đã giao tôi cho quân thù. Tôi nói: Đồ dê tiện!

– Thôi bác đừng cáu nữa, Savieli Lvovitch.

– Tôi không cáu đâu, đồ chết dịch!

– Thôi được, Savieli Lvovitch, một khi bác đã cho rằng...

– Thì có từ nào xứng đáng hơn với một người đã bỏ làng của bố nó cho quân thù?

– Có thể ông ta không thể nào hành động khác hơn?

Đến đây ông già nổi giận, đỏ mặt tía tai, dứ dứ nắm đấm vào mũi người đối thoại và rung rung một cách chậm chạp những nguy hiểm bộ ria mép vểnh ngược:

– Cái gì đây?

– Một nắm đấm, thưa bác Savieli Lvovitch!

– Thế anh, trước khi bị giết, anh có nhường làng của bố anh cho quân thù không?

– Không.

– Chắc không?

– Chắc.

– Anh có thể trước mồ của bố anh như thế không?

– Nhưng, Savieli Lvovitch, ông già tôi còn mạnh khỏe, xin cảm ơn bác nhiều.

– Cứ thế đi.

– Tôi xin thề!

– Được. Nhưng anh phải nhớ điều đó, trường hợp trở thành một vị tướng.

– Chắc chắn là tôi sẽ nhớ, Savieli Lvovitch. Tôi có thể đi được rồi chứ?

– Bởi vì ai biết được đâu đây. Bất cứ tên cha căng chú kiết nào cũng có thể trở thành một vị tướng. Người ta thật đã khéo phong cho Mitka lên chức tướng.

– M... Mitka nào?

– Thì chính là thằng con lão. Đồ chết dịch! – Krylenko hét lên, bộ ria mép lập tức vểnh lên! – Lão đã nói với anh điều đó hai chục lần rồi. Lần sau mà anh còn quên...

Nhưng, với cuộc đàm thoại vào loại đó thì nói chung không bao giờ có “lần sau” nữa. Lúc đầu, những người du kích chỉ tin tưởng rất hạn chế vào câu chuyện của Krylenko. Sau lưng ông, người ta cho đây chỉ là “câu chuyện để ngủ đứng”. Nhưng một ngày kia, với vẻ ghê tởm sâu xa, ông lão đó rút từ túi ra một tấm ảnh đã nhăn nhúm, cắt trong tờ “Sự thật” những người biết tiếng Nga, những cựu chiến binh của hai cuộc chiến tranh độc đầu đề: “Vị tướng trẻ nhất của hồng quân, Thiếu tướng Dimitri Krylenko”. Con người Ukraine này vốn làm nghề đóng giày trong một cái làng nhỏ tí xiu Riabinnikovo. Con trai ông đã trốn khỏi nhà lúc mười hai tuổi, sau một cuộc cãi lộn âm ỉ anh ta cho bố biết là anh muốn “học hành trở thành một con người nào đó”. Trong vòng mười bảy năm ông già không nghe nói đến người con trai, nhưng vào đầu cuộc chiến tranh, người làng Riabinnikovo báo tin cho ông biết là Mitka đã được phong thiếu tướng của Hồng quân và có ảnh trên trang nhất của tờ Sự Thật. Ông già hết sức hài hước nói: “Học hành và trở nên một con người nào đó – Thiếu tướng!” Ông lẩm bẩm với vẻ ghê tởm làm cho nụ cười của ông bạn cô-dắc Bogoroditza được ông thưởng cho một đôi bốt, sớm tắt ngấm trên khuôn mặt khổ sở của ông ta. Tuy vậy ông lão cũng chưa vừa lòng và nhắc lại cấp bậc hạ sĩ

của mình từ ngày cách mạng, ông đã xin nhập ngũ. Làng Riabinnikovo nhận được của ông vài bức thư trong đó nói “ông vẫn khỏe mạnh” và đồng thời cũng cho biết thiếu tướng Krylenko đã được thưởng huân chương Lenin vì công lao phòng thủ Smolensk. Cuộc gặp mặt đầu tiên giữa ông bố với người con, sau mười bảy năm xa cách, đáng tiếc là một bi kịch. Ngày hôm đó, người con trai ông thợ giày ngồi trước một tấm ván gỗ thông dùng thay bàn làm việc và nghiên cứu một tấm bản đồ.

“Đây... là sư đoàn hai mươi. Rinbinnikovo!” Cho đến lúc đó đối với anh, Riabinnikovo cũng chỉ là một điểm nào đó trên đất nước Nga, cũng giống như hàng trăm điểm khác mà anh có nhiệm vụ phải tổ chức phòng thủ. Nhưng giờ đây... “Ông già!” Anh nhún vai. “Riabinnikovo đất cứng, rừng thông ở phía nam... Xe tăng sẽ đi qua đây dễ dàng. Sư đoàn hai mươi lại không đủ súng chống tăng. Điều đó có nghĩa phải bỏ Riabinnikovo và rút lui về phía đông.” Anh cầm lấy bút chì và cẩn thận vạch ba mũi tên về phía sông và một nửa vòng tròn, cách hai chục cây số về phía Đông Riabinnikovo.

Anh cầm lấy một tờ giấy, viết lệnh rút lui bất chợt nghĩ đến, với nỗi lo sợ thực sự. “Ông già lại sắp quất tháo đây!”. Anh thở dài, bước sang bàn người trợ lý và cũng là bạn thân, trung tá Loukine, đưa lệnh rút lui và quay về ngồi sau tấm ván gỗ thông. Người cần vụ bước vào phòng, dập gót chân, chào. Anh vừa mở miệng thì cũng chính vào lúc đó, người ta nghe tiếng oang oang, kèm theo những lời văng tục, và ông già Krylenko đi lùi vào trong phòng. Anh lính gác đuổi theo, lười lê cầm đầu súng.

– Bố! – Thiếu tướng lên tiếng.

Nhưng ông già không chú ý gì đến con trai mà chỉ tập trung hoàn toàn vào người lính gác.

– Anh không thấy phù hiệu sao? – Ông gắt.

– Sao? Ngủ được chứ? Anh thì đừng hòng bao giờ mà có được!

Ông xỉ mũi và quay về phía người con trai. Anh Krylenko trai trẻ bây giờ mới định thần. Anh ra hiệu cho anh lính gác và anh cần vụ lui ra. Ông già đặt hai tay lên háng, hơi nghiêng về phía trước và quan sát tác phẩm của mình từ trên xuống dưới, với vẻ nghi ngờ.

– Sao, có thật không. Mitka? Người ta đã phong tướng cho mày à?

Mitka nhìn xuống và giữ im lặng, vẻ biết lỗi.

– Sao? – Bất chợt ông già hét toáng lên. – Mày đón tiếp bố mày thế hả, đồ chó đẻ? Đất thì đặt trên ghế còn cái miệng thì như lỗ tròn gà mái? Tao đánh mày chưa đủ phải không? Và mày cũng đừng tưởng là đã quá chậm?

Nắm đấm to tướng, đầy lông lá, đặt dưới mũ thiếu tướng Krylenko.

– Hả?

Cửa phòng thông sang phòng bên cạnh mở và trung tá Loukine thò cái đầu sợ hãi vào.

– Bố tôi! – Anh Krylenko trai trẻ vội nói nhanh, như giải thích.

Cửa được đóng lại ngay. Anh Krylenko quay về phía bố và nói với vẻ xoa dịu:

– Thôi bố đừng hét tướng lên như thế nữa. Bố sẽ làm cho mọi người tưởng có báo động. Tất nhiên, con rất sung sướng được trông thấy bố...

Hạ sĩ thợ giày Krylenko ngồi đằng hoàng vào ghế bành đặt sau bàn làm việc của thiếu tướng.

– Hừ! Hừ! – Ông cần nhần.

Ông nhìn xoi mới vào ngực con trai,

– Cái gì thế? – Ông nghiêm khắc hỏi, tay chỉ vào huân chương Lenin.

Anh Krylenko trai trẻ đỏ mặt, bối rối. Anh cảm thấy khổ sở và thất vọng. Anh nhìn ra chỗ khác, với vẻ biết lỗi. “Hình như ông già cho là mình ăn cắp không bằng”.

– Không có gì cả, bố ạ. Đây là phần thưởng ở Smolensk mùa hè năm ngoái... Một cái gì giống như vậy!

– Một cái đi giống như vậy! – Ông già Krylenko nhại lại, vẻ giận dữ. – Thế tại sao người không đeo mề đay Lenin cho mày, khi mày còn ở đây? Tại sao? Đồ không ra gì!

– Nhưng...

– Câm mồm!

Nắm đấm đầy lông lá lại tiến lên, phía trên tấm ván gỗ thông.

– Cắt ngay cái đó đi.

Chàng trai Krylenko nhanh chóng gỡ huân chương và cho vào túi.

– Bố đừng bực bội... vào tuổi bố...

– Vào tuổi tao thì sao? Tao vẫn còn là một chiến binh ở mặt trận, còn này mới hăm chín tuổi, mày chỉ là một tên cạo giấy ở địa phương. Phải thế không?

Ông khạc nhổ, làm bộ nôn mửa, và giơ chân ra.

– Kéo đôi bốt ra cho tao!

Chàng trai Krylenko đến gần bố, quay lưng về phía ông, nắm lấy một chiếc bột và kéo ra, trong khi ông bố dựa vào lưng con trai.

– Tao muốn uống trà, – ông già quyết định. – Bảo đem đến một ấm trà đây!

Thiếu tướng gọi cần vụ. Người cần vụ vào, dập gót chân, chào và liếc nhìn, miệng há hốc, ông hạ sĩ đã cởi bột, đang ngồi chễm chệ sau bàn thiếu tướng.

– Cho trà đây!

Anh cần vụ dập gót chân và lão đảo bước ra. Ông già Krylenko xoa hai tay và nhìn vào bản đồ.

– Riabinnikovo! – Bất chợt ông phát hiện, với sự vui sướng của trẻ con, ông đặt ngón tay to tướng và bắn thủ của mình lên bản đồ. – Thế còn cái vành mỏng ngựa này là cái gì?

– Đây là những vị trí bố phòng mới của quân ta. Con đã ra lệnh bỏ Riabinnikovo và bố trí lùi...

Chàng trai Krylenko, dừng lại. sợ sệt. Đôi ria mép của ông già lập tức vênh lên và rung rung giống như một cánh rừng dưới cơn gió. Đôi mắt của ông nhìn lại dữ tợn và những tiếng rít ngắt quãng, giận dữ từ lỗ mũi thoát ra. Ông đứng dậy chậm chậm, nghiêng về phía trước.

– Thế nào?

– Không nên nhận định vấn đề đó theo quan điểm quá cá nhân, bố ạ!

– Mà không bảo vệ Riabinnikovo à? Riabinnikovo của chúng ta?

– Bố... bố nghĩ xem, quân địch ở đây có cả một sư đoàn thiết giáp mới toanh, còn con thì không có súng chống tăng.

– Không súng chống tăng? Không súng chống tăng? Thế mà mày làm gì với những khẩu súng khác mà nhân dân đã giao cho mày? Mày đã bán độ để uống rượu phải không? Hay là mày đã thua bạc hết rồi?

– Kìa, bố...

– Đồ đê tiện? – Ông già hét lên giọng lạc hẳn đi. – Các đồng chí ơi! Cứu tôi với! Hãy bắt nó đứng vào chân tường! Bắn nó đi! À mà khoan đã, các đồng chí đợi cho một chút.

Với vẻ nhanh nhẹn lạ lùng, ông nhảy lên, xách tai đứa con trai và xoắn lại...

– A! – Thiếu tướng Krylenko đau quá, kêu lên. – Bố thả con ra!

– Nó nở bỏ Riabinnikovo, ông già chì chiết. Năm mươi năm tôi đã sống ở đây, đã lao động, đã đổ mồ hôi... Không một cái chân nào mà tôi không đóng giày cho! Cái làng của chúng ta mà nó bỏ cho quân địch, không một tiếng súng! Rồi Stiopka Borogoditza sẽ nói gì? Và Vatrouchkine. Và Anna Ivanovna? Mitka Krylenko đã bỏ cho quân thù làng nước quê hương của họ! Ôi con với cái!

Nghe tiếng la, anh lính gác vội lao vào phòng giường cao lười lê, nghĩ rằng có lẽ người ta đang ám sát thiếu tướng của mình. Anh trông thấy ông hạ sĩ già rách rưới, chân trần, vừa khóc vừa xách tai thiếu tướng – và thật lạ lùng! Ông thiếu tướng không hề tìm cách chống lại. Điều đó thật quá đáng đối với anh lính gác. Anh dụi mắt và bước ra khỏi phòng, hình như địa ngục trống rỗng và tất cả quỷ sứ đều theo chân anh ta... Chàng trai Krylenko cuối cùng cũng giải thoát được lỗ tai và chạy núp phía sau bàn.

– Con đã ra lệnh! – Anh cố giải thích. – Người ta không thể tiến hành chiến tranh theo ý muốn chủ quan... Và con đã nói với

bố là con không có súng chống tăng.

– Súng chống tăng? Súng chống tăng! Thế còn lưỡi lê để đâu? Chẳng lẽ để cho chó dùng?

– Bố!

– Quỷ tha ma bắt mày đi! – Ông già Krylenko sáp lại. – Riabinnikovo bị bỏ rơi, không một tiếng súng, không một người lính nào chết trên đường làng.

Đột ngột ông không nói nữa và đứng lên.

– Thôi được! Tao sẽ cho mày thấy, tao, Savieli Krylenko, một người công dân chiến đấu như thế nào! Tao sẽ đi Riabinnikovo! Tao sẽ bảo vệ Riabinnikovo một mình. Với ngực của tao! Với đôi tay của tao! Tao không cần đến mày nữa... Đồ súc vật!

Ông xắn tay áo và hùng dũng bước ra cửa.

– Bố! Thế còn trà? – Mitka lúng túng.

Ông già Krylenko quay lại và lặng lẽ nhổ xuống chân con trai.

– Tao đếch thèm đến nước trà của mày? Và cả những cái khác nữa. Tao không muốn phải bị đầu độc! Một người dám bỏ quê hương làng nước của mình thì cũng dám đầu độc cha của nó lắm!

Ông bước ra và người ta còn nghe tiếng ông chửi rủa xa dần. Krylenko trai trẻ còn lại một mình trong phòng. Anh rút khăn và lau trán: “Có phải tôi đang mơ hay không?”. Anh liếc nhìn quanh với cặp mắt không chắc chắn và nháy lên. Ở giữa phòng rõ ràng là có một đôi bốt gần như mới tinh, được đánh bóng kỹ... “Ông ấy đi chân không!” Anh xách đôi bốt và vọt ra khỏi nhà. Anh chạy như phi độ trăm thước, trong tuyết, tay xách đôi bốt và gọi một người lính.

– Cậu có thấy một ông hạ sĩ đang giận dữ, với đôi ria mép và đi chân không qua đây không? – Anh hỏi một mạch, giọng nghiêm khắc.

Anh lính khốn khổ nhìn thiếu tướng Krylenko, vị thiếu tướng Krylenko nổi tiếng như cồn, đứng thở hổn hển trước mặt anh, tay xách đôi boots, miệng mở to và có tiếng kêu yếu ớt thoát ra từ cổ họng. Nhưng Mitka không còn đẩy nữa. Đôi boots cầm tay, anh chạy nhanh về phía bóng người lão đảo đi xa dần trong tuyết, phía đằng kia, dọc theo con sông đóng băng...

Ông già đi đến làng Riabinnikovo đúng lúc để gặp ở chỗ họp chợ, bọn lính Đức cũng cũng tiến vào làng từ phía ngược lại. Krylenko trở nên nhột nhạt, nhìn một lúc tên thiếu tá Đức đang đứng thẳng trên chiếc xe tăng của hắn, và rồi ông đến gần:

– Vì Tổ quốc liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết...

– Cái gì? Cái gì? – Tên thiếu tá lo sợ.

– Hắn chào mừng ngài, – tên đại úy giải thích.

– A! Chào mừng. Tốt! Tốt! – Tên thiếu tá tỏ ra vui vẻ.

Ông thợ già đóng giày nín thở và nhổ mạnh xuống chân tên Đức.

– Vì Tổ quốc liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết. – Ông nhắc lại.

– Đưa nó đi! – Tên thiếu tá sửa lên, người trắng bệch vì giận dữ.

Ông già được đưa đến một trại tập trung ở Ba Lan với tất cả những nghi thức dành cho cấp bậc của ông ta, nghĩa là trong một toa xe chở súc vật. Đến Molodeczno, ông trốn được, đi bộ liên bốn mươi tám tiếng đồng hồ, rồi ngất xỉu nhưng may gặp được người trẻ nhất trong nhóm Zborowski tìm thấy và săn sóc.

Khi Pech đi vào hầm ẩn núp thì Krylenko cũng đang bắt rận.

– Chúc đi săn may mắn! – Pech nói.

– Cảm ơn!

– Savieli Lvovitch, – Pech bắt đầu nói, rụt rè, Và anh ngừng lại.

– Cái gì.

– Không có gì cả.

– Thế thì im đi!

Ông tiếp tục lục tìm gì trong áo da cừu rồi ngồi lên một đồng củi.

– Savieli Lvovitch! – Pech lại bắt đầu.

– Cái gì?

– Bác đừng cáu...

Krylenko trịnh trọng đặt chiếc áo da cừu sang một bên và nhìn Pech.

– Mà nghe đây, nếu mày có điều gì cần nói thì nói ngay đi. Và nhớ nói xong thì đi chỗ khác.

Pech làm cho cục hàu ở cổ động dậy và bắt đầu:

– Con trai bác, Savieli Lvovitch...

– Đồ đê tiện! Ông già Ukraine lập tức cắt ngang. Nhưng dù sao thì Pech cũng phán đoán được một tí quan tâm trong ánh mắt của ông. Anh vội vàng nói tiếp:

Hôm qua Bolek Zborowski đã nghe tin tức Moscow, con trai bác, Dimitri Krylenko, đã được tặng thưởng danh hiệu “Anh hùng Liên xô” vì công lao đóng góp vào việc giải phóng Stalingrad.

Bộ mặt của ông già trở nên xám ngắt hơn bộ ria của ông.

- Bác đừng câu! – Pech vội vàng nói.
- Mà có chắc không? – Krylenko hỏi.
- Chắc, bác Savieli Lvovitch, Bolek Zborowski cũng nghe nói thế, ở Wilno.
- Thế nó đâu rồi?
- Anh ta ở ngoài kia. Anh không dám nói thẳng với bác, nhưng nếu bác muốn...
- Đi tìm nó vào đây.
- Pech vọt ra như một con thỏ và lập tức quay lại với người trẻ nhất trong nhóm Zborowski. Anh này có vẻ đã yên tâm.
- Nói đi! – Krylenko hét lên. – Mà còn nhớ gì nữa?
- ... Anh hùng Liên Xô! – Bolek vội nói. – Vì đã tham gia giải phóng Stalingrad.
- Mà có chắc không?
- Chắc, bác Savieli Lvovitch. Họ nói rõ tên: Thiếu tướng Dimitri Krylenko.
- Tao không hỏi mày điều đó, đồ con lừa! Có phải họ nói đúng đã giải phóng Stalingrad? Họ nói đúng: Giải phóng không?
- Giải phóng, Savieli Lvovitch! Và họ nói thêm: thiếu tướng Dimi...
- Đồ đề tiện! – Ông già Krylenko lạnh lùng cắt ngang. – Điều đó không dính dáng gì đến tao.
- Sao vậy, bác không quan tâm đến điều đó ư? – Pech nổi tức.
- Hãy cho phép tôi lấy làm ngạc nhiên, đồng chí! Cho phép tôi ngạc nhiên lạ lùng!
- Thế thì ông bạn hãy cứ ngạc nhiên nhiều nữa đi. – Krylenko nói, vẻ khuyến khích.

Ông bước lùi một bước và nghiêng đầu hình như để quan sát rõ hơn Pech đang lấy làm ngạc nhiên lạ lùng.

– Nhưng dù sao thì con trai bác cuối cùng cũng đã giải phóng Stalingrad! – Pech lớn tiếng.

– Kh... không. Không phải con trai tao. Chính nhân dân đã giải phóng Stalingrad. Nhân dân, mà có hiểu không? Chính nhân dân là người mà chúng ta phải cảm ơn. Còn con trai tao chỉ có rút lui tháng này qua tháng khác. Nó vẽ lên bản đồ những mũi tên và những vòng tròn: đó là tất cả những gì mà nó làm được. Và một ngày kia, nó tự nhủ: “Vòng tròn này sẽ là vòng cuối cùng. Hiểu không?” Nó hỏi nhân dân và nhân dân trả lời: “Rõ”. Thế thì chúng ta phải cảm ơn ai đây? Cảm ơn kẻ đã ghi một dấu hiệu nhỏ lên bản đồ hay cảm ơn người đã đổ máu cho tổ quốc? Hả!

Một phút yên lặng. Rồi Pech thở dài ồn ào.

– Nhưng tôi đến đây không phải để tranh luận mà là để chúc mừng bác. Và đồng chí Dobranski mời bác tối nay tham dự với chúng cháu để chúc mừng Stalingrad được giải phóng. Sẽ có khoai!

– Thế thì tao sẽ đến để ăn khoai, – ông già hứa khô khan.

Vừa bước ra ngoài, người trẻ nhất trong nhóm Zborowski buồn rầu tuyên bố với Pech:

– Thật xấu hổ... Thật không bố công phải có cha mẹ: đây, họ cảm ơn mình như thế đấy.

Và anh nhỏ xuống đất với vẻ ghê tởm.

XXX

Trong hầm trú núp của nhóm sinh viên, những củ khoai phồng lên và nổ tung vui vẻ trên bếp lửa, mọi người đã cởi áo da cừu và mở cúc áo va-rơ: trong hầm nóng. Ngồi càng gần lửa càng tốt – đến nỗi cái đũng quần đã bốc khói một cách nguy hiểm – ông già Krylenko nhón những củ khoai từ trong bếp lửa, hình như không quan tâm gì đến việc tay có thể bị bỏng. Ngồi chồm hóm trước một "xô" nước sôi, Janek đang sửa soạn pha "trà": Pech đã cho anh biết công thức nổi tiếng về cách pha. Và Pech khai mạc phiên họp.

– Đồng chí Dobranski! – Anh ta tuyên bố long trọng.

Mọi người vỗ tay. Pech cho rằng đã đến lúc "kích thích" quần chúng, giống như vào thời những cuộc mít-tinh trước kia. Anh ta mở lại miệng, lấy hơi và hét to:

– Châu Âu thống nhất và không chia cắt muôn năm! Hoan hô quân đội giải phóng! Hoan hô...

– Im đi, Pech, – mọi người nhã nhặn khuyên anh ta. – Ngồi xuống đi!

Dobranski phát biểu.

– Tổ có ý nghĩ sẽ đọc cho các cậ nghe câu chuyện sau đây, trong khi đọc lại bài thơ bốn đoạn nổi tiếng của Pouchkine.

*Một con quạ bay đến phía một con khác
Một con quạ nói với một con khác...*

– Đó là hai câu đầu trong bài thơ “Rouslan và Lioudmila”, –
Pech xác minh.

Và anh ta nhảy lên:

– Thiên tài bất tử của bài thơ châu Âu Alexandre
Sergueïevitch Pouchkine muôn năm! – Anh la lớn.

– Nằm xuống, nằm xuống! – Mọi người van xin anh ta. – Pech
quay vào ổ đi!

Dobranski tuyên bố.

Đầu đề: Ngoại ô Stalingrad.

Anh bắt đầu đọc...

*Bình minh đã đến. Những con ếch phải ăn đêm dần dần im tiếng, những
con dơi cuối cùng tìm chỗ ẩn bay loạn xạ và con sếu chậm chậm từ bụi lau
bước ra và nuốt con cá đầu tiên. Hai ông già của sông Volga, những con quạ
trăm tuổi Ilia Osipovitch và Akaki Akakivitch, xuất hiện trên sân. Chúng bay
vòng chậm chậm trong sương sớm và quan sát mặt nước với con mắt chăm
chú.*

– Không thấy gì cả, Akaki Akakivitch.

– Không thấy gì sao, Ilia Osipovitch? Chắc có lẽ tai anh nghe đã kém.

*Nhưng cái cửa sổ đã mở và có tiếng Đức nói rõ ràng: “Thông cáo của đội
quân phía Đông. Binh sĩ của chúng ta, dưới sự chỉ huy của thống chế huân
tước von Ratwitz, con người Warszów, con người La Haye, một trong những vị
chỉ huy nổi tiếng nhất của chúng ta, ngày hôm qua đã tiến đến một điểm trên
sông Volga!”*

*– Đó là nơi làm tổ lần đầu tiên của lão? – Akaki Akakivitch rửa thềm, mồm
đầy nước bọt. – Nó làm cho lão phát thèm.*

*Hai người ăn mặc rách rưới xuất hiện trên đồng, ngồi xoạc chân trên hai
khúc gỗ. Hai khúc gỗ xoay tròn nguy hiểm khi gặp chỗ nước xoáy.*

*– Pitz! – Kỵ sĩ thứ nhất la lên một cách tuyệt vọng. – Chúng ta tuyệt đối
phải đi sát vào bờ!*

– Lạy Chúa! – Kỵ sĩ thứ hai trả lời. Nhưng cố tránh cửa quây.

Cái xác của tên lính Đức Schwanke, người Sassnitz, một thành phố nhỏ, đẹp trên bờ Baltique. Nó có vẻ lang thang và thờ ơ, ngậm một cọng rơm giữa hai hàm răng, nằm giữa uể oải, với cách nhìn cố định hình như chỉ để ngắm trời mây. Nhưng những mảnh ván trôi không lọt qua con mắt đã rời bỏ mọi vật trên đời này. Tên lính Schwanke xoay tròn, ngạc nhiên và đến bám chặt vào khúc gỗ thứ nhất.

– Ê! Karl Röder ở Hambourg! – Hấn la lên, với giọng của người chết, hướng về phía lau sậy. – Hãy liếc qua một tí xem tớ đã bắt được đĩa nào đây.

– Mà bảo tao nhìn với cái gì? Chẳng lẽ với lỗ trống. – Tên thợ hồ Karl Röder, người Hambourg cần nhần với giọng như thế. – Nó rời đám lau sậy và bắt đầu trôi vật vờ đây đó.

– Nếu tay tao có thể vớ được những con chim bắn thiu vừa chơi tao một vớ!

Ilia Osipovitch và Akaki Akakivitch nhìn hấn với con mắt đặc biệt vô tư.

– Đi phía này! – Tên lính Schwanke độ lượng hướng dẫn..

– Ai thế? – Tên thợ hồ Röder hỏi với vẻ quan tâm.

– Ê! Printzel ở Mannheim! – Schwanke la lên. – Ê! Kanninchen ở Lübeck, đến đây! Các cậu đoán thử tớ đang tóm được ai đây?

Có giọng nói gắt gỏng từ trong đám lau sậy.

– Với một kẻ đáng ra phải treo cổ thì ông bạn ơi, tao tưởng này phải bằng lòng vì đã chết đuối! Để tao lại gần chút nữa đã... Tôi không thấy gì hết nếu không có kính! Nếu không phải là thống chế huân tước von Ratwitz, thì tao không phải là Kanninchen nữa.

– Chắc chắn mày không phải là Kanninchen rồi! – Một giọng chửi rửa vang lên trong đám lau sậy, – và tao càng nhìn tao càng chắc chắn rằng con trai mày cũng không phải tên đó! Một khi tao đã gặp phải một đám bùn mềm nhũn và không tôm cá gì hết, thì không có cách nào tao có thể nhắm mắt được... Cái gì trôi qua đây thế?

Trên mặt nước nổi lên ba phần tư thi thể của tên hạ sĩ Đức.

– Đây! đây! Một trong những vị chỉ huy nổi tiếng nhất của chúng ta đấy! Ê! Chúng bay, lau sậy, cát sỏi và những cành cây trên bờ, những hòn đá dưới đáy sông, những đĩa còn lại, hãy đến gần đây!

– Nếu mày nói đây không phải là Adolf Hitler, thì có lẽ tao suýt sẽ chết vì sung sướng, – có một giọng kim cảm động vang lên.

– Ha!ha!ha! – Cả đám cười rộ lên. – Ha! ha! ha!

Thống chế huân tước von Ratwitz, một trong những người chỉ huy nổi tiếng nhất của chúng, giận dữ bám chặt vào khúc gỗ mục. Hắn rơi vào một vùng nước xoáy. Những thi thể của những tên lính Đức khác, cũng xoay quanh hắn, mắc vào cành cây mà hắn đang cưỡi.

– Pitz! – Hắn giận dữ hét lên cho tên phụ tá cận vệ, – hãy gạt những cái xác này đi! Chúng cản trở không cho chúng ta tiến lên!

– Lay Chúa! – Tên đại úy Pillo la lên, đầy giận dữ.

– Akaki Akakivich! – Con quạ Ilia Osipovitch trịnh trọng lên tiếng. – Anh có nhớ cái tẩu hút thuốc mà ông già quá cố của tôi đã thấy trên thi thể của một tên tướng Pháp ở Borodino không? Tôi sẽ đem nó đánh cuộc với cái đồng hồ bằng bạc rất đẹp của anh, rằng tên đại úy trẻ này không có gan nhảy xuống đâu. Xin thẻ danh dự!

– Xin lấy danh dự mà thẻ! – Alaki Alakivich lên tiếng thách thức theo lối các nhà thể thao.

– Thẻ thì, thưa các ngài, – tên lính Schwanke vừa tuyên bố với cử tọa đáng kính, vừa nhìn trời với con mắt không chút diễn cảm. – Tôi tin rằng lần này thì tôi nắm được nó. Và đương nhiên là bọn bay phải mắc nợ tôi!

– Được, Schwanke! – Tên lính Printzel, người Mannheim lên tiếng. – Chúng tôi sẽ sẵn sàng trả công cho cậu một cốc nước sông Volga.

– Ha! ha! – Hai cử tọa đáng kính cười đến đau bụng trước lời đùa rõ ràng rất tế nhị này. – A-ha-ha-ha!

– Cái gì vậy? – Có tiếng hỏi từ trong đám lau sậy và những thi thể của những tên lính khác của đội quân Đức vĩ đại xuất hiện từ phía. – Quỷ tha ma bắt! Thống chế huân tước von Ratwitz gia nhập đấy kia!

– Ngài ấy chưa gia nhập vĩnh viễn, – tên hạ sĩ Kanninchen nhận xét, có ý ám chỉ. – Hừ! hừ!... Có ai trong số cử tọa đáng kính ở đây, phản đối tôi rằng thống chế huân tước vĩnh viễn là một người trong số chúng ta?

– Không ai cả, không ai cả! – Chung quanh đều lên tiếng phản kích. – Trái lại, rất hân hạnh, rất hân hạnh!

Ngài thống chế huân tước đưa chân đá bên phải, đá bên trái để giải thoát cho khúc gỗ mình đang cưỡi.

– Ô! ô!... – Tên lính Schwanke rên rỉ với vẻ giả tạo. – Ngài đá vào đít tao!

– Sao, ngài dám làm thế à? Nhưng đó là một tội lỗi. Điều đó tuyệt đối bị nghiêm cấm trong điều lệnh.

– Ôi! đau quá! – Tên lính Schwanke rên rỉ và cầu trời làm chứng cho với con mắt trống rỗng.

Cả đám cử tọa đáng kính cười muốn thắt ruột và càng ngày càng vây quanh lấy khúc cây bắt động.

– Pitz! – Thống chế huân tước hét lên, – xuống đây ngay và kéo tór ra khỏi chỗ này!

– Lạy Chúa! – Đại úy Pitz kêu lên the thé và nhắm mắt, rồi khúc gỗ mình ông cười.

Akaki Akakivitch gật đầu với vẻ thỏa mãn.

– Tôi rất lấy làm sung sướng vì đã không đánh cuộc với anh, anh Akaki Akakivitch ạ. Nếu không, tôi đã mất tiêu cái tẩu thuốc lá đẹp rồi!

– Nhưng anh đã cược rồi, Ilia Osipovitch! – Akaki Akakivitch nói, cố gắng làm ra vẻ nổi giận. – Anh đã đánh cuộc trên danh dự!

Ilia Osipovitch nheo một mắt, nhìn Akaki Akakivitch và ông này thở dài không nói gì thêm nữa.

– Các ngài! Các ngài! – Tên lính Schwanke hét lên, – đại úy Pitz cũng gia nhập. Tór có ý định cử hai người trong số các ngài phải chú ý làm sao để cho hành động của ông ta có tính cách... hừ! Nói thế nào đây?... quyết định. Ai là những người lâu nhất trong số các ngài?

– Tór, – tên lính Kanninchen nói, – tór đã ở đây ba ngày rồi và cũng chưa uống no nước để đến nổi chìm ngăm!

– Còn tór, – Printzel nói, – tór cũng đã ở đây ba ngày rồi, và trên mình tór có cả thảy hai mươi bốn con tôm, chúng chỉ muốn được phục vụ!

– Ha-ha-Ha! – Đám cử tọa đáng kính cười vắn vẹo, – cái lão Printzel đấy, bao giờ cũng thế, không thay đổi gì cả.

– Được, – tên lính Schwanke nói, – Printzel và Kanninchen theo lệnh của tór, hướng đại úy Pitz, đằng trước, bước!

Có tiếng động dưới nước và đại úy Pitz cảm thấy đột ngột bị ai nắm chân kéo xuống và lập tức hấn đầu xuống nước với tiếng “ục, ục” không hay ho gì lắm.

– Tội nghiệp, tội nghiệp. – Hai con quạ Ilia Osipovitch và Akaki Akakivich thì thầm một cách thiện chí.

– Tội nghiệp, tội nghiệp vang lên bên tai tên lính xâm lược Printzel, và các ngài sẽ thấy, sẽ thấy rằng các cây lau cũng không đến nổi tòi nếu người ta thổi chúng từ dưới gốc lê!

– Đằng sau, quay! – Thống chế huân tước hét lên. – Chúng bay không biết tao là ai sao?

– Lạy Chúa! Lạy Chúa! – Đám cử tọa đáng kính la lên vui vẻ, cùng vây quanh lấy ông ta.

– Tao là người chỉ huy chúng bay, đã đưa chúng bay đến Ba Lan, đến Pháp...

– Và đến sông Volga! – Cử tọa đáng kính đồng thanh hô lên. – Đừng quên sông Volga, thưa ngài! Vì trong nước sông Volga có cái gì đó, mà khi người ta uống đủ lượng cần thiết, thì nó làm cho cả đến một con chó cũng quên mất sự kính trọng đối với chủ nó.

– Các thi thể Đức! – Thống chế huân tước hét lên, khi thấy khúc gỗ đâm sâu vào mình. – Đi chỗ khác! Đây là mệnh lệnh:

– Lạy Chúa! Lạy Chúa! – Các xác chết Đức thì thảo và nguyên thống chế huân tước von Ratwitz chậm chậm bị lật úp, giờ hai tay lên trời và vĩnh viễn biến mất dưới nước.

– Tôi sẽ theo sau anh, Akaki Akakivitch! – Ilia Osipovitch lễ phép thì thầm trong khi nhẹ nhàng hạ cánh.

– Tôi không làm gì hết, Ilia Osipovitch... Tôi xin theo sau anh!

– Thôi được, xin chúc sức khỏe anh, anh Akaki Akakivitch, xin chúc sức khỏe anh.. Xin chúc anh mạnh khỏe...

Dobranski ngừng lại và chiêu một ngụm "trà".

– Thôi hôm này thế là đủ rồi! – Janek lên tiếng. – Đoạn này không hay lắm!

Pech lại quyết định "kích thích" những người tham dự.

– Hoan hô nhà văn giải phóng châu Âu, đồng chí Adam Dobranski của chúng ta!

– Hoan hô, hoan hô! – Những người du kích hưởng ứng.

Đến đây, Pech tưởng thời cơ đã đến để kiếm chút uy tín cá nhân.

– Hoan hô Pech! – Anh ta mạnh dạn đề nghị.

– Ô hô! Đả đảo, đả đảo! Đi nằm đi! Quay về với cái ổ của cậu đi!

Hết sức thất vọng, Pech xoay lưng về phía công chúng và chỉ hoàn toàn chú ý đến mấy củ khoai, Dobranski tiếp tục:

Mấy phút sau, hai ông bạn già nặng nề đầu xuống, có lẽ, trên một cành cây sên ưa thích. Hết sức ngạc nhiên họ trông thấy một con quạ khác ốm o và ốm ẹo, cái cổ dài ngoằng và cái mỏ hết sức nhọn.

– Xin thề trên bộ lông của tôi! – Ilia Osipovitch la lớn. – Nhưng đây chính là Karl Karlovitch ở Berlin bằng xương bằng thịt!

– Nhất là bằng xương! Ôi! Nhất là bằng xương! – Con quạ mới đến rên rỉ, với giọng Đức rất đúng.

Dưới thời các Sa hoàng, con quạ Đức, Karl Karlvich đã đến ở nước Nga và đã có một địa vị cao quý trong triều đình. Sa hoàng kết bạn với nó. Thường thường, ngài dừng lại ở chỗ cửa sổ và nếu ngài nhận thấy Karl Karlvich có vẻ không thỏa mãn với mẫu bánh bình thường thì ngài lại khuyến khích quần thần cùng xuống sân và mỗi người chiêu đãi Karl, Karlvich một mẫu bánh ngon hơn. Rất nhanh, mọi người bắt đầu tranh giành sự chú ý của Karl Karlvich và như vậy người ta sẽ thấy các ngài thượng thư mất ngủ khi biết rằng con quạ Karl đã từ chối không chú ý đến phần đóng góp của mình: đó là dấu hiệu chắc chắn của một sự thất sủng sắp đến nơi. Sa hoàng rất chú ý đến sở thích và sự lựa chọn của con quạ bởi vì ngài thường có thói quen nói rằng con quạ có cái may mắn nhận xét được bản chất của đám cận thần của ngài.

– Thế anh làm gì mà mò đến đây, Karl Karlvich? – Ilia Osipovitch kêu quạ quạ. – Có lẽ đi đổi gió hay làm một chuyến du lịch?

– A! – Karl Karlvich thở dài. – Chúa chứng kiến cho rằng đi tham quan vùng Volga vào một lúc khác thì cũng thích đấy... Nhưng cuộc chiến tranh này... A! Thật xui xẻo... Cách đây vài ngày, tôi dự một buổi chiêu đãi ở lâu đài của huân tước von Ribbentrop! Cũng phải giải thích để các ông bạn quý của tôi hiểu rằng bên cạnh thống chế Ribbentrop tôi cũng có một chỗ như xưa kia bên cạnh Sa hoàng... Có nghĩa là ở đâu tôi cũng được mời mọc... Một buổi lễ thịnh soạn ở lâu đài của huân tước, khách khứa sang trọng, âm nhạc du dương, rượu Pháp ngon nhất... Nhưng tôi, tôi không thấy gì cả, tôi ngồi trong một góc phòng và tôi khóc, tôi khóc. Và bỗng nhiên tôi thấy ai thế? Chính ngài huân tước von Ribbentrop đang tiến lại gần..

“Tại sao, anh lại khóc như vậy, Karl, con quạ Đức. Tại sao?”

“Thưa ngài, tôi khóc. Mà làm sao không khóc được? Nước Nga khốn khổ, a! Nước Nga khốn khổ...”

“A! Ngài huân tước nhắc lại: Nước Nga khốn...”

Và chính ngài cũng khóc... Một cảnh tượng, một kỷ niệm đáng nhớ? Nhưng bỗng nhiên ai đến thế? Phu nhân và con gái của huân tước đang đến gần.

“Tại sao các ngài khóc như vậy thưa các ngài, tại sao?”

“A! Püppchen! A! Gretchen! Huân tước nói. Chúng tôi khóc, mà làm sao không khóc được Nước Nga khốn... khốn khổ”.

“A! A! Gretchen, Püppchen kêu lên và họ cũng bắt đầu khóc.”

“Những người phụ nữ dừng cảm, những trái tim cao cả! Và tất cả thực khách đều tiến đến, vây quanh chúng tôi ngạc nhiên.”

“A! A! Chúng tôi đáp, qua làn nước mắt. Nước Nga khốn... khốn khổ!”

“A! Nước Nga khốn... khốn khổ! Khách khứa kêu lên và họ cũng bắt đầu khóc.”

“A! Một cảnh tượng, một kỷ niệm đáng nhớ! Tôi khóc, huân tước khóc, Püppchen khóc, Gretchen khóc, dàn nhạc khóc, quan khách khóc và cả tôi tớ cũng khóc... Tất cả đều khóc như suối chảy.”

“A! Lúc đó ngài huân tước mới nói với tôi, giữa hai cơn nức nở. A! Karl, con qua Đức. Anh có ảnh hưởng rất lớn đến lãnh tụ của chúng ta. Hãy đi đi! Giải thích cho ngài rõ. Hãy cứu lấy nước Đức... tôi muốn nói hãy cứu lấy nước Nga!”

“Tôi đi ngang qua Berlin đầy nước mắt. Một cảnh tượng, một kỷ niệm đáng nhớ! Những góa phụ khóc, những bà mẹ khóc, những cô con gái khóc, và những chị em, những vị hôn thê, những đứa trẻ mồ côi khóc, tất cả đều khóc như suối chảy. Các đoàn quân vừa hành quân vừa khóc. Tôi đi đến cung điện, người ta báo tin và tôi bước vào... A! Một cảnh tượng, một kỷ niệm đáng nhớ! Trước bàn đồ nước Nga quốc trưởng đang ngồi và ngài cũng khóc. Những giọt nước mắt như thế...”

Karl Karlovitch dừng lại và són ra mấy cục phân.

– Những giọt nước mắt thật sự của quốc trưởng!

– A! – Ilia Osipovitch lên tiếng vẻ thiện cảm. – Nhưng làm sao mà bây giờ anh lại ở đây trên sông Volga, rất xa với quê hương của anh?

– A! A! – Karl Karlovitch nổi giận ngay lập tức, đập cánh. – Một bi kịch, một kỷ niệm... Berlin bị ném bom... Tôi cũng bị ném bom... Lãnh tụ, quốc trưởng bị ném bom! Nhưng tôi cứ đậu ở đây, trước cửa của người trung thành đến cùng, con qua Đức trung thành đến chiếc lông cuối cùng và bỗng nhiên, tôi thấy gì? Cửa xích mở và quốc trưởng, nhợt nhạt nhưng kiên quyết, lao ra và theo sau quốc trưởng, Gæring lao ra, và theo sau Gæring, Gæbbels lao ra, và theo sau Gæbbels, thống chế von Katzen-Jammer lao ra! Tất cả đều nhợt nhạt nhưng kiên quyết!

“Karl, con qua Đức, họ hét lên. Có một quả bom nổ chậm trong ống khói. Hãy làm cái gì đi! Hãy cứu lấy quốc trưởng, Karl!”

Và lúc đó, tôi làm gì, tôi, Karl, con qua Đức. Tôi quỳ gối và với giọng đầy nước mắt, tôi nói:

“A! Vì quốc trưởng. Sống hay là chết!”

Nói xong, a là hấp! tôi nhảy qua cửa sổ, a lê hấp! Và a lê hấp! Quốc trưởng cũng nhảy qua cửa sổ và sau quốc trưởng, hấp! Gøring nhảy qua cửa sổ và sau Gøring, hấp hấp! Gæbbels và von Katzen-Jammer nhảy qua cửa sổ. Tất cả đều nhọt nhọt nhưng kiên quyết! Chúng tôi đã ở ngoài đường. Bom như mưa rơi xuống, như thế này... như thế này...”

Karl Karlovitch phun ra một chuỗi... phân.

– Và lúc đó tôi làm gì, tôi, Karl, con quạ Đức? Tôi quỳ xuống, và với giọng đầy nước mắt tôi nói: “Vì quốc trưởng, sống hay là chết.”

“Nói xong, a lê hấp, hấp! hấp!” tôi chạy. Nhọt nhọt nhưng kiên quyết!

“– Hoan hô, Karl, trái tim cao cả!” Quốc trưởng nói và a lê hấp! ngài cũng chạy theo.”

“– Hoan hô Karl, lạy Chúa phù hộ anh”. Gøring nói và a lê hấp, ông ấy cũng chạy theo.

“– Hoan hô Karl, chàng dũng sĩ oai hùng” Gæbbels và von Katzen-Jammer nói, và hấp! hấp họ cũng chạy theo.

“Họ đều nhọt nhọt nhưng kiên quyết! Và để cảm ơn tôi đã cứu mạng, quốc trưởng cho tôi đi sông Volga...”

“– Đi đi! Ngài nói với tôi về cảm động, đi đến đây... anh sẽ có nhiều cái ăn!”

Một lát im lặng trên cành cây, rồi Akaki Akakivitch nheo mắt và nói:

– Anh kể hay lắm, Karl Karlwich. Và bây giờ có lẽ anh đang khát?

– Đúng thế, – Karl Karlwich bắt cần nói, – một cốc vodka nhỏ thì cũng thú... Các anh làm gì thế?

Karl Karlwich kêu quạ quạ sợ hãi và tìm cách mở tung đôi cánh nhưng giờ cuối cùng đã đến với con quạ già Đức. Hai con quạ Nga quắp chặt lấy nó. Cái cổ dài ngoẵng của nó và cái mỏ - dài nhất, nhọn nhất, tham ăn nhất trên thế giới - được nhúng vào nước sông Volga. Ừc! Ừc! Ừc! Con quạ già Đức uống mãi.. Và sức lực đã từ bỏ nó, đôi cánh của nó không đập nữa, những móng vuốt Đức của nó không tìm cách quắp nữa...

– Tội nghiệp. – Ilia Osipovitch và Akaki Akakivitch thì thăm một cách sùng đạo.

Vài phút sau, hai ông bạn già lại lượn vòng trên mặt nước. Họ quan sát lau lách, các hòn đảo, những bụi cây um tùm trên bờ và những dải cát và hình như họ không thấy gì nữa hết, họ bên hởi Volga.

– Bà có chop được cái gì hay không, bà mẹ của các dòng sông, – họ kêu quạ quạ với giọng khúm núm nhất.

Mọi người đều biết rằng những con quạ là những tên bợ đỡ bẩm sinh và sông Volga đã biết hai con quạ là này từ hơn một thế kỷ. Nhưng hôm nay dòng sông đang lúc vui vẻ.

– Đây này, bà đang giữ một người đến cầu hôn! – Bà găm lên và nắm trong tay tên đại úy mà chiếc xe tăng của hắn đã bị đốt cháy trên sông Volga. – Ngài đã uống no nước của tôi chưa, thưa ngài? Hình như nước đó rất tốt cho sự tiêu hóa của bọn xâm lược...

– Quạ! Quạ! Quạ! – Ilia Osipovitch và Akaki Akakivitch cười gập người lại. – Bà mẹ của các dòng sông, bà đùa khéo thật mà cũng buồn cười thật. Ha! Ha! Quạ! Quạ!

– Để bà lộn các túi áo của mày xem có gì không, – sông Volga gầm gừ. – Có cái kính một mắt của ông già bán thịt heo Minine đây. Mày cho phép bà giữ lấy chứ? Điều đó sẽ làm cho chàng trai Stalingrad cười cợt đây.

– Ôi! Điều đó sẽ làm cho cậu ấy cười đến thỏa thích. – Hai ông bạn già kêu – Quạ! Quạ! Ôi! Điều đó cũng làm cho chúng tôi cười không nhịn được. Mà cũng buồn cười thật, quạ, quạ! Ôi bà mẹ của các dòng sông, bà đùa khéo thật đấy!

– Và cái gì đây nữa? – Sông Volga ngạc nhiên. – Một huân chương Xô viết và một tấm ảnh của một người lính Nga?

– Huân chương Xô viết sao? – Ilia Osipovitch cũng ngạc nhiên và liếc nhìn Akaki Akakivich. Một tấm ảnh của người lính Nga. Akaki Akakivich cũng ngạc nhiên và liếc nhìn Ilia Osipovitch.

– Tao nhận ra nó rồi. – Sông Volga lên tiếng. – Đây là Michka Boubien, ở Kazan. Tao nhớ rõ từ bé, nó đã ngồi trên bờ của tao và nhổ xuống dòng sông.

– Chúng tôi cũng biết, chúng tôi cũng biết! – Cả hai ông bạn già lập tức tranh nhau nói. – Cậu ta phá tổ chúng tôi và bắt chim con chúng tôi... Một cậu bé nghịch ngợm, nhưng xinh xắn và rất dễ thương!

– Nhưng tôi có thể hỏi ngài rằng tại sao huân chương và tấm ảnh này lại ở trong túi áo của ngài, thưa ngài? – Sông Volga thì thầm một cách suy tư. – A hăng khoan, để tao đoán xem... Đây rồi, tao đã đoán ra!

– Cả chúng tôi cũng đã đoán ra! – Hai ông bạn già la lên vui vẻ, vừa nhảy cẫng lên. Sông Volga nhìn họ vẻ sốt ruột.

– Thế thì chúng mày đã thấy gì, những tên tướng cướp già?

– Vâng, – Ilia Osipovitch lúng búng, – anh đã thấy gì, anh Akaki Akakivitch?

– Thế anh, anh đã thấy gì, Ilia Osipovitch?

Họ nhìn nhau thâm hại.

– Không thấy gì cả, – họ tự thú nhận, – chúng tôi không thấy gì cả, thưa bà mẹ của các dòng sông! Xin bà mẹ mở lượng hải hà mà soi sáng cho đầu óc tăm tối của chúng tôi, những con qua già đã trụi lông.

– Tao đã đoán ra, – sông Volga nói, – và trong những điều kiện này thì: Thưa ngài, tôi rất tiếc là không thể cho phép ngài tiếp tục bám vào cành cây thêm nữa: các ngài đã làm cho tôi không còn thích đùa nữa.

– Không, không, – tên xâm lược khốn khổ la lên.

– Đứng, đứng, – hai ông bạn già kêu lên vẻ đắc thắng.

Và sông Volga đã ném kẻ cầu hôn xuống tận đáy sông và giữ y ở lại đấy thật lâu đủ thời gian cho một tên Đức uống no nước... Và lúc này thì hai ông bạn già đã bay đi nơi khác. Thận trọng họ bay về phía cái gì đó mà sông Volga đang bế trong tay rất âu yếm.

– Hử? – Ilia Osipovitch hỏi với giọng nghi ngờ.

– Hử? Hử? – Akaki Akakivitch khuyến khích và rất nhẹ nhàng họ bắt đầu hạ thấp... nhưng sông Volgas đã hét lên một tiếng làm cho hai ông bạn già bay vọt lên trời với tất cả sức lực của đôi cánh già nua.

– Ôi! Lay Chúa! Tôi suýt chết vì sợ! – Ilia Osipovitch kêu quạ quạ. Còn Akaki Alaskivich thì lông dựng đứng cho đến tận mỏ vì sợ hãi.

– Đi chỗ khác, giống ăn bám! – Volga hét lên, sủi bọt vì giận dữ. – Chúng mày không thấy đây là một người lính Nga sao?

– Ôi Lay Chúa! – Ilia Osipovitch van xin. – Thật là một sự sai lầm rùng rợn!

– Thật là một sự hiểu lầm bi thảm! – Akaki Akakivich bổ sung.

– Xin tha lỗi cho đôi mắt già của chúng tôi, bà mẹ của các dòng sông!

– Chúng tôi đáng tội chết!

– Chúng tôi có thể giúp gì hơn cho anh ấy được nữa không, bà mẹ của các dòng sông?

Nhưng bà mẹ của các dòng sông đã trả lời họ, với thứ tiếng Nga phong phú và lạnh lạnh, bằng một lời chửi mắng hết sức thậm tệ làm cho hai ông bạn già sợ hãi nhìn nhau, rụt đầu vào lông và bay trốn về phía rừng...

– Điều đó không can gì, – Ilia Osipovitch lấp bắp, trong khi rũ bộ lông dựng đứng, – tôi không bao giờ có thể tin được là bà mẹ Volga có thể ăn nói giọng như vậy.

– Tôi có thể ngủ và quên đi, – Akaki Akakivitch thì thầm, nẫu cả ruột. – Thề với cái tổ ở đấy tôi đã ra đời! Đó là điều mà bà mẹ đã dạy chúng ta khi lảng vảng đến gần các thủy thủ và các người Cô-dắc!

– Cháu đừng lo gì cả, cháu bé Vasionok-Vasienka của bà, – sông Volga thì thâm diệu dàng, trong khi đang bế thì thể bé bóng của cậu bé trong đôi bàn tay người mẹ. – Có những nghĩa trang buồn hơn nghĩa trang ở sông Volga. Bà sẽ đưa cháu đến một góc trời yên tĩnh ở đây chưa ai đến, không có người, không có thú, trong đám lau sậy của một hòn đảo mà bà biết là chắc sẽ biến thành sông nước, lau lách, cát mịn và ngay cả thành hòn đảo, cháu Vasionok của bà, vì nói cho cùng, còn dễ chịu hơn là biến thành phân bón cho ruộng khoai tây hoặc hành tỏi..

Và bà hát cho cậu bé nghe những lời ru xa xưa của những bà mẹ cô-dắc:

Con xinh đẹp, ngủ đi

Ngủ đi con,

Trăng nhẹ nhẹ nhìn

Vào nôi con.

Khi Janek muốn quay về thì Dobranski cùng cậu chui ra khỏi hầm ăn núp. Tuyết trắng đem lại cho đêm một màu xanh bàng bạc, gió thổi nhẹ và những cây thông đầy tuyết giống như vô số những thuyền buồm đang say sưa trong giấc ngủ trên một mặt biển yên lặng.

– Anh có yêu người Nga không? – Janek hỏi.

– Tớ yêu tự do! – Dobranski đáp.

XXXI

Họ sống vài tuần lễ trong cơn ngầy ngất sung sướng và cái đói đói với họ hình như dễ chịu hơn cái rét ít cắt da hơn. Nhưng cuối tháng hai thì lương thực hoàn toàn cạn hẳn. Janek phải phân chia những củ khoai cuối cùng và rồi họ phải mò trong tuyết để tìm một chùm trái cây, một quả thông. Ba anh em Zborowski hàng đêm mò vào các làng xin xỏ, lạy lục, đe dọa: họ vẫn phải trở về tay không và nhiều lần những người nông dân mà bản thân họ cũng đang đói, đã nện cho họ những trận đòn ra trò. Nhiều người sống đơn độc đã ra hàng quân Đức, những người tuyệt vọng nhất đã ra khỏi rừng và tấn công các đội tuần tiểu Đức trên đường cái để bị giết... Nhưng trong những lồng ngực, hy vọng con người vẫn đứng vững, giống như hoa viôlét dưới tuyết. Một trăm kilo khoai tây, lấy được một cách kỳ diệu, đã giúp cho nhóm du kích nhỏ chiến thắng mùa đông. Chiều hôm đó, anh em Dobranski chui vào hầm, tay trống rỗng như thường lệ.

– Ở Piaski. Romuald đã bị giết, – họ báo tin. – Một đội tiểu phạt sáng nay đã đến làng.

– Thế là còn đốt nhà nữa đây! – Krylenko cần nhân.

– Hình như Sopla đã bán rẻ những tội nhân. Bọn Đức đã thưởng cho một trăm kilô khoai...

Buổi sáng một cơn bão tuyết đã quét qua làng và buổi chiều, trên đường Piaski, tuyết lên đến tận đầu gối: những chiếc xe xích Đức có vẻ bất lực trước những lọn tuyết rơi trên lưng và chiếc xe tăng của ngài Stoltz, chỉ huy đoàn xe, đã mắc lầy trước cửa tòa thị chính và từ chối không nhúc nhích nữa. Stoltz bước ra khỏi xe tăng, và trên mặt hắn, chiếc kính một mắt giống như một cục băng - hắn chửi rủa và đi bộ về nhà chỉ huy. Sau đó có nhiều cuộc hội đàm với những người có máu mặt ở làng. Nhưng mặc dù những lời đe dọa và chửi rủa đánh dấu các cuộc hội đàm này, bộ mặt của dân làng vẫn trắng bệch và trông rỗng giống như vùng đất không người đầy tuyết nơi mà ngài Stoltz phải để chiếc xe tăng lại đó. Chỉ có cuộc nói chuyện với người thợ mộc Sopla là có kết quả. Ngay từ lúc mới gặp, Stoltz đã có cảm giác thuận lợi: vẻ mặt của Sopla không phải trông rỗng như của những người đến trước: bộ mặt này mệt mỏi, chịu đựng và nhợt nhạt.

– Thời tiết khỉ thật! – Stoltz bắt đầu nói, về đe dọa.

Sopla lập tức xin lỗi. Cái cảm run rẩy, hắn bảo đảm với ngài chỉ huy rằng nếu như tuyết rơi nhiều đúng vào lúc đoàn xe Đức vào làng, thì điều đó không phải là tiền định và bất cứ trong trường hợp nào thì hắn, Sopla cũng không dấn dấp gì cả. Hắn, Sopla còn hết sức bận bịu vì con cái và vợ, đã bốn mươi tám tiếng đồng hồ rồi không có gì ăn vì vậy không bao giờ nghĩ đến chuyện dựng vật chướng ngại trên đường đi của ngài chỉ huy. Stoltz phán đoán cách nhập đề này đầy hứa hẹn, giả vờ nổi giận đùng đùng, nói năng nào là phá hoại, nào là khiêu khích và cuối cùng, không biết làm thế nào được, Sopla khốn khổ đã hứa sẽ làm cho mặt trời chiếu sáng trở lại, cầm tuyết rơi và trong một lúc quá hăng hái, hứa sẽ tự mình ngăn cơn bão tuyết và trói chân tay nó lại đem giao cho ngài chỉ huy. Với chiến thuật khốn khổ, Stoltz đã nhanh chóng khai thác kết quả bước đầu vào nửa giờ

sau, hai tên lính Đức đã mang đến nhà Sopla một bao tải trăm kilo khoai tây. Đến tám giờ, khi tuyết đã cứng trên đường đi, một đội tuần tiểu Đức xuất phát trong đêm tối. Những tên lính đi đều. Tuyết vỡ dưới chân chúng và Sopla chạy trước đội tuần tiểu, men theo các bức tường, và hắn cũng chưa kịp ném thử những củ khoai đã được trả công, hắn nghe tiếng chân người bước tưởng chừng như đó là tiếng hàm răng nhai khoai tây. Hắn chỉ có một ý nghĩ trong đầu hoàn thành nhiệm vụ nhanh nhất và trở về nhà, ăn một đĩa khoai ngon đang bốc khói. “Kubus sẽ không giận mình đâu, hắn tự nghĩ với lòng tin tưởng tuyệt đối, do đói mà ra. Đó là một người bạn chắc chắn và thông minh. Anh ấy sẽ hiểu. Đội tuần tiểu do tên cảnh sát Klepke, người Hanovre chỉ huy. Thời tiết như thế này thì không nên đặt chân ra ngoài đường, ngay cả để đào ngũ, tên cảnh sát suy nghĩ, với cơn giận tràn hông, một phần cũng vì cả năm nay phải hành quân không nghỉ.

– Chính chỗ ấy, – bắt chợt Sopla tuyên bố, giọng ghen lại.

Klepke giơ cao ngọn đuốc: phía trước nhà, có tấm bảng hiệu: "J. Piotruszkiewicz. Cửa hàng bánh ngọt, nước giải khát."

– Sao! – Klepke hỏi. – Mà còn đợi gì?

Bộ mặt của Sopla, đen đúa và hằn sâu vì đói và sợ, như một củ khoai dị dạng.

– Thức anh ta dậy như vậy à?... Không để làm gì cả...

– Sao lại không để làm gì? – Tên cảnh sát nhận xét một cách chính xác, – để cho nó một viên đạn vào da.

Hắn đến gần cửa và gõ. Bọn chúng đợi một lúc và có tiếng ngái ngủ vọng ra:

– Ai đấy?

– Bạn bè đây! – Sopla đáp lại thăm hỏi. – Mở cửa cho tôi với, Kubus.

Cửa mở rộng. Bọn lính bước vào và Sopla tập tễnh bước theo sau. Piotruszkiewicz mặc áo ngủ trùm lên quần mà dây đeo đã rơi xuống đất. Nó có bộ mặt phì nộn và buồn bã.

– Hắt xì!

Sopla nhanh chóng khép cửa và giải thích cho tên cảnh sát:

– Anh ấy phổi rất yếu. Khi còn nhỏ, anh ấy luôn luôn đau ốm. Bà mẹ anh ta phải vất vả lắm mới nuôi anh sống nổi. Anh ta phải sống ở trên núi cao.

– Đôi khi sống trên núi cũng tốt, – Klepke công nhận.

– Anh không giận tôi chứ, Kubus?

– Không. Trăm kilo khoai, đó là một lời xin lỗi đáng giá.

– Sao anh biết?

– Cả làng đều biết.

Sopla đổ sụp xuống trên một cái ghế đầu và khóc.

– Nào, nào, can đảm lên! – Người bán bánh khuyến khích.

– Tôi không biết ai là kẻ có tội thật sự! – Sopla nức nở. Tôi không thể chỉ bắt cứ ai: người ta sẽ trả thù tôi, trả thù gia đình tôi... Vì vậy tôi phải tìm người nào đó mà tôi có thể tin cậy được, một người bạn chắc chắn, trước mọi thử thách...

– Tôi phải chịu ơn anh, – Piotruszkiewicz nói. – Trái lại, anh có thể làm gì cho tôi?

– Tất cả, – Sopla trả lời đơn giản.

– Những củ khoai này... Anh có thể gửi cho nhà tôi một vài kilô không?

– Ngày mai tự tay tôi sẽ mang đến cho chị ấy! – Sopla hứa.

Ông cảnh sát Klepke ra lệnh. Hai người bạn ôm nhau.

– Xin cảm ơn về những củ khoai! – Piotruszkiewicz nói.

Sopla mở miệng nhưng không nói được.

– Đi nào, – ông hàng bánh khuyến khích. – Hãy tỏ ra là một người đàn ông, Sopla!

Anh ta đi vào phía tử tìm một chai rượu và mấy cái ly.

– Cạn chén nào!

Sopla uống.

– Các ông cũng nên làm một cốc, – Piotruszkiewicz mời bọn lính.

– Các ông thật thành thật, – Klepke cảm ơn.

Hắn nâng cốc.

– Chúc sức khỏe của ông!

– Chúc sức khỏe của ngài.

Họ chạm cốc.

– Bây giờ, – Klepke nói, – nếu ông cho phép...

– Tất nhiên, – Piotruszkiewicz nghiêng mình. – Ít nhất bây giờ tôi cũng không thấy đói nữa!

Sopla, bối rối và lảo đảo, quay lưng lại và bịt tai. Piotruszkiewicz nhận một tràng đạn vào giữa ngực. Anh ta quay như một cái chong chóng, ngã xuống đất và nằm im. Bọn lính vội vàng bước ra, tên cảnh sát đi cuối cùng, hắn mang theo chai rượu. Sopla đi theo chúng. Hắn cảm thấy cần phải ở lại an ủi người vợ góa của bạn hắn, nhưng hắn thấy tốt hơn là để mai hẵng làm, khi mang khoai đến. “Người đàn bà khôn khổ sẽ hết sức sung sướng!”, hắn nghĩ vậy. Cả bọn đã ra đến ngoài đường. Sopla bước nhanh, vội vàng muốn kết thúc, mơ đến đĩa khoai

ngon lành đang chờ hắn ở nhà: khoai mềm, trắng và thơm nước... Ngây ngất vì hình ảnh này, hắn không ngần ngại nữa và khi bó đuốc của tên cảnh sát đã phát hiện ra tấm bảng hiệu: “Thợ may Z. Magdalinski. Cắt may hạng nhất. Giá cả phải chăng” thì hắn đập cửa một cách kiên quyết. Không ai trả lời. Hắn lại đập nữa. Tên cảnh sát nhìn cái bảng hiệu với vẻ suy nghĩ, hình như hắn tự hỏi có nên hay không, với giá phải chăng, đưa cái quần đến là những hắn không biết tiếng Ba Lan. Một mối vì lạnh, bọn lính bắt đầu động báng súng vào cửa. Lập tức có tiếng phụ nữ, rất gần – có lẽ người đàn bà này đã ngồi sau cửa từ lâu rồi – kêu lên:

– Cái gì đây?

– Xin chào bà, bà Marta, – Sopla nói. – Chúng tôi đến thăm ông nhà.

– Chồng tôi không có nhà.

– Không đôi co gì nữa! – Klepke hét lên bằng tiếng Đức. – Mở cửa ra!

Cửa mở. Một thoáng im lặng, trong lúc đó bọn lính mở to mắt và nhón chân để nhìn cho rõ. Người đàn bà chỉ khoác cái áo tấm bằng vải và phần dưới hoàn toàn trần truồng.

– Bà ta hình như không thấy lạnh: trái lại trên những bộ mặt băng giá, bọn đàn ông cảm thấy lửa bốc lên từ bà ta. Phần thân thể không trông thấy được của bà thì không khó gì mà không đoán ra còn phần trông thấy được thì làm cho người ta không muốn nhắm mắt. Bà Marta to lớn, nước da nâu, với đôi mắt xanh của một con mèo cái và cái miệng ướm như sẵn sàng cho những chiếc hôn nồng cháy.

– Lay Chúa tôi? – Tên lính Đức trẻ nhất nói giọng thấp nhưng rành rọt.

– Nhìn vào chỗ khác! – Tên lính già hơn ra lệnh, tên này biết bố mẹ chàng lính trẻ và đã hứa với họ là sẽ quan tâm một chút đến chú bé.

– Im! – Bất chợt tên cảnh sát ra lệnh với giọng lạc hẳn đi. Hẳn ho.

– Im! – Hẳn nhắc lại. – Chồng bà đâu?

– Chồng tôi không ở nhà.

Người đàn bà quay về phía Sopla.

– Đồ Judas! – Bà phun ra.

Sopla muốn cãi lại, nhưng vào lúc đó có tiếng động phía sau quầy hàng.

– Cái gì thế? – Klepke hỏi.

– Tôi biết đâu đây? – Người đàn bà nói. – Mà có lẽ con mèo cũng nên...

Bà đứng chắn ở giữa cửa. Klepke đẩy bà ta. Bà chống lại và trong khi chống đỡ, một chiếc vú với cái núm hồng hồng và dựng đứng xuất hiện mà bà không cần phải che giấu. Tên lính trẻ và cái núm vú nhìn nhau: tên lính là người đầu tiên phải cúi mặt.

– A! – Hẳn thở nặng nhọc.

– Nhìn chỗ khác, đồ khốn kiếp! – Tên lính già ra lệnh. – Còn bà che nó lại đi, con mụ phù thủy.

– Tôi không phải như vợ của ông, – bà Marta rít lên, – tôi không có gì phải xấu hổ với những thứ tôi trình ra!

– Đằng trước, bước! – Klepke ra lệnh.

Họ đẩy bà và lao ra phía sau quầy hàng. Ở đây có một cái giường to tướng và long đanh, khăn trải giường cuộn chung

quanh chiếc gối, chặn dồn lại một đồng và nệm lông rơi xuống đất. Ở đây không ai cả.

– Thì tôi đã nói với các ông là con mèo mà! – Bà Marta kêu lên.

Và quả nhiên người ta nghe tiếng mèo kêu rất nhỏ.

– Suyt! Suyt! Suyt! – Tên lính trẻ nhất yêu súc vật nói. – Có lẽ nó ở dưới gầm giường...

Hắn cúi xuống và cho tay xuống dưới giường. Bộ mặt hắn bất chợt lộ vẻ hốt hoảng không tả được.

– A! – Nó kêu lên giọng yếu ớt.

Tên cảnh sát Klepke vội nhìn xuống dưới giường.

– Chui ra!

Chầm chậm và có vẻ phật ý, một gã đàn ông từ dưới giường chui ra. Hắn to béo và đã đứng tuổi. Hắn trông không đẹp mắt. Hắn nổi da gà.

– Con mèo con đây ư? – Klepke hỏi.

– Tôi biết bắt chước mèo kêu rất giống! – Gã đàn ông đáp có vẻ khó chịu.

Klepke ra lệnh. Bọn lính giường súng.

– Khoan đã! – Bỗng nhiên Sopla kêu lên. – Người này không phải là anh thợ may Magdalinski.

– Lạy Chúa tôi! – Tên lính trẻ nhất nhìn người lạ với vẻ kính trọng.

Một lát im lặng.

– Thế thì ai đây? – Klepke hỏi.

– Tôi không biết! Hắn không phải người làng này. Tôi chưa bao giờ trông thấy hắn.

Gã đàn ông quấn một chiếc khăn quanh mình. Hắn nói với tên cảnh sát bằng tiếng Đức rất sôi. Tên tôi Schmiedt. Tôi có giòng máu Đức. Tôi làm việc cho chính quyền quân quản ở đây...

– Ở đây? – Tên lính trẻ nhất hét lên, sợ hãi.

– Đừng nghe! – Tên lính già ra lệnh. – Bịt tai lại!

– Tôi muốn nói: ở Wilno. Tôi ký hợp đồng vận tải với quân đội. Tôi được cấp trên của các ông nể nang, thừa ông đội trưởng, vì vậy tôi có lời khuyên ông là nên rút lui khỏi đây. Còn người mà các ông tìm kiếm không có ở đây.

– Thế thì nó ở đâu?

Schmiedt nhún vai:

– Làm sao tôi biết được. Tôi chỉ quan tâm đến vợ nó chứ không phải đến nó. Có lẽ hắn đã đi vào rừng với bọn du kích. Đó là một tên ăn cướp.

Lại yên lặng. Rồi Sopla bắt đầu hét lên. Hắn run lên vì giận dữ. Hắn đau khổ cho bạn hắn là Magdalinski. Như vậy là người thợ may đã đi theo du kích, phục vụ tổ quốc. Và trong lúc đó thì vợ hắn đã lừa dối hắn, đi lại với kẻ thù. Sự dè hèn, bần tiện của một tư cách như vậy đã làm cho Sopla ngạt thở.

– Đồ chó cái! – Hắn hét lên. – Đồ đàn bà không... Nhưng bà Marta đã cắt ngang lời hắn:

– Tôi không có việc gì phải xấu hổ! Người đàn ông này đã cho tôi ăn! Ngay cả chồng tôi cũng không nói được! Và cả ông, ông cũng không được nói, ông Sopla. Nếu vợ ông trẻ hơn hai mươi tuổi thì bà ấy cũng làm như tôi thôi!

Sopla sợ sệt lùi lại. Và bọn Đức, trước hết là tên cảnh sát Klepke, bắt đầu chế nhạo, rồi cười đến gập người lại. Bà Marta nhìn chúng một cách khinh bỉ. Rồi bà nổi giận thật sự.

– Các ông cười ai nào? – Bà hét lớn. – Cười ngay chính các ông đây. Các ông có vợ, có người yêu không? Các ông để vợ, để người yêu lại bên Đức ư? Thế thì vợ các ông cũng làm như tôi! Đúng thế, các con cừ non của tôi! Những bà này thì là do họ khó chịu, những bà khác thì vì họ thích làm thế hoặc bởi vì điều đó cũng giống như thêm bơ vào rau thì là!

Cái cười của tên cảnh sát Klepke vụt tắt trước tiên. Hắn để lại một người vợ trẻ ở Hanovre, một người đàn bà rất trẻ. Lúc đầu mới chia tay hắn nhận được rất nhiều thư. Nhưng bây giờ thì thỉnh thoảng mới có thư, và nhất là lời lẽ viết trong thì cũng đã thay đổi. Nàng không yêu cầu "Cưng của em" phải trở về nữa, như nàng thường làm lúc đầu. Nàng cũng không ta thán gì nữa về sự cô đơn. Điều đó đã làm cho tên cảnh sát Klepke lo ngại rất nhiều và con rắn nghi ngờ đã len lõi bò vào trong đầu óc hắn. Thường thì hắn cũng cố tránh không suy nghĩ đến điều đó, những bây giờ, ở đây, người đàn bà này... Những ông chồng khác cũng suy nghĩ như vậy. Họ nhìn Schmiedt với vẻ căm ghét. Họ cảm thấy ái ngại cho anh thợ may Magdalinski. Đó là một kẻ thù, chắc chắn như vậy vì đó là một du kích nhưng giữa họ và anh ta có một sự thông cảm với nhau: sự thông cảm giữa những người chồng bị vợ lừa dối khi họ đang ở mặt trận.

– Sao? – Bà Marta hỏi. – Không cười nữa à?

Cánh đàn ông nhìn nhau. Họ không nói gì, không nêu câu hỏi, nhưng tất cả cùng lúc đó đều suy nghĩ như nhau là họ sẽ phải làm gì. Sự thỏa thuận của họ với nhau không nói ra và mau lẹ hình thành. Ngay cả kẻ chiến thắng là Klepke và Kẻ chiến bại là Sopla cũng nhìn nhau và hiểu nhau không cần trao đổi một lời nào.

– Mà có chắc chắn rằng người này là anh thợ may Magdalinski không?

– Tôi không biết nữa, – Sopla nói. – Đã lâu tôi không gặp Magdalinski. Có thể là hắn đây. Cũng có thể không phải hắn. Tôi không biết nữa.

– Hãy nhìn kỹ hắn lại đi!

– Tôi đã nhìn kỹ, – Sopla nói bằng cách cẩn thận nhìn phía khác.

Schmiedt tỏ ra lo lắng.

– Vở hài kịch này có nghĩa thế nào? Tôi có giấy tờ hợp pháp. Giấy tờ nằm trong áo khoác của tôi. Tôi có thể đưa cho các ông xem.

– Ở đâu đứng yên đây! – Klepke ra lệnh.

Hắn nghĩ đến vợ hắn. Cách đây một năm, khi chia tay, nàng khóc. Họ vừa mới cưới nhau và ở với nhau được hai tuần. Hắn nhớ lại thân thể nồng ấm của nàng, những cái vuốt ve cháy bỏng của nàng. Cái mà từ lâu hắn cố gạt ra khỏi đầu óc thì bây giờ lại tràn ngập một sự thật hiển nhiên: vợ hắn không thể sống một mình trong hơn một năm nay. Nàng có một người tình nhân đêm đêm vuốt ve nàng trong khi hắn, Klepke, luôn mòn mỏi cuộc sống, sức lực ở cái xứ tuyết chết tiệt này... Nàng có một người đàn ông, chắc chắn không nghi ngờ gì nữa, đó là một người lợi dụng cuộc chiến tranh này. Cuộc chiến tranh này có lợi cho ai? Không phải cho người đã ra mặt trận: những người đó sẽ bị giết chết hoặc nếu họ có trở về thì họ cũng thấy nhà cửa của họ đã tan hoang. Không, cuộc chiến tranh này chỉ có lợi cho những người ở lại. Với những người như Schmiedt, hắn sẽ chiếm vợ anh khi anh ở xa, thì... hắn ra lệnh:

– Sửa soạn đi!

Schmiedt trở nên hết sức nhợt nhạt:

– Giấy tờ của tôi đều hợp lệ. Tôi mời ngài xem qua các giấy tờ đó, ngài đội trưởng. Điều đó sẽ tránh cho các ngài những điều phiền phức. Tôi có những người bạn ở cấp cao. Tôi là đảng viên. Tôi thuộc dân Đức, ngài đội trưởng ạ! Xin ngài chớ quên điều đó...

“Tại sao lại không quét ra khỏi thế giới này một thuộc dân Đức”. Bỗng nhiên Sopla suy nghĩ.

Hắn bước tới một bước và tuyên bố:

– Chính là Magdalinski. Bây giờ tôi biết rõ chính hắn!

Trên đường đi, Klepke vỗ vai thân mật Sopla và chúc hắn ngủ ngon. Hắn tỏ ra vui vẻ.

– Đảng viên! – Hắn cần nhàn. – Ừ thì đảng viên.. rồi mày sẽ biết tay tao... *Chúc ngủ ngon, ngài Sopla!*

Hắn dẫn đội tuần tiễu đi. Sopla về nhà. Hắn nói với vợ:

– Nhanh lên. Tôi đang chết đói đây.

– Sẵn sàng cả rồi.

Cũng vào lúc đó có tiếng gõ cửa.

– Thế mà tưởng đã xong xuôi rồi, – Sopla nói.

Cửa mở. Ba anh em Dobranski lọt vào nhanh, Janek theo sau.

– Xin chào.

Đôi môi của Sopla động đậy, nhưng không một tiếng nào từ miệng thoát ra được.

– Xin chào, – vợ hắn nói.

Hai tay bà nắm chặt chéo tạp dề. Janek nhìn đôi tay bà ta. Những bàn tay mệt mỏi và đỏ ran lên vì phải giặt áo quần. Những bàn tay già và nhăn nheo hơn bộ mặt. Những bàn tay

hình như có một cuộc sống riêng, và những ngón tay nhẵn nhúm còn biểu lộ sự đau khổ âm thầm hơn là bộ mặt và đôi mắt.

– Tôi không sợ, Sopla. Tôi đã phun ra quá nhiều...

Vợ ông ta đi về phía tử. Bà mở tử và bắt đầu lấy ra những áo quần mặc ngày chủ nhật của ông. Tôi chỉ muốn được ăn trước.

– Bao tải khoai đâu? – Người anh cả trong nhóm Dobranski hỏi.

Janek nhìn đôi bàn tay bà vợ. Cậu nhìn thấy những ngón tay búp chặt lấy nhau trong một cử chỉ lâu đời, già cả giống như sự đau khổ.

– Các ông không thể làm như vậy, – người đàn bà nói. – Tôi có những đứa con. Các ông không thể giết bố chúng và mang cả bao tải khoai đi nữa.

– Chúng tôi không giết ông nhà đâu. Chúng tôi chỉ cần bao khoai.

– Thế thì thà giết ông ta đi, giết ông ta đi!

– Stefa, – Sopla van xin, – Stefa...

– Giết ông ta đi, – bà hét lên, – giết ông ta đi!...

Họ đã đi ra ngoài, họ đi trong tuyết, lưng cúi gập dưới bao khoai quý giá và họ còn nghe tiếng kêu:

– Giết ông ta đi!

Và tiếng cầu khẩn của Sopla.

– Stefa, Stoltz....

Và bỗng nhiên đối với Janek thì thế giới con người cũng chỉ là một cái bao tải khổng lồ, trong đó một khối lượng dị dạng những củ khoai mùa quáng và mơ mộng đang giẫy giụa: đó là nhân loại.

LỜI BẠT

Trung úy Twardowski, trong đội quân Ba Lan, ra hiệu cho người lái xe.

– Cậu cho dừng lại chỗ kia. Tôi sẽ đi nốt đoạn đường bằng cách đi bộ vậy.

Chiếc xe dừng lại. Thường thường Janek suy nghĩ một cách kính cẩn đến tất cả những núi cao mà con vật bé nhỏ, nhanh nhẹn, cao cao này đã dùng chân để vượt qua, đến tất cả những đại dương từ eo biển Ackhangghen, từ Ackhangghen đến Wilno mà nó đã đi qua, để đến giúp đỡ một sĩ quan trẻ của quân đội Ba Lan mới xây dựng lại. “Sự có mặt của anh ta ở đây là một dấu hiệu tốt, Janek suy nghĩ, một dấu hiệu anh em, như một bàn tay đưa ra!”

– Có phải đợi đồng chí ở đây không, thưa trung úy của tôi!

– Không. Tôi còn phải ở lại lâu đây. Cậu đi ăn đi và quay lại đây sau hai tiếng.

Cũng thích thú khi được nghe một người lính Ban Lan gọi anh bằng trung úy của tôi, cũng thích thú được đi trên một con đường ở đây dấu chân quân thù đã mất đi từ lâu, nhất là anh cũng rất thích thú khi cảm thấy trong túi mình có cuốn sách nho nhỏ, quý giá, được bàn tay mình sưởi nóng... Anh rảo bước. Đây là nơi mà khi nghe tiếng đầu tiên của đại bác giải phóng từ xa,

họ đã tấn công một tiền đồn Đức. Janek quay mặt, nhưng có những bóng ma mà ánh sáng ban ngày cũng không xua tan đi được... Tên trung sĩ Đức bị thương khi hai bên bắn nhau, đang nằm giữa đường và Stanczyck, người điên, đang múa may và loay hoay quanh nó như một con ruồi điên. Trong tay anh ta có một con dao, và ba anh em Zborowski phải dùng hết sức mới ngăn cản được người điên thực hiện nhiệm vụ ghê tởm của mình.

– Cả hai đứa! Cả hai đứa! – Có tiếng hát tuyệt vọng trong rừng vọng ra.

Tên Đức đặt hai tay lên vết thương, nhưng vẻ mặt của nó chỉ biểu lộ có sự sợ hãi. Hắn cầu khẩn, với giọng ồ ồ:

– Có người đấy! Có người đấy! Xin ngăn họ lại!

Cả hai đứa! – Stanczyck hét lên! – Để cho tôi!

Cảm thấy thương hại, Janek rút khẩu súng lục.

– Vâng, – tên Đức lắp bắp, – tốt, tốt...

Suốt đời anh ta còn nhớ lại cái cười nhẹ nhõm còn đọng lại trên môi người chết. Đây là cánh rừng. Janek biết rõ mỗi bụi, mỗi cây giống như khuôn mặt của một người bạn cũ. Có lẽ hàng thông bất chợt sẽ giãn ra và Czerw sẽ xuất hiện trước mặt anh và nheo mắt với anh, hoặc anh sẽ nghe chẳng tiếng nói nhạo báng của ông già Krylenko:

– Cậu có thể đến với chúng tớ, cậu bé mặt trắng! Cậu sẽ được đón tiếp tử tế trong cộng đồng của chúng tôi.

“Bộ lạc” chứ, trung úy Jan Twardowski bắt giác thì thầm.

– Cái gì?

– Người da Đỏ gọi “bộ lạc”. Còn người Eskimo mới gọi là “cộng đồng”.

Nhưng Czerw đã chết và ông già Ukraine đã quay về Riabinnikovo, ở đây dân làng, ông bạn già cô-dắc Bogoroditza đã chào đón ông nhiệt liệt. “Xin chào mừng ông bố của người chiến thắng ở Stalingrad” được kẻ thành khẩu hiệu trên băng vải do trẻ con trong làng mang đi đón ông. Và nếu có lúc nào anh đến cửa hàng người thợ đóng giày Savieli Lvovitch Krylenko thì ông ta sẽ vui lòng giải thích cho anh nghe, nhờ những lời khuyên của bố và kinh nghiệm già đời của ông, mà con trai ông là Dimitri đã làm thế nào mà giải phóng được thành phố anh hùng...

Janek dừng lại. Đây là hầm ẩn núp. Anh thấy vẻ mặt rầu rĩ của cha anh và anh nghe tiếng ông:

– Hãy kiên nhẫn, ông già Shatterhand. Trên sông Volga, ở Stalingrad, có những người đang chiến đấu cho chúng ta.

– Cho chúng ta?

– Ừ, cho con, cho ba và cho hàng triệu người khác nữa.

Có cái gì động đậy trong bụi cây. Chỉ là một con sóc nhưng cũng phải làm cái gì đấy mới làm cho nó chạy đi.

– Xin chúc may mắn, ông già Shatterhand, – có tiếng nơi xa xa thì thầm.

Janek nhìn chỗ ẩn núp. Rừng cây đã chăm sóc cho nó chu đáo. Rêu và cỏ dại đã che lấp chỗ mà ở đây con trai anh đã ra đời. Anh ta nghĩ đến một đêm tháng tám âm trời và anh nghe tiếng rên của Zosia. Anh thấy khuôn mặt đầy mồ hôi của cô, đôi mắt của một con thú nhỏ bị vây. Chị Machorka đang ở đây: xắn tay áo lên, bắc nước nóng và sữa soạn tã lót: đây là những tã lót hoàn toàn mới mà Machorka vừa ăn cắp sáng nay trong một trang trại, suýt nữa nguy đến tính mạng.

– Đã nghe tiếng đại bác rồi, – ông nói. – Đó là một dấu hiệu tốt... Nó sẽ ra đời tự do!

Janek cảm thấy bàn tay của Zosia quần quai trong tay mình.

– Đi ra đi! – Machorka ra lệnh. – Tôi sẽ đi kiểm chú khi nào xong xuôi.

Janek chui ra khỏi hầm ẩn núp và nghe tiếng đại bác bạn bè gầm ở phía xa. Và bỗng nhiên, tiếng kêu run rẩy từ dưới đất vọng lên, tiếng rên rỉ yếu ớt, tiếng cầu nguyện đầu tiên... “Đến rồi”, anh suy nghĩ với một niềm âu yếm vô hạn... Nhưng tất cả những điều đó đều đã lùi về quá khứ, cái cửa rỉ không còn kêu cọt két nữa với những bản lề cũ, con trai anh ta hiện đang ở Wilno với mẹ nó, và bây giờ đã là một chú bé ba tuổi mạnh khỏe. Và cái hầm đã lấp, giống như cần phải thế đối với một năm mờ.

– Thôi! Ông già Shatterhand, đừng khóc nữa.

– Tôi có khóc đâu, – trung úy Twardowski nói, – nhưng đó chính là người bạn tốt nhất của tôi xưa kia.

Những giọt nước mắt không xua đuổi được những bóng ma, trái lại còn gọi chúng đến. Janek thấy Dobranski nằm dài trên cỏ, bên bờ Wilejka và anh nghe tiếng đại bác, từ bờ sông bên kia.

– Đừng nói nữa. Ráng giữ sức. Họ cách đây mười cây số. Họ có thầy thuốc, có xe cứu thương. Họ sẽ cứu cậu.

– Janek.

– Cậu đừng nói nữa, tôi van cậu.

– Chúng nó ngấm trúng đấy chứ, bọn dê tiện.

– Ừ, chúng ngấm rất trúng. Có đau không?

– Có.

– Hãy nghe tiếng đại bác. Họ sẽ đến đây bây giờ. Họ sẽ săn sóc cậu. Cậu sẽ không đau nữa.

– Nhưng tớ sẽ không còn nữa.

– Đừng nói nữa. Cậu sẽ còn. Số phận, cậu là có mặt ở đây để đón tiếp họ.

– Không. Thật đáng tiếc. Cũng giống như tớ đã trông thấy một bàn tay bè bạn và không thể siết chặt bàn tay đó được.

– Đáng lẽ cậu không nên ra khỏi hầm. Không ai ra cả. Cả anh em Dobranski, cả Yankel. Chỉ còn chờ đợi vài giờ nữa thôi. Và chúng tôi đã chờ đợi ba năm nay rồi.

– Tớ muốn siết chặt lấy bàn tay đang đưa ra...

– Đừng nói nữa, tớ van cậu. Ráng giữ sức.

– Có... rất nhiều... đại bác... đang gầm lên. Chỉ cần như vậy...

– Rồi sẽ có những chuyện khác nữa. Sẽ có âm nhạc và sách báo, sẽ có bánh mì cho mọi người và có ngọn lửa anh em. Tớ thấy rét.

– Đừng nhắm mắt. Cứ mở mắt như vậy!

– Không nên... sợ... hãi.

– Tớ biết.

– Thế thì!

– Biết cũng chưa đủ.

– Không có gì quan trọng cả... không chết đâu... Chỉ có những con người và những con bướm.

Trên mặt đất, những hàng kiến dài đang leo qua những viên đá sỏi. Hàng triệu con kiến bé tí và bận rộn và mỗi con đều tin tưởng ở sự vinh quang của nhiệm vụ của mình, ở sự quan trọng vô cùng của ngọn cỏ mà nó đang lúi đi một cách mệt nhọc...

– Janek.

– Tớ đây. Tớ không rời cậu.

– Tớ không còn thời gian để hoàn thành cuốn sách.

- Cậu sẽ hoàn thành.
- Không. Tớ yêu cầu cậu hoàn thành giúp mình. Cậu sẽ tự mình hoàn thành cuốn sách.
- Cậu hứa với mình đi.
- Mình xin hứa với cậu.
- Hãy nói cho họ biết đói, rét, hy vọng và tình yêu...
- Tớ sẽ nói.
- Tớ muốn họ sẽ tự hào về chúng mình và họ sẽ xấu hổ...
- Họ sẽ tự hào về họ và sẽ xấu hổ vì chúng ta.
- Cậu cố thử... Tớ muốn họ không bao giờ tái diễn điều đó nữa.
- Họ sẽ tái diễn.
- Mở toang cho họ thấy... lồng ngực của cậu, lồng ngực của một con người.
- Họ sẽ không muốn nhìn. Họ sẽ đi qua bên cạnh, đôi môi mím chặt và đôi mắt lạnh lùng.
- Thì cố thử xem...

Trung úy Twardowski lấy cuốn sách nhỏ từ trong túi ra và đặt nó xuống đất, trên đường đi của những con kiến. Nhưng không cách nào khác để bắt buộc những con kiến phải tránh xa con đường quen thuộc xưa nay. Chúng nó leo qua vật chướng ngại, không chú ý và vội vàng, bò qua những từ lạ lùng, vẽ trên giấy bằng những chữ đen to tướng “NỀN GIÁO DỤC CHÂU ÂU”. Chúng ngoan cố lôi đi những cọng rơm ngô nghĩnh. Phải có cái gì khác hơn là một cuốn sách mới làm cho chúng nó tránh xa Con Đường, Con Đường mà hàng triệu con kiến khác đã đi theo trước chúng mà hàng triệu con kiến khác đã vạch ra. Thử hỏi từ bao nhiêu thiên niên kỷ nay rồi chúng nó đã phải vất vả như vậy

và còn phải biết bao nhiêu thiên niên kỷ nữa chúng nó sẽ còn phải vất vả, cái giống ngô nghĩnh, bi thảm và không biết mệt này? Thử hỏi chúng nó sẽ còn xây nên biết bao nhà thờ mới để thờ phụng Chúa đã cho chúng những quả thận mỏng manh như vậy và một trách nhiệm nặng nề như vậy? Đấu tranh và cầu nguyện, hy vọng và tin tưởng dùng để làm gì? Thế giới mà trong đó những con người đau khổ và chết đi thì cũng chính là cái thế giới mà trong đó những con kiến đau khổ và chết đi: một thế giới ác nghiệt và khó hiểu. Trong đó điều duy nhất đáng kể là phải mang đi thật xa một cọng cỏ mơ hồ, một mẩu rơm, đi xa hơn nữa, trả giá bằng mồ hôi trên trán và nước mắt lẫn máu, luôn luôn xa hơn nữa! Không bao giờ được dùng lại để thở hoặc để hỏi tại sao. Những con người và những con bướm...”

Cộng tác với nhóm “Loren”

Nước Anh, mùa thu 1943.